

PAVXTOPXKI TỰ TRUYỀN



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

PAXTÓPXKI
TỰ TRUYỆN

*Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp.
Nhà xuất bản Gallimart - Paris.
Năm 1963*

PAUXTÓPXKI

TỰ TRUYỆN

Người dịch: Tạ Hồng Trung

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

LỜI GIỚI THIỆU

Conxtantin Ghéoócghiêvích Pauxtốpxki sinh năm 1892 tại Mátxcova. Cha ông gốc người Ucraina, là một viên chức nhỏ trong ngành đường sắt.

Mặc dù tác phẩm đầu tay của ông đã được công bố từ năm ông 19 tuổi nhưng mãi đến những năm cuối của thập niên 20 ông mới được xem như một nhà văn chuyên nghiệp. Nhưng một thứ chủ nghĩa lãng mạn với màu vẽ huyền ảo, phi thực thắm đậm trong những trang viết của Pauxtốpxki đã khiến ông phải hứng chịu ngay sự công kích hầu như thống nhất trong những năm đầu của nền văn học Xô Viết. Tuy nhiên, chính cái thiên hướng mơ mộng trước thực tại, ngay từ buổi đầu đã là đặc trưng của tác phẩm của nhà văn, chính cái thiên hướng ấy về sau đã giúp chúng ta hiểu được sâu sắc hơn thiên nhiên và con người của một đất nước đang trải qua những biến đổi sâu sắc.

Từ năm 1932 đến những năm 50 của thế kỷ XX, Pauxtópki đã cho ra đời *Cara-Bugado*, *Cây bả chó*, *Biển đen*, *Tiểu thuyết miền Bắc*, *Cuốn tiểu thuyết của những cánh rừng*, *Sự ra đời của một biển cả...* Đó là những tác phẩm thuộc một loại hình văn học người Nga gọi là *povextơ* mà chúng ta tạm dịch là *chuyện kể*, những tác phẩm được xem như một bộ sử thi về những biến đổi sâu sắc của thiên nhiên dưới ảnh hưởng của những hoạt động của con người và cũng là hiện thân của một chủ nghĩa trữ tình chưa từng thấy trong văn học từ trước đến nay.

Kế thừa truyền thống nhân đạo chủ nghĩa trong văn học Nga, Pauxtópki đã thổi vào những trang viết của mình một hơi thở nồng nàn, ấm áp tình người. Qua những dòng thơ của các tập *Những con tàu hội ngộ* (1928) và *Những áng mây lấp lánh* (1929) hay trong các tập truyện *Cara-Bugado*, *Cây bả chó*, người đọc đều dễ nhận thấy tác giả đã miêu tả một cách rất nên thơ những biến đổi kỳ diệu mà người dân Xô Viết đã đem lại cho thiên nhiên; đâu đâu ta cũng có thể nhận ra dáng dấp thơ mộng và chủ nghĩa nhân đạo đã tạo nên sự quyến rũ mê hồn trong tác phẩm của Pauxtópki.

Sẽ là thiếu sót lớn khi nói về các tác phẩm của Pauxtópki mà lại không nhắc đến *Bông hồng vàng* -

một tập tiểu luận, hồi tưởng, ghi chép rất có hồn giàu tư chất văn chương về quá trình thai nghén một tác phẩm, về nghệ thuật viết văn và đặc biệt là về kinh nghiệm riêng của ông trong lĩnh vực này. Với tác phẩm này, chúng ta có thể tiếp cận những điều bí mật trong hành trình sáng tạo nghệ thuật của ông.

Từ năm 1947 đến năm 1967, ông đã dành toàn bộ thời gian quý báu và nghị lực phi thường của mình cho bộ tự truyện khá đồ sộ gồm 6 tập - Cuốn *Tự truyện* này của Pauxtốpxki là quyển một của bộ sách trường thiên tự sự đó. Qua tác phẩm, Pauxtốpxki chẳng những tâm sự với người đọc về những năm tháng tuổi hoa của ông mà còn gửi gắm cho chúng ta cuộc phiêu lưu đầy hào hứng và thơ mộng của cả một thế giới nội tâm diễn ra dưới con mắt quan sát tinh tế, đầy tính lãng mạn và mãi mãi trẻ trung của nhà văn. Đặc biệt, mỗi chuyện kể trong tác phẩm khi được trích ra đều có thể được xem như một câu chuyện hoàn chỉnh, độc lập.

Chúng tôi trân trọng gửi đến bạn đọc quyển một của bộ tự truyện trên. Mong rằng nó sẽ là một nhánh đường quí thêm vào trong cái giỏ hoa muôn màu của Pauxtốpxki mà bạn có.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

NGÀY BA TÔI QUA ĐỜI

G iữa năm học cuối cùng ở trường trung học Kiếp, tôi nhận được một điện khẩn báo tin ba tôi đang hấp hối tại Gôrôditrê quê nhà, gần thị trấn Balaia Séccốp.

Ngày hôm sau tôi về đến Balaia Séccốp và nghỉ lại nhà bác Phêôcotixtốp, một người bạn cũ của ba tôi, hiện là trưởng phòng bưu điện của thị trấn. Đó là một người đã luống tuổi, với chòm râu dài và mang một cặp kính cận với đôi tròng khá dày. Bác ấy vận đồng phục của viên chức ngành bưu điện, một chiếc áo vải láng, một chiếc huy hiệu bằng đồng đính trên ve áo: một cái kèn và một tia lửa điện bất chéo.

Bấy giờ là vào khoảng cuối tháng ba. Trời mù sương. Những cây liễu vẫn còn trần trụi bị hơi nước quán quít.

Bác Phêôcotixtốp cho biết đêm hôm trước băng bắt đầu tan trên sông Rôxơ, một dòng sông chảy xiết. Thế mà, khu điền trang nơi ba tôi đang lịm

dần thì lại ở trên một hòn đảo lớn ở giữa dòng sông, cách Balaica Séccóp khoảng hai mươi cây số. Một con đường đá gọi là “đập tràn” nối khu điền trang với bờ sông.

Bác ấy nói với tôi rằng những ngọn sóng của con lũ lớn lúc này đang tràn qua mặt đường và có thể không tìm đâu ra người để đưa tôi sang đảo, thậm chí trong số những xà ích can đảm nhất, các *baligula*, như người ta thường gọi họ ở vùng này của Ucraina.

Bác ngẫm nghĩ hồi lâu, cố lục lọi trong trí nhớ xem ai trong số *baligula* của thành phố là người bạo phổi nhất. Trong bóng tối chạng vạng, Dina, cô nữ sinh trung học, con gái bác say sưa chơi dương cầm. Tiếng đàn làm run rẩy những chiếc lá non xanh. Tôi đắm chiêu nhìn mấy lát chanh tươi sùng nước nằm nhọt nhọt trong chiếc đĩa rằm. Và tôi im lặng.

- Suy cho cùng, bác cháu ta chỉ còn có thể cầu viện lão Bregoman nữa thôi. Đó là một lão già xem trời bằng vung - Bác Phêôctixtốp cả quyết - Thậm chí ma quỷ lão cũng chẳng xem ra gì.

Một lát sau, người xà ích Bregoman - lão già “xem trời bằng vung” - bước vào phòng làm việc của người bạn cũ của ba tôi, nơi ngổn ngang những đồng tạp chí Ni-va dày cộp, gáy mạ vàng. Đó là một người thấp lùn, chắc nịch, một lão Do thái có

bộ râu thưa và một cặp mắt mèo xanh nhạt. Đôi má hóp dần đầy xương gió của lão hồng hào như quả táo đỏ. Lão trao đi trao lại trong tay một cái roi ngựa ngắn và lắng nghe bác Phêôcotixtốp với một vẻ như giễu cợt.

- Ô là là... gay go quá nhỉ! - Lão mào đầu câu chuyện với một giọng rào đón để đặt giá khi cần mặc cả - Ô là là, biết tính sao bây giờ. Chả là thế này, cỗ xe của lão nó nhẹ lắm ông Phêôcotixtốp ạ. Mà mấy con ngựa thì gầy nhom, đúng là chỉ còn da bọc xương. Có lẽ chúng sẽ không đủ sức đưa chúng tôi sang đảo đâu. Tất cả rồi sẽ chết chìm mất thôi, cả lũ ngựa, cả cỗ xe, cả cậu ám dây và cả lão già Bregoman này nữa. Giá được cáo phó trên mặt báo thì còn khả dĩ, đăng này lại không. Đó chính là điều lão không chịu nổi, ông Phêôcotixtốp ạ. Nhưng thôi cũng đành, ta cứ thử xem sao. Suy cho cùng, tại sao không nhỉ? Đòi một lão *baligula* thì đáng giá bao nhiêu? Ông rõ quá rồi còn gì: ba đồng vàng. Thật tình lão không dám nghĩ tới năm hoặc mười hai lu-i.

- Cảm ơn lão, Bregoman ạ, - bác Phêôcotixtốp trả lời - Tôi biết thế nào lão cũng nhận lời. Con người can trường nhất thành phố này chính là lão chứ còn ai. Thôi được, tôi sẽ đặt tờ Ni-va cho lão từ bây giờ đến cuối năm.

- Lão can trường đến vậy - Bregoman nói the thé, giọng bông đùa - sao ông không đặt cho lão "Người Nga tàn phé"? Ít ra trong tờ này, lão còn có được những câu chuyện về các cựu chiến binh, về các dũng sỹ Huân chương Thánh Gioócgơ để mà đọc. Thôi, thế này ông nhé, một giờ nữa, lũ ngựa sẽ có mặt ngay trước cửa.

Nói rồi, lão Bregoman bỏ đi.

*

* *

Trong bức điện tôi nhận được ở Kiép có một câu không bình thường: "Mời một giáo trưởng hay một mục sư ở Balaia Séccóp cùng về, bất cứ ai cũng được, miễn là người ta nhận lời".

Tôi biết rất rõ tính khí của ba tôi, vì vậy lời lẽ của bức điện khiến tôi lo lắng và hoang mang. Ba tôi là một người vô thần. Thái độ khinh bạc của ba tôi đối với các mục sư và giáo trưởng đã là nguyên nhân của sự va chạm thường xuyên giữa con rể và mẹ vợ, người bà Ba Lan của chúng tôi, một người mộ đạo cuồng tín, giống như hầu hết giới nữ Ba Lan.

Tôi đoán người đã đứng ra dàn xếp để gia đình chúng tôi chịu mời một mục sư chính là cô Phêđôđôxia Mắcxinópna, em gái ba tôi và mọi người quen gọi là cô Đôđia.

Cô Đôdia phủ nhận mọi nghi lễ tôn giáo, trừ lễ tẩy lăm chung. Kinh thánh của riêng cô là “Người nhạc công đàn Còđoba”¹, một quyển sách được giấu kỹ trong một cái hòm có đai sắt phủ đầy những giọt nến sáp và cũng bị thời gian làm vàng úa không khác gì một quyển kinh thánh thực thụ. Đôi khi trong đêm khuya, cô Đôdia đem quyển sách ra và đọc lại bài thơ “Katarina” dưới ánh sáng leo lét của một cây nến và chốc chốc lại đưa mép chiếc khăn mỏ quạ màu sẫm của cô lên lau nước mắt.

Cô thương xót thân phận nàng Katarina, người có số kiếp giống cuộc đời của cô. Trong một khóm cây ẩm ướt cách nhà không xa, thảm cỏ đã phủ xanh rờn trên nắm mồ đứa con trai, “vị thiên sứ” của cô. Đứa bé đã qua đời nhiều năm trước, khi cô Đôdia còn rất trẻ. Thằng nhóc ngộ nghĩnh ấy, như lúc bấy giờ người ta thường gọi, là một “đứa con của tội lỗi”.

Người tình đã phụ bạc lòng tin của cô. Người ấy đã rời bỏ cô. Còn cô thì nguyện chung thủy với người ấy cho đến mãn chiều xế bóng và vẫn chờ đợi cái ngày người ấy nhất định sẽ trở về, biết đâu đấy, khi đã bị cuộc đời vùi dập trở thành thân tàn ma

1. “Người nhạc công đàn Còđoba” - Tác phẩm nổi tiếng của thi hào dân tộc Ucraina Tarax Séptrencô.

dại. Rồi lúc ấy, sau khi thổ lộ hết nguồn cơn, cô sẽ dành cho con người ấy nơi ẩn náu trong sự vô về, âu yếm của cô.

Không một vị giáo trưởng nào chịu đi Gôrôditrê; họ viện cớ bị ốm hay bận những việc cấp bách. Chỉ có một mục sư trẻ, người Ba Lan, nhận lời cùng về với tôi. Sau khi cho tôi biết rằng chúng tôi phải đến nhà thờ lấy dầu thánh, mục sư dặn trước không một ai được phép trò chuyện với người mang dầu.

Mục sư khoác một chiếc áo choàng dài, màu đen, cổ nhung và đội một chiếc mũ tròn, hình dáng kỳ cục và cũng màu đen.

Giáo đường tối tăm và lạnh lẽo. Những bông hồng giấy đỏ chót móc dưới chân cây thánh giá, đầu tượng thánh rũ xuống. Vẳng bóng những cây nến, thiếu tiếng lanh canh của những chuông nhỏ và tiếng rên của cây đại phong cầm, giáo đường giống như những hành lang của một nhà hát trong ánh sáng ảm đạm.

Lúc đầu xe chúng tôi lăn bánh trong im lặng. Chỉ riêng Bregoman thỉnh thoảng tặc lưỡi và thúc hai con ngựa gầy dơ xương. Lão quát chúng như những *baligula* vẫn làm, không phải bằng tiếng kêu “hơ” mà hét lên “vìơ!”. Mưa rơi rì rầm trong các vườn cây ăn quả. Người cha đạo giữ khư khư lọ dầu thánh bọc trong một mảnh nỉ. Chiếc áo khoác học

sinh màu xám của tôi ướt sũng và cũng ngả dần sang màu đen. Trong làn mưa mờ mờ, sừng sững dựng lên, có lẽ đến chín tầng mây, những khu vườn Aléxhandri nổi tiếng của công tước phu nhân Branitxki. Những khu vườn này rộng mênh mông như những hoa viên của cung điện Véxay, bác Phêôcotixtốp nói với tôi như vậy. Tuyết đang tan trong những khu vườn, khoác lên cây cối một hơi băng giá. Bregoman xoay người lại nói với tôi rằng ở đây có hàng đàn hươu rừng.

Quên bém đi rằng suốt dọc đường phải im lặng, tôi quay sang hỏi ông mục sư:

- Thưa cha, người đồng bào của cha, nhà văn Míchkiêvích, rất thích những khu vườn này.

Tôi rất muốn nói một điều gì đó làm đẹp lòng người để cảm ơn ông mục sư đã chấp nhận cuộc hành trình cực nhọc và nguy hiểm này. Mục sư đáp lại bằng một nụ cười.

Những cánh đồng bùn lầy ngập tràn nước mưa. Những chú chim khách bay là là sát mặt đất và bật ra những tiếng kêu the thé. Chúng soi bóng trong những vũng nước. Tôi dựng cổ áo choàng lên và nghĩ về ba tôi. Tôi thường tự nhủ rằng hầu như tôi không thật sự hiểu ba tôi lắm. Suốt đời làm nghề thống kê, hoặc hầu như suốt đời, ba tôi công tác trên những tuyến đường sắt phần châu Âu của nước Nga.

Chúng tôi luôn thay đổi chỗ ở: Mátxcơva, Pơcốp, Vinô và sau hết là Kiép. Không ở nơi nào ba tôi có thể hòa hợp được với thủ trưởng của ba. Ba rất nhạy cảm, dễ bị kích động nhưng rất tốt.

Cách đây một năm, ba rời Kiép và nhận một chân thống kê tại một nhà máy ở Brianxơ, vùng Ôren. Nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, bỗng nhiên không một lý do rõ ràng, ba buộc lòng phải bỏ việc và trở về Gôrôđitrê, khu điền trang cũ của tổ tiên, nơi em trai ba, chú giáo Incô và em gái ba, cô Đôdia đang sống.

Cách đổi nhân xử thế của ba tôi làm cho cả gia đình, nhất là má tôi, bối rối. Lúc này má đang sống ở Mátxcơva với anh cả tôi.

Một tháng sau khi về Gôrôđitrê, ba tôi lâm bệnh và giờ đây ba đang lịm dần.

Xe chúng tôi bắt đầu đi xuống một con đường đất lổm. Từ phía cuối đường vọng đến tiếng sôi róc âm âm không dứt của con sông. Lão Bregơman rời rít trên chỗ ngồi của lão:

- Nước lên - Lão lăm bằm, giọng lạc hẳn - Các bạn lữ hành thân mến, bây giờ tốt hơn hết là các bạn hãy gửi linh hồn cho Chúa.

Ở chỗ đường rẽ, con nước bất thần xuất hiện. Ông mục sư rướn người lên và bám chặt vào chiếc dây lưng mầu hồng cũ kỹ của lão Bregơman.

Dòng nước tung hoành chồm tới giữa những khối đá cát. Ở chỗ này dòng sông Rôxơ, trong một cơn thịnh nộ, đã rạch một con đường xuyên qua những ngọn núi Avratinxklé. Nó trườn qua con đê với những đợt sóng dồi trong suốt để rồi giận dữ lao về phía bên kia làm vọt lên những đám bụi nước lạnh lẽo.

Ở phía bên kia con nước, trên hòn đảo, những rặng liễu khổng lồ cứ như đang bay vút lên trời. Xa xa, một mái nhà nhỏ quét thành một vệt trắng. Tôi nhận ra khu điền trang nơi tuổi thơ của tôi trôi qua: những khóm cây, những bờ đậu, máy giếng nước có tời quay tay và những mỏm đá nhô lên gần bờ nước. Chúng sẻ con sông thành những dòng nước xiết riêng rẽ và hung hãn. Thành thạo cùng với ba, tôi vẫn thường đến câu những con cá lòng tong râu ria ở đây.

Đến đầu đập tràn, lão Bregoman dừng ngựa, từ trên chỗ ngồi bước xuống, lấy ngọn roi vắt dây cương lên và lắc đầu đưa mắt dò la cỗ xe với một vẻ hoài nghi. Bỗng nhiên, lần đầu tiên, ông mục sư phá vỡ lời nguyện giữ im lặng:

- Lạy Đức Chúa - Thánh Mẫu! - Người cha đặc thì thầm - Làm sao qua được?

- Chu cha! - Lão Bregoman gầm gừ - Lão cũng không biết tính sao nữa. Các bạn hãy cứ đợi đấy,

không việc gì phải cuống lên như vậy. Mấy con ngựa run rẩy thế kia cũng đủ lắm rồi.

Hai con vật, đầu hất về phía sau, lội xuống và vùng vẫy trong dòng nước xiết. Con lũ gầm thét còn cỗ xe thì dạt về phía mép đập tràn. Hai bên bờ đập không có tay vịn. Cỗ xe nhích lên, ngả nghiêng theo một đường chên̄h ché̄ch, vành bánh kim loại rít lên ken két. Những con ngựa run lên bần bật, dồn sức nặng ghì về phía trước cúi rạp xuống gần sát mặt nước để khỏi bị con lũ quật ngã. Trên chỗ ngồi của lão, Bregoman quay tít chiếc roi ngựa trên đầu.

Đến đoạn giữa, nơi sóng dồi mạnh đến nỗi phát ra những tiếng lanh canh kim loại, những con ngựa đứng sững lại. Bọt nước sôi lên sùng sục như một ngọn thác xung quanh những cái chân khẳ̄ng khiu. Lão Bregoman chỉ còn cách cố vũ mấy con ngựa với một giọng van nài, rồi thẳ̄ng tay qua chúng không thương tiếc. Hai con vật chũ̄m lại. Cỗ xe đã ở trên bờ vực thẳ̄m.

Đúng lúc ấy, tôi thoáng trông thấy chú Incô ngồi trên lưng ngựa, từ trong điển trang phi nước đại lao về phía bờ sông. Chúng tôi nghe thấy chú gào lên như ra lệnh và rung rung một cuộn dây nhỏ trên đầu.

Rồi, xông xuống đập, chú lẳ̄ng cho Bregoman

một đầu dây. Lão xà ích hồi hải buộc dây vào một chỗ nào đó ở ghế ngồi, và ba con vật - hai hồng một xám - cuối cùng đã lôi được cỗ xe lên đảo.

Người cha đạo phác một dấu thánh khoáy đạt. Lão già Do thái nhỏ con nháy mắt cho chú Incô ý nói rằng rồi đây thiên hạ sẽ còn nhớ mãi một *baligula* can trường như lão. Còn tôi, tôi hỏi thăm tình trạng của ba tôi.

- Ba cháu vẫn còn tỉnh - Chú Incô hôn tôi và trả lời. Những sợi râu cứng của chú cọ lên má tôi - Ba cháu vẫn chờ. Maria má cháu đâu?

- Cháu đã diện đĩa Mátxcơva cho má cháu. Có lẽ ngày mai má cháu cũng sẽ tới.

Chú Incô ném một cái nhìn ái ngại về phía dòng sông.

- Nước vẫn còn lên - Chú nhận xét - Rõ khốn, Còxtích của chú ạ. Thôi thì cũng hy vọng là tình hình này không kéo dài. Thôi, ta về đi các vị.

Cô Đôdia chờ chúng tôi trên thêm tam cấp, cô vậu toàn đồ đen, cặp mắt ráo hoảnh.

Một mùi bạc hà bỗng bễnh trong ngôi nhà nóng ngột ngạt. Tôi không nhận ra ngay ba tôi trong ông già vàng vọt, đôi má lờm chớm đầy râu đang ngồi đó. Ba tôi chỉ mới năm mươi tuổi. Trong ký ức, tôi vẫn giữ được hình ảnh một con người mảnh dẻ, nước da nâu, dáng trang nhã, mặc dầu đôi vai có

hơi gù, với một cặp mắt ân cần trên khuôn mặt rạng rỡ một nụ cười khác thường và đượm buồn.

Giờ đây, ngồi trong chiếc ghế bành, ba thở một cách khó nhọc và không rời mắt nhìn tôi, một giọt lệ lăn trên khuôn mặt hốc hác và dừng lại trong bộ râu của ba. Cô Đôdia lau giọt nước mắt bằng đầu một chiếc mùi xoa trắng tinh.

Ba tôi không nói được nữa. Ba đang hấp hối vì bị ung thư yết hầu.

Suốt đêm tôi ngồi cạnh ba. Căn nhà nhỏ im lìm ngủ. Mưa đã tạnh. Những ngôi sao nhen lên một thứ ánh sáng ảm đạm bên ngoài cửa sổ. Dòng sông găm thét mỗi lúc một dữ dội hơn. Mực nước dâng lên trông thấy. Lão Bregoman và ông mục sư không vượt sông được và bị kẹt lại ngoài đảo.

Nửa đêm, ba tôi tựa quây và mở mắt. Tôi cúi sát người ba. Ba muốn ôm choàng tôi vào lòng nhưng không đủ sức và trong hơi thở phều phào, ba gắng lắp bắp vài lời:

- Ba e rằng... thiếu bản lĩnh... tương lai con sẽ khó khăn.

- Không, ba ơi, - tôi sẽ trả lời ba - Không phải thế đâu ba.

- Con sẽ gặp má, - ba tôi vẫn thì thầm - Ba có lỗi với má con. Mong má tha tội cho ba.

Ba tôi nằm im và yếu ớt nắm lấy tay tôi.

Lúc đó tôi không hiểu hết ý nghĩa những lời trần trối của ba. Mãi sau này, nhiều năm sau đó, ý nghĩa cay đắng của những lời trần trối ấy mới trở nên rõ ràng đối với tôi. Và cũng rất lâu sau đó, tôi hiểu rằng, ba tôi không những chỉ là một viên chức thống kê mà còn là một nhà thơ.

Ba tôi qua đời lúc sáng tinh sương. Tôi không nhận ra ngay sự kiện phũ phàng ấy. Ba tôi dường như thiếp đi trong một giấc ngủ thanh bình.

Trong diền trang chúng tôi có một ông già rất tốt bụng, lão Nétsipo. Người nhà đã cho mời lão đến đọc vài đoạn thánh thi trước thi hài ba tôi.

Chốc chốc lão Nétsipo lại ngừng đọc để ra ngoài hút thuốc. Ở đó, lão kể cho tôi nghe những câu chuyện thật giản đơn nhưng đã đập mạnh vào trí tưởng tượng của tôi: lão nói về một chai nước lão uống mùa hè năm trước ở Bêlaia Séccốp, hay về một cái máy sảy khác thường do người Mỹ chế tạo, muốn cho chạy “phải cắm nó vào một cây thu lôi” và lão cũng khoe rằng trong trận Plêvona, chính mắt lão đã trông thấy tướng quân Xcôbêlốp gần như “cái bờ dậu đứng kia”. Cụ Nétsipo là một “lão già dở hơi”, dân trên đảo thường nói vậy, “một tay khoác lác, một kẻ lảm điều”.

Lão đọc quyển Thánh thi suốt cả ngày và cả đêm hôm ấy. Lão gạt tàn ngọn nến bằng những

móng tay đen thui; đứng đó ngủ gà ngủ gật, ngáy khò khò rồi lại bừng tỉnh để tiếp tục rì rầm những lời cầu nguyện mơ hồ.

Trong đêm ở bên kia sông, ai đó đứng đưa hoài một ngọn đèn lồng và hú lên những tiếng gọi dài xa vắng. Tôi theo chú Incô đến tận bờ nước. Dòng sông vẫn găm thét. Giờ đây làn nước tràn qua con đập với những ngọn thác giá lạnh. Đêm khuya sâu thẳm. Trên đầu không một vì sao. Những làn hơi lạnh buốt từ con lũ lớn, từ những đám đất băng tan phá vào mặt chúng tôi. Và ở phía bên kia, ai đó vẫn đứng đưa hoài cây đèn lồng và kêu gọi, nhưng trong tiếng âm âm của dòng nước hung dữ, không thể nào nghe rõ được một lời.

- Hả là má cháu, - tôi nói với chú Incô.

Chú không trả lời.

- Về cháu, - chú nói sau một hồi lâu im lặng - ngoài sông chẳng ấm áp gì. Cháu sẽ bị cảm lạnh mất.

Tôi không muốn về. Chú tôi ở lại thêm vài phút, im lặng rồi bỏ đi. Tôi vẫn đứng đó, dõi nhìn ngọn đèn xa xa. Gió mỗi lúc một mạnh hơn; gió đứng đưa những thân cây liễu và đưa đến chả biết tự cõi nào một mùi hương ngòn ngọt của khói rơm.

*

* *

Ngày hôm sau, người ta chôn cất ba tôi. Lão Nétsipo và chú Incô đào một cái huyệt trong một khóm cây, bên rìa thung lũng. Ở đây mắt nhìn có thể bao quát những cánh rừng xa xa phía bên kia sông Rơxơ, và cả bầu trời tái mét của tháng Ba.

Người ta đưa chiếc quan tài ra khỏi ngôi nhà. Ông mục sư dẫn đầu đám tang. Ông ta nhìn thẳng về phía trước với cặp mắt bình thân và đọc lời cầu nguyện bằng tiếng latin.

Tôi đi sau chiếc quan tài. Ra đến thêm tam cấp, tôi thoáng thấy bên kia sông có một cỗ xe calesơ, những con ngựa đã tháo yên cương cột sau cỗ xe và một bà vận đồ đen. Đó là má tôi. Má đứng im phăng phắc bên bờ nước. Từ bên ấy, má thấy người ta đưa chiếc quan tài ra đi. Đột nhiên, má quỵ xuống và quỵ hẳn, đầu vùi trong cát.

Người xà ích, một người cao gầy, tiến lại gần, cúi xuống và nói gì đó với má, nhưng má vẫn phủ phục, bất động tại chỗ.

Bất thần, má vụt đứng dậy, lao dọc theo bờ sông về phía con đập. Người xà ích vội tóm lấy má. Má ngã sòng xoài, lấy tay bưng mặt.

Người ta đưa thi hài ba tôi theo một con đường đất dẫn tới khóm cây. Đến một lối rẽ, tôi ngoái cổ lại nhìn. Má vẫn sòng xoài trên đất, khuôn mặt giấu trong đôi bàn tay.

Mọi người bước đi trong im lặng. Chỉ có lão

Bregoman vẫn đập đập cái roi vào chiếc ủng.

Trước cái hố sâu, ông mục sư ngược cặp mắt xám lên bầu trời lạnh lẽo và khoan thai rành rọt đọc bằng tiếng latinh:

- Requiem acterman dona ei, Domine, et lux perpetua luceat ei

(Kính Chúa linh thiêng, xin hãy ban cho con chiên của Chúa hòa bình và hào quang vĩnh cửu).

Người cha đạo ngừng lời và nghe ngóng. Người ta vẫn còn nghe thấy tiếng âm âm của dòng sông. Trên đầu chúng tôi, trong đám lá cành của mấy cây du già, những con sơn tước riu rít gọi bầy. Ông mục sư thở dài nảo nuột và bắt đầu thuyết giáo về niềm khát khao hạnh phúc muôn thuở và về một kiếp phù du thấm thoát trôi qua cái thung lũng đời người đầy nước mắt này. Lời thuyết giáo của cha đạo thích ứng lạ lùng với cuộc đời của ba tôi. Tôi thấy tim mình thất lại. Sau này tôi thường cảm nhận được nỗi khắc khoải ấy, mỗi khi đứng trước một sinh linh khát khao hạnh phúc nhưng luôn luôn bị dấn vật bởi trạng thái bất hoàn của những quan hệ con người.

Dòng sông vẫn sủi bọt, chim chóc vẫn kín đáo líu lo trong khi chiếc quan tài từ từ hạ xuống đáy sâu của phần mộ, sẽ rít lên và làm long lở những nắm đất ẩm ướt.

Tôi vừa tròn mười bảy tuổi.

ÔNG NỘI MÁXIM GRIGORIÉVICH

Sau đám tang ba tôi, tôi còn nán lại Gôrôditrê một thời gian ngắn.

Ba ngày sau, khi dòng lũ rút lui rồi, má tôi đã có thể sang sông.

Nét mặt má tôi mệt mỏi, nước da nhợt nhạt. Má không khóc nữa, nhưng vẫn đến phần mộ của ba tưởng niệm hàng giờ liền.

Những bông hoa thiên nhiên giờ đây chưa xuất hiện nhưng phần mộ phủ đầy những cánh hoa mẫu đơn giấy của mấy chị nông dân trẻ làng bên. Các chị thường hay cài những bông hoa giấy ấy cùng những dải băng sặc sỡ lên đuôi sam của mình.

Cô Đôdia ra sức vỗ về, an ủi tôi. Từ trong kho, một túp lều nhỏ ảm đạm, cô đem ra một chiếc hòm lớn chứa đầy đồ cổ. Nấp hòm được bật lên và phát ra những tiếng kêu ken két.

Trong hòm tôi nhận ra một bản sắc thư của Ngài Thủ Lĩnh, được gọi là “thông tài thư” thảo bằng chữ la-tinh, một chiếc ấn chương bằng đồng,

một tấm huân chương Thánh Gioóc được ban tặng trong cuộc chiến tranh chống Thổ Nhĩ Kỳ, một chiếc “chìa khóa giải mã các giấc mơ”, vài chiếc tàu âm khói, những tấm thêu ren đen cực kỳ tinh xảo.

“Thông tài thư” và ấn chương là gia bảo của gia đình từ thời Thủ lĩnh Xagaidatroni một trong những cụ tổ xa xưa của chúng tôi. Ba tôi thường cười nhạo cái “truyền thuyết về cội nguồn lãnh chúa” của mình, ba luôn nhắc lại rằng các cụ ông và cụ cố của chúng tôi suốt đời lam lũ ruộng vườn và chỉ là những dân cày bình dị và cần mẫn. mặc dù họ được xem như con cháu của những người Cốt đắc Dapô rôgơ.

Vào thế kỷ thứ 18, dưới triều Nữ hoàng Catêrin Đệ Nhị, khi dòng họ của những người Dapô rôgơ bị xua đuổi tan tác, một số dân Cốt đắc đến định cư dọc hai bờ sông Rôxơ, trên những vùng lân cận của xứ Bêlaia Xécôp. Những người Cốt đắc ấy đành cam chịu cuộc đời của những người nông dân. Phải một thời gian lâu lắm sau đó, cái quá khứ sôi động xa xưa mới bắt phần nào nhiệt trong huyết quản của họ. Bản thân tôi chỉ mới ra đời vào cuối thế kỷ trước vẫn còn được nghe người già kể lại những mẩu chuyện về những trận đẫm máu chống lại người Ba Lan, về những chiến dịch chống quân Thổ, những chi tiết về cuộc tàn sát ở Uman và về các thủ lĩnh miền Trighirin.

Bị ám ảnh bởi những câu chuyện như vậy, anh em chúng tôi thường bày trò bắt chước những người Dapôrôgiơ. Chúng tôi nô đùa trong một thung lũng gần một điền trang nơi mọc đầy những bụi mận gai dọc theo các hàng rào. Vào những ngày đại thử, những bông hoa đỏ rực và những tán lá có gai tỏa ra một mùi hăng hắc. Những đám mây hầu như bất động trong bầu trời phía trên thung lũng, đúng là những áng mây Ucraina, lười biếng và sầm uất. Và trí tưởng tượng con trẻ mãnh liệt đến nỗi, từ đó, mọi cuộc chiến chống Ba Lan hoặc chống Thổ đều gắn liền với hình ảnh một bình nguyên hoang dại, mọc đầy mận gai với mùi hương ngát ngậy và bụi bặm. Đối với chúng tôi, những bông hoa mận gai, đó chính là những hòn máu ngưng tụ của tổ tiên.

Rồi dần dần, với tháng năm, khí huyết hùng tàn của những người Cô-dắc cũng dịu đi đáng kể. Và khi tôi còn nhỏ, sự cuồng nhiệt ấy chỉ còn được bộc lộ qua những vụ kiện cáo bất tận và phá phách chống lại Bá tước phu nhân Branitxki chỉ vì một mảnh đất nhỏ xíu, bằng những cuộc cố tình săn bắt vụng trộm và qua những mẩu rơi rớt của vài điệu “đum-ca”, những bài hát cổ của những người Cô-dắc mà ông nội Mác-xim Grigôriêvich hát cho đàn con cháu chúng tôi nghe.

Thân hình nhỏ bé, đầu tóc bạc phơ và với cặp mắt đục mờ nhưng chứa chan nhân hậu, suốt mùa hè cụ sống trong cái tổ của cụ ở bên kia cánh rừng phía cuối đảo. Cụ cố thủ ở đây để tránh những ngọn đòn xúc phạm của cái tính khí điên khùng của bà vợ, người bà Thổ Nhĩ Kỳ của chúng tôi.

Vào một thời xa xưa, ông nội đã từng làm nghề chuyên chở bằng xe kéo. Cùng với những con bò của cụ, ông đã đến tận Biển Đen, Pêrôcốp, Ácmêniacơ. Và từ đó đem về những chuyến xe đầy muối và cá khô. Chính là nhờ có cụ mà lần đầu tiên tôi được nghe kể rằng tại một xứ sở nào đó ở bên kia những thảo nguyên xanh lơ hoặc vàng rực của Iêcatênôxláp và Khécông trái dài một vùng đất thiên đường rộng mênh mông. Đó là bán đảo Crim.

Trước khi làm nghề này, ông đã phục vụ trong quân đội của Hoàng đế Nicôla Đệ nhất và đã từng tham gia cuộc chiến tranh chống Thổ Nhĩ Kỳ. Bị bắt làm tù binh, khi trở về, ông đã đem theo từ cũi giam cầm ở thành phố Cadanlich, thuộc vùng Bancăng, một người vợ Thổ cực kỳ xinh đẹp. Tên bà là Phatina. Kết hôn với ông, bà cải tôn thành tín đồ đạo Thiên Chúa và mang một cái tên mới là Ônôrata.

Chúng tôi sợ người bà Thổ Nhĩ Kỳ của chúng tôi, ít ra cũng như ông nội kính hãi bà và tìm mọi cách có thể để không chạm trán với bà cụ.

Ngồi cạnh căn lều ở nơi ẩn dật của cụ, giữa những vạt hoa bí đất màu vàng, bằng một giọng run rẩy, ông hát cho chúng tôi nghe những điệu “đum ca” Côđắc và những bài hát của dân xe thồ. Ông còn kể nhiều chuyện cổ tích cho chúng tôi nghe.

Tôi rất thích những bài ca của dân xe thồ với cái vẻ u sầu của những khúc ngâm. Đó là những điệu mà người ta có thể ngân nga hàng giờ theo nhịp đưa kéo kệt của những bánh xe, trong khi nằm trên những đống hàng, lưỡi biếng ngửa mặt nhìn bầu trời. Trong khi những bài ca Côđắc làm thức tỉnh trong tâm hồn một nỗi buồn man mác, hình như tôi nghe thấy tiếng than khóc của những người nô lệ, những “cai-đăng” trong gông xiềng quân Thổ hoặc những tiếng hô xung trận theo bước chân giục giã của vó ngựa.

Ông nội ơi, chẳng còn gì mà ông không hát cho chúng cháu nghe! Nhưng chúng cháu vẫn thường đòi ông nội hát cho nghe một lần điệu ưa thích nhất:

*Canh khuya đoàn quân Côđắc huyết dài tiếng gió,
Giục nhau xuống mở màn cuộc chiến
Cô nàng Maruxenca với cặp mắt u sầu, kiêu diễm
Mơ màng và đăm lẹ...*

Và trong tất cả những chuyện kể của ông, chúng tôi mê nhất câu chuyện về chàng Ôxtáp, nhạc công đàn thất huyền.

Chẳng hay đã có bao giờ bạn được trông thấy một cây thất huyền? Ngày nay, tuồng hoặc người ta chỉ còn được trông thấy loại nhạc cụ này trong các viện bảo tàng. Nhưng vào cái thời khi tôi còn thơ ấu, người ta thường bắt gặp những nhạc công đàn thất huyền mù lòa, chẳng những trong các chợ phiên của các làng quê nhỏ bé mà ngay cả trên các đường phố Kiếp.

Bàn tay đặt trên vai một thiếu niên, chân đất, họ lần bước trong những chiếc áo rộng bằng vải thô chống ngọn gió mùa đông bắc. Trong chiếc túi rất kẻ mù lòa treo trên vai có mang theo những mẩu bánh mì, vài củ hành, một ít muối bọc trong một chiếc khăn lau sạch sẽ.

Một cây thất huyền dung đưa trước ngực. Cây đàn nom gần giống cây vĩ cầm, gồm một cái cần bằng gỗ có gắn một chiếc tay quay trên ngọn và một bánh xe tí xíu nằm giữa mặt đàn.

Người nhạc công điều khiển chiếc tay quay và thế là cả cái bánh xe cũng bắt đầu chuyển động cọ vào những dây đàn làm rung lên những cung bậc khác nhau và cứ như là những dũng sĩ bộ rầy thuần hóa mùa may quay cuồng xung quanh để đưa chân người nhạc sỹ.

Những nhạc công mù lòa ấy không hát mà ngâm nga kể lể những khúc “đumca”, những bản

thánh thi và những bài thơ nhiều thể loại. Thế rồi với vé trăm ngàn, họ kiên nhẫn lắng nghe cái âm thanh vù vù mỗi lúc một lắng dần của cây thất huyền. Và cuối cùng, với cái nhìn không còn sức sống chầm chầm hướng về phía trước, học cầu xin chút lòng bố thí.

Nhưng họ không khẩn nài như những kẻ hành khất bình thường. Tôi vẫn còn nhớ lời thỉnh cầu của một nhạc công đàn thất huyền ở thị trấn Séccaxi:

- Hỡi các bậc từ bi, xin hãy thương tình bố thí kẻ hèn này và cho chút tiền đồng đây dăm ba xu lẻ vì nếu không may vãng sự đờ đàn của con trẻ, kẻ mù lòa hẳn sẽ là lạc lối và sau khi qua đời biết làm sao tìm đường về được vương quốc của Đức Chúa Trời.

Trong ký ức của tôi, không một bãi chợ nào lại không có ít ra là một nhạc công đàn thất huyền. Tựa lưng vào một góc liểu bụi bậm nào đó, người nhạc sỹ im lặng ngồi đợi trong khi các bà với tấm lòng nhạy cảm chen chúc xung quanh và buông những tiếng thở dài náo nức. Động lòng trắc ẩn, các bà bỏ vào chiếc bát gỗ của ông già dăm xu đồng xanh rì.

Đối với tôi, hình ảnh những ông già nhạc sỹ ấy mãi mãi gắn liền với ký ức về những phiên chợ Ucraina họp vào lúc bình minh, khi những giọt

sương sáng còn long lanh trên cỏ, nơi những bóng tối âm lạnh còn trải vắt qua những con đường bụi bặm, còn những làn khói xanh lam thì đang nhẹ nhàng gợn sóng trên mặt đất đã được mặt trời soi sáng.

Những chiếc lọ sành phẳng phát chứa đầy sữa bò lạnh giá, những chiếc nồi đất đựng mật kiêu mạch, những chiếc bánh ngọt xinh xinh và nóng sốt có nhân pho mát trắng và nho khô vùng Coranh, những chiếc túi căng đầy anh đào, mùi cá khô, tiếng lanh canh lưỡi nhác của những chiếc chuông giáo đường, tiếng cãi lộn sảng sái như tiếng gà mái tìm ổ của mấy bà nông dân, những chiếc dù thêu ren của mấy nàng làm duyên tỉnh lẻ, và tiếng bắt thần nện vào chiếc chảo đồng trên vai một anh chàng người Rumani với cặp mắt dữ tợn nào đó: tất cả những người đánh xe bò đều xem như nghĩa vụ của mình là phải dùng ngọn roi gõ lên chiếc chảo, nói là để thử xem cái chất đồng Rumani có thật sự tốt như người ta đồn đại không.

Còn cái huyền thoại về chàng Ôxtáp, nhạc công đàn thất huyền thì hầu như tôi thuộc lòng.

- Chuyện ấy xảy ra ở Damôtriê, một làng quê ở phía Vaxicốp - Ông nội bắt đầu kể - Ôxtáp vốn là thợ rèn của xứ này. Bể lò của anh ta ở ngay đầu làng, dưới gốc những cây thủy tùng đen ngòm, đen hết chỗ nói, ngay bên bờ nước. Ôxtáp làm được mọi

thú: anh đóng móng ngựa, rèn những chiếc đinh, những cái trục xe bò.

“Vào một buổi chiều mùa hạ, Ôxtáp đang cặm cũi nhóm lò; cơn giông chỉ vừa mới qua đây: nó tung vãi lá cây trên những vạt nước và quật ngã một cây liễu vốn đã bị một đục thân. Đang phì phò chiếc bễ, bỗng Ôxtáp nghe như có tiếng gì đó: có mấy con ngựa đang tức tối dậm chân căng và dừng ngay trước cửa lò rèn. Và một giọng nói, một giọng phụ nữ, trẻ trung, đang gọi người thợ đóng móng ngựa.

“Ôxtáp bước ra và cảm thấy tim mình thổn thức: ngay gần bên cửa, chàng nhận ra tung tăng một chú ngựa đen, và trên mình ngựa là một sắc đẹp thần tiên, trong một cánh áo nhung dài với chiếc mạng che mặt và chiếc roi mềm trong tay. Dưới tấm mạng mỏng, đôi mắt người đẹp tươi cười. Và cả chúng nữa, hàm răng của nàng cũng nở tươi. Trên những làn nhung mềm mại, tươi xanh của tấm áo dài còn long lanh những viên nước ngọc. Giờ đây, khi cơn mưa đã tạnh, từ trên lá cành xum xuê của mấy cây thủy tùng, những giọt nước rơi xuống người cô gái. Và bên cạnh nàng, trên mình một con ngựa khác là một viên sỹ quan trẻ tuổi. Thuở ấy, ở thị trấn Vaxicóp, đúng là có một trung đoàn thương kỵ binh đồn trú.

- Bạn ơi - người thiếu phụ cất tiếng chào Ôxtáp -

chàng đóng giúp móng ngựa cho ta, được chứ? Con ngựa mất một bên móng sắt mà sau cơn mưa đường lại trơn.

“Nàng rời mình ngựa xuống ghé ngồi trên chiếc thùng gỗ còn Ôxtáp bắt tay vào sửa sang móng ngựa. Trong khi làm việc, chốc chốc chàng lại đưa mắt liếc nhìn người thiếu phụ. Và về phần mình, bỗng nhiên cô gái trở nên mạnh dạn hơn. Nàng gõ tấm mạng và cũng bắt đầu chăm chú ngắm nhìn Ôxtáp.

- Trước đây, ta chưa hề gặp nàng - Ôxtáp nói - Có thể nàng không phải người vùng này?

- Ta ở Pê-téc-bua – thiếu phụ trả lời – chàng làm việc cừ khôi quá, anh thợ đi.

- Một cái móng ngựa thì có đáng gì - Ôxtáp dịu dàng đáp - Đó chẳng phải là một công việc! Dành cho nàng, ta có thể tạo nên một vật mà bất cứ một công chúa nào trên cõi trần này cũng chẳng bao giờ có được.

- Cái gì vậy? - Cô gái hỏi.

- Một vật làm vừa lòng nàng. Một bông hồng sắt chẳng hạn, được chứ? Một bông hồng cực kỳ tinh xảo với cả lá và gai.

- Tùy chàng! Người thiếu phụ cũng dịu dàng đáp lại - Cảm ơn chàng, anh thợ. Một tuần nữa ta sẽ trở lại nhận bông hồng.

“Ôxtáp giúp cô gái lên yên. Nàng đưa bàn tay có mang găng cho anh để lấy điểm tựa, và thế là không cảm lòng được nữa: chàng đặt đôi môi nồng nàn của mình lên bàn tay cô gái. Nhưng ngay khi nàng chưa kịp rút bàn tay lại, viên sỹ quan đã thẳng cánh quất chiếc roi ngựa vào giữa mặt Ôxtáp và thét lên:

- Liệu hồn, đồ bán tiện!

“Mấy con ngựa chồm lên và bắt đầu phi nước đại. Ôxtáp vớ ngay chiếc búa và lẳng theo viên sỹ quan. Nhưng anh mất sức rồi. Anh chẳng thấy gì nữa, những giọt máu tươi chảy ròng ròng trên mặt. Viên sỹ quan đã làm hỏng của anh một con mắt.

“Tuy nhiên Ôxtáp đã gắng vượt qua cơn đau, đứng làm việc sáu ngày liền và cuối cùng đã tạo được báu vật, một bông hồng. Dân chúng đủ các hạng người kéo nhau đến xem. Họ trầm trồ: “Một công trình như vậy, thực tình, người ta không thể tìm đâu ra, ngay cả ở nước Ý!”

“Và ngày thứ bảy đến, một người nào đó đã đến gần lò rèn, xuống ngựa và cột con vật vào hàng rào.

“Ôxtáp không dám bước ra, anh không dám để lộ khuôn mặt của mình; anh ngồi đó, giấu khuôn mặt trong đôi bàn tay và chờ đợi.

“Và rồi anh nghe thấy những bước chân nhẹ nhẹ, một hơi thở, cuối cùng là đôi cánh tay mềm

mại ôm choàng lấy người anh. Người thiếu phụ đã đến, để lặn trên vai anh một giọt lệ duy nhất và cô đơn.

- Thiếp đã rõ cả rồi - nàng nói - Trái tim thiếp đây đã rỉ máu mấy ngày ròng. Ôxtáp, mong chàng thứ lỗi cho thiếp. Chỉ vì thiếp mà nỗi bất hạnh lớn lao này đã ập đến với chàng. Thiếp đã xua hắn đi rồi, tên hôn phu của thiếp và bây giờ thiếp trở lại Pêtécbuva.

- Tại sao? Ôxtáp dịu dàng hỏi.

- Chàng thân yêu, niềm hân hoan của trái tim thiếp ơi - người thiếu phụ nói - đâu sao, người đời vẫn không cho ta được hạnh phúc.

"Sau đó, thiếu phụ nhận lấy bông hồng, ôm hôn Ôxtáp, lên yên ngòai, chậm rãi ra đi. Còn Ôxtáp thì đưa chân nàng đến ngưỡng cửa, đưa mắt dõi theo thiếu phụ và lắng nghe. Hai lần thiếu phụ dừng cương. Hai lần nàng đã toan quay trở lại. Nhưng rồi nàng vẫn tiếp tục ra đi. Những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời phía trên thung lũng, rồi từ trên vòm trời rơi xuống thảo nguyên, dường như chính con tạo cũng nhỏ lệ trên mối tình của họ. Thế đấy, cháu của ông ạ!"

Đến đây, ông tôi im lặng một lát. Ngồi dưới chân ông, tôi không dám cử động. Cuối cùng tôi thì thầm hỏi:

- Và có bao giờ họ gặp lại nhau không ông?

- Không - Ông tôi tiếp tục - Đúng, sau đó họ không hề gặp lại nhau. Mất Ôxtáp bắt đầu mờ dần đi. Thế rồi chàng quyết định cuộc bộ đến tận Pêtécbuia để gặp người thiếu phụ trước khi hoàn toàn bị mù lòa. Chàng đã đến được thủ đô của Sa hoàng và người ta cho chàng biết rằng nàng đã chết. Hẳn là nàng không chịu nổi cảnh chia ly. Trong nghĩa trang, chàng đã tìm thấy phần mộ bằng đá hoa cương màu trắng của nàng và vừa trông thấy ngôi mộ, trái tim chàng bỗng trở nên thốn thức: bông hồng sắt của chàng đặt trên nền đá trắng. Người thiếu phụ đã xin người đời đặt trên nền đá phần mộ của nàng. Cho đến vĩnh hằng. Còn Ôxtáp, chàng bị mù hẳn và trở thành nhạc công đàn thất huyền. Có thể giờ đây chàng đã chết bên lề một con đường nào đó, hoặc dưới gầm một chiếc xe thổ trên một bãi chợ. Cầu Chúa linh thiêng ban phúc lành cho họ nơi suối vàng!”

Con chó Riáptrích lông xù của chúng tôi, vài trái ngư bàng tròn trĩnh còn dính trên mũi, ngồi nghe ông tôi kể chuyện, há hốc miệng ngáp dài thành tiếng. Cáu tiết, tôi cho nó mấy quả thụi vào sườn. nhưng nó không hề phật ý. Và với cái lưỡi lòng thòng và nóng hổi, vẫn âu yếm đối với tôi.

Trong miệng con chó Riáptrích chỉ còn nhô ra

những mảnh răng bị vỡ. Mùa thu vừa qua, khi chúng tôi từ già Gôrôditrê, nó đã cắm sâu hàm răng của mình vào một bánh xe, cố ghìm cõ xe caleso lại, và thế là bị gãy hết hàm răng.

Ông nội Mắcxim thân yêu của cháu ơi! Ông đã truyền cho cháu phần lớn cái tâm hồn mẫn cảm và với chất lãng mạn đã khiến cho cả thuở thiếu thời và buổi thanh xuân của cháu trở thành một chuỗi dài xung đột với cái thế giới thực tại này. Cháu thực sự đau buồn tuy vẫn biết rằng ông nội có lý, rằng cuộc đời đầy sự thông thái và mình mẫn có thể là rất đẹp song đối với cháu vẫn nghèo nàn và cơ cực làm sao. “Mỗi người một ý”, ông nội bảo vậy.

Có thể cũng vì vậy mà ông không hòa hợp được với bà vợ của mình, hay nói đúng hơn là ông tìm cách lẩn tránh bà cụ. Ngoài một vẻ đẹp đáng sợ, dòng máu Thổ của bà đã không truyền cho bà một sức quyến rũ nào cả.

Bà là một đấng chuyên quyền, một kẻ hay gây gổ và bà hút mỗi ngày ít ra cũng nửa lạng thuốc lào đen loại nặng. Bà hút thuốc bằng những chiếc tẩu ngắn rục hồng. Chính bà là người điều khiển tất cả. Không một sự bừa bộn dù nhỏ đến đâu trong gia đình lọt qua được cặp mắt đen nhánh của bà.

Vào những ngày hội, khoác một chiếc áo dài bằng vải láng có thêu ren đen rất tinh xảo, bà ra

khỏi nhà và đến ngồi trên chiếc ghế dài bằng đất nện gần cửa ra vào. Bà ngậm tẩu và ngắm nhìn dòng sông chảy xiết. Chìm trong suy tư, đôi khi bà bật lên tiếng cười nhưng không ai dám hỏi tại sao.

Cái vật duy nhất khả dĩ có thể làm chúng tôi hòa hợp được với bà nội, đó là một cái thỏi lớn, rắn và màu hồng giống như một thỏi xà phòng. Bà nội giấu nó trong cái tủ của bà. Thỉnh thoảng bà đem cái thỏi ấy ra và với vẻ tự hào trông thấy bà cho lũ cháu chúng tôi hít ngửi. Cái vật ấy tỏa ra một mùi hương rất dịu dàng của hoa hồng.

Cha tôi kể rằng cái thung lũng nơi có thị trấn Gadantích, thành phố quê hương của bà nội mang cái tên là “Thung lũng Hoa Hồng”, rằng ở nơi đó người ta sản xuất một loại tinh dầu hoa hồng và cái thỏi kỳ diệu kia làm bằng một chất thấm được thứ tinh dầu ấy.

Thung lũng Hoa Hồng! Cái tên ấy làm tôi sững sốt biết bao! Và tôi không tài nào hiểu nổi tại sao ở một nơi thơ mộng dường ấy lại có thể nảy sinh một con tim sỏi đá như trái tim của bà nội.

CÁI CÁ CHÉP

Gìờ đây, trong những ngày tôi còn lưu lại Gôrôditrê, những kỷ niệm về tuổi thơ của tôi, vào cái thời khi tôi còn vô tư và hạnh phúc, chúng tôi từ Kiép về quê nghỉ hè, đã trở lại trong hồi ức của tôi. Thuở ấy, ba má tôi còn trẻ, ông nội và người bà Thổ Nhĩ Kỳ của tôi còn sống và tôi vẫn là một oắt con huyền thuyên đủ các thứ chuyện huyền hoặc, chẳng đâu vào đâu.

Chuyến tàu từ Kiép về đến Bélaia Séccốp vào lúc hoàng hôn xuống. Trên sân ga, ba tôi thuê ngay chiếc xe ngựa của một bác xà ích đến là lăm môm.

Đêm xuống rồi, chúng tôi mới về đến Gôrôditrê, trong lúc mơ mơ màng màng, tôi nghe thấy tiếng ken két rất khó chịu của những chiếc lò xo, tiếng nước róc rách gấn cái cối xay và tiếng chó sủa. Những con ngựa thở phì phì và những bờ dậu kêu răng rặc. Trời đêm sáng tỏ những vì sao bất động. Bóng tối ẩm ướt phập phồng mùi cây mâm xôi.

Cô Đôdia cất bồng tôi lên, lúc tôi vẫn còn đang ngái ngủ, và đem vào căn phòng ấm áp, nền nhà phủ kín những tấm thảm sặc sỡ. Trong phòng bồng bệnh một mùi sữa nóng. Trong khoảnh khắc, tôi lim dim đôi mắt và thoáng trông thấy ngay bên má tôi những đường thêu hào hoa trên tay áo trắng tinh của cô Đôdia.

Sáng hôm sau, ánh nắng rực rỡ chảy lênh láng trên các bức tường trắng làm tôi bừng tỉnh. Những bông đường quý đưng đưa trước cửa sổ mở rộng. Một bông kim liên hoa rớt một cái nhìn kín đáo vào trong phòng, một con ong mơn mớn lông nhung thờ thần trên cánh hoa. Tôi nằm nín thở đưa mắt dõi theo con vật tí hon đang cẩu kính bò giật lùi và bất thần vù khỏi bông hoa nhỏ. Những giọt nắng lặn tẩn, những làn sóng ánh sáng nhẹ nhẹ, phản xạ của dòng sông dao động đầu đó rất gần, từng đợt, từng đợt lướt tràn qua trần nhà.

Sau đó, tôi nghe tiếng chú Incô nói với một giọng cứ như có ý chòng ghẹo con người ta.

- Khá lắm! Mặt trời vừa nhú lên, đám rước đã dẫn đến rồi kia! Đôdia đi đâu, sắp sửa rượu thơm và bánh ngọt của cô lên được rồi đó.

Tôi nhảy khỏi giường và chẳng kịp giầy dép gì cả chạy vội ra cửa sổ và trông thấy "đám rước". Một hàng dài các lão nông đội mũ rơm rộng vành đang chông gậy lọc cọc, từ bên kia sông, theo con

đập tràn chậm rãi tiến về phía đảo. Những tấm huân chương và huy chương nhà binh kêu leng keng và sáng lấp lánh trên những tấm áo có nẹp màu mận chín của các cụ.

Đó là các bô lão làng Pilíptra bên cạnh sang chào và nghênh tiếp chúng tôi. Dẫn đầu đám rước là lão thái ấp trưởng Trôphim, một người mặt rỗ, một tấm huy hiệu bằng đồng treo trên cổ.

Trong nhà nhộn nháo hẳn lên. Cô Đôdia tung chiếc khăn phủ lên mặt bàn ăn. Một luồng gió nhẹ lướt qua căn phòng. Má hổi hỏ bắt đầu giở lên đĩa và cắt xúc xích. Còn ba thì bật nút mấy chai rượu anh đào cây nhà lá vườn, trong khi chú Incô bày biện những chiếc chén da diện lên bàn.

Sau đó cô Đôdia và má chạy đi thay quần áo. Còn ba thì cùng với chú Incô bước ra bậc tam cấp đón các vị bô lão lúc này vẫn đang tiến tới, trịnh trọng và quả quyết như một định mệnh.

Cuối cùng các cụ dừng lại trước ngôi nhà, im lặng bắt tay ba tôi trước và sau đó đưa tay cho chú Incô. Nghi thức ấy xong rồi, các cụ ngồi xuống chiếc ghế dài bằng đất nện, dọc theo tường nhà và đồng loạt trút một hơi thở dài. Rồi thì, sau khi gại giọng, lão thái ấp trưởng xướng lên một câu thông lệ.

- Ghêoócghi! Mắcximmôvich quý mến, lão vinh dự đến đón chào các bạn về thăm xứ sở thanh bình này.

- Xin cảm ơn các cụ! – Ba tôi nói.

Các cụ đồng thanh thốt lên và thở dài nhẹ nhõm – Cái lẽ nó là phải như vậy!

- Chí phải! - Lão Trôphim gật gù tán đồng và đưa mắt qua cửa sổ liếc nhìn những chai rượu lấp lánh trên mặt bàn.

- Đúng thế, phải như vậy – Người lính già của Nicôla Đệ nhất với cái mũi sần sùi tuyên bố.

Một lão già thấp bé với cái tính tò mò vô độ mà người ta mệnh danh là “Lão vận rủi” cha của mười hai người con gái, góp ý.

- Đúng lắm!

Tuổi càng cao, lão càng quên dần tên tuổi các con lão và bấm ngón tay, không bao giờ lão tính được hơn năm đứa Ganna, Paraxia, Guycócpa, Ôlêxia, Phrôxia..., sau đó, lão trở nên lú lẫn và bắt đầu tính lại.

- Chí phải! – Các cụ nhắc lại.

Và tất cả rơi tõm vào sự im lặng hồi lâu.

Bất thần trên ngưỡng cửa xuất hiện ông nội Mácxim, các cô lão đứng dậy, kính cẩn cúi chào. Ông nội cũng nghiêm trang đáp lễ rồi các cụ trở lại chỗ ngồi và thở dài thành tiếng, khò khè cuống họng rồi ngồi im, mắt dán xuống đất.

Cuối cùng, linh tính mách bảo rằng ở nhà trong mọi sự đã chu toàn, chú In-cô cất giọng.

- Vâng ạ, chúng tôi xin cảm ơn các cụ đã có lời. Bây giờ xin các cụ vui lòng thưởng thức chút rượu nhạt với gia đình chúng tôi ạ

Tại phòng ăn, trong chiếc áo dài mùa hè trang nhã, má tôi bắt đầu đón tiếp các lão nông. Các cụ hôn tay má và má cũng hôn đáp lễ những bàn tay rám nắng. Phong tục vùng này là như vậy, cô Đòdia vận một chiếc áo dài màu xanh nhạt, khoác chiếc khăn choàng có in những bông hồng đỏ chót trên vai, nước da tươi tắn, thanh tao, mái tóc đốm bạc trước tuổi, trịnh trọng cúi chào các cụ.

Sau một tuần rượu thơm sủi bọt “Lão vận rui”, thói tò mò làm cho ngựa ngáy, bắt đầu ném ra những câu hỏi bất tận. Bất cứ tí gì từ Kiếp đem về cũng khiến lão sững sờ, chỉ trỏ và luôn miệng hỏi.

- Cái này là cái gì? Dùng làm gì vậy? Sao? Gọi nó là cái gì nhỉ, lại quên mất rồi?

Ba tôi cho biết đây là chiếc bàn là dùng than, kia là cái phích làm kem và ở đằng kia, trên mặt bàn là tám gương ba mặt. “Lão vận rui” đứng đưa cái đầu một cách khoái trá.

- Cái gì cũng công dụng cả! Lão kết luận.

- Chí phải! – Các cụ tán thưởng và tiếp tục nhấm nháp ly rượu.

*

* *

Ở Gôrôditrê, mùa hè là chúa tể, trời nóng chảy mỡ với những cơn dông khủng khiếp, cây cối xào xạc suốt ngày đêm, dòng sông mát mẻ lơ lờ trôi, còn những cây mâm xôi thì mọc la liệt khắp nơi. Và cũng còn có cái thú đi câu cùng với cái cảm giác ngọt ngào của những ngày dài nối tiếp, vô tư và muôn về.

Tất nhiên, cái hòn đảo nơi có khu điền trang gia đình đôi với tôi là một nơi thần bí nhất trần gian.

Không xa lắm, phía sau nhà trải ra hai cái hồ rộng mênh mông và sâu thẳm. Một cái bóng mờ mờ tối vĩnh viễn ngự trị bên bờ dưới những rặng liễu quanh hồ và trên mặt nước xanh đen.

Phía sau hồ, một đám cây ken dày những bụi phỉ mệp nhọc bò lên sườn một quả đồi. Sau khu rừng là một bình địa đơm đầy những khóm hoa cao đến tận thắt lưng, thơm phức, ngọt ngào đến nỗi khiến người ta cảm thấy nhức đầu.

Bên kia những bình địa ấy, cạnh căn lều của ông nội. một làn khói nhẹ của một đám đốt rừng thoát lên không trung. Vượt qua căn lều người ta sẽ đến những khoảng đất chưa hề khai phá: những tảng đá cát màu đỏ mọc đầy những bụi dây leo và dâu tây dại đang bị héo dần.

Trong những hốc đá, nước mưa đọng thành những mặt hồ nhỏ tí xíu. Những con chim chìa vôi

uống những giọt nước âm ảm trong hốc đá và quây quây những cái đuôi có vân thạch. Máy chú ong đất tro trên và nặng nề nhảy tách một phát, bay chấp chới và phát ra những tiếng kêu vo vo cứ như là cầu cứu một cách vô hiệu, một sự viện trợ nào đó.

Những vách đá dựng đứng đâm sầm xuống dòng sông Rôxo. Người lớn cảm chúng tôi không được bén mảng tới nơi này. Nhưng thỉnh thoảng, chúng tôi vẫn lần đến tận bờ vực thăm tò mò nhìn xuống dòng sông. Dưới kia, ở rất xa, con sông Rôxo chảy xiết với những cuộn nước trong vắt nhưng đậm đặc. Chúng tôi cảm thấy chóng mặt. Dưới làn nước, những con cá thon thon như những chiếc kim, run rẩy và chậm chạp cố bơi ngược dòng.

Ở bờ bên kia, trải dài khu vườn của công tước phu nhân Branitxki, chẳng bao giờ ánh nắng rẽ nổi một lối đi qua cái màu xanh hoa lệ của khu vườn. Tuy nhiên, thật hiếm hoi, đôi khi một tia sáng cô đơn cũng xuyên qua được cành lá xum xuê để mách cho ta cái sức mạnh quyến rũ của giới thảo mộc. Như những hạt bụi, vài con chim xinh xắn xuyên qua những tia nắng lấp lánh. Chúng kêu chiêm chiêm ồm ồm ở đó một hồi lâu trước khi đâm sầm vào đám lá như lao vào một làn nước xanh biếc.

Nhưng cái xô mà tôi khoái hơn cả là một cái hồ nước.

Sáng nào ba tôi cũng ra hồ câu cá. Ba cho tôi đi cùng.

Hai ba con từ nhà ra đi lúc sáng tinh sương. Chúng tôi thận trọng bước trên những đám cỏ dày và ẩm ướt. Trong đám lá cành sẫm tối, còn lẩn quất bóng đêm, giữa những cành liễu lấp lánh ánh bình minh, lung linh những vạt ánh vàng mềm mại. Những con cá chép vùng vẫy trong làn nước mơ màng. Những bông sen bách hợp, những bông hoa súng, những cây lác và đương quỳ hình như treo lơ lửng trên vịnh nước sâu thẳm và đen ngòm.

Một thế giới kỳ ảo của nước non và cây cỏ trải ra mênh mông trước mắt tôi. Và sức quyến rũ của cái thế giới ấy đối với tôi ngây ngất đến nỗi tôi có thể ngồi đó, trên bờ hồ, từ bình minh đến lúc mặt trời lặn.

Ba tôi lặng lẽ thả những chiếc cần câu và châm một miếng thuốc. Khói thuốc lá trôi bồng bềnh, là là trên mặt nước rồi tan dần.

Tôi múc đầy một xô nước hồ, ấn vào đó một nắm cỏ và ngồi đợi. Những cái phao đỏ tươi đứng im phẳng phắc trên làn nước. Bỗng một chiếc bắt đầu động đậy, làm loang ra những vòng sóng lăn tăn và bất thần chìm xuống hoặc kéo lê về một phía. Ba tôi cất câu, sợi chỉ căng ra, chiếc cần bằng cây phỉ uốn thành vòng cung và đám sương mù

trên mặt hồ bị rung lên với những tiếng ong óc của những chiếc bong bóng, tiếng nước vỗ oàm oạp, bởi cả một sự xao động, huyền ảo. Những gợn sóng lăn tăn xua đuổi nhau làm nao nao những bông hoa súng, những con nhện nước hút hải thảo chạy và cuối cùng dưới đáy sâu huyền bí, chấp chới một ánh vàng. Không thể nói chính xác đó là cái gì cho đến khi ba tôi kéo lên vạt cỏ rồi một chú cá chép. Nằm phơi bụng, con cá thờ hỏn hển và vẫy vẫy những cái vây. Và từ trong cái áo giáp ken dày những lớp vảy dăng lên cái mùi kỳ ảo của vương quốc thủy tề.

Tôi thả con cá vào xô nước. Nó quẫy quẫy một cách nặng nề trong búi cỏ và bất thần quật mạnh cái đuôi làm tung tóe nước lên mặt tôi. Tôi liếm những giọt nước trên môi, tôi khao khát thứ nước trong chiếc xô, nhưng ba tôi không cho tôi uống.

Tôi có cảm giác rằng nước trong xô, nơi con cá và nắm cỏ của tôi đang ngâm mình, ắt phải có một vị ngọt lịm, ngậy ngát như nước mưa của những cơn dông. Khi còn là những nhóc con, chúng tôi đã uống một cách hết sức thèm thuồng và tin rằng nhờ những giọt nước ấy, con người có thể sống đến một trăm hai mươi tuổi. Ít ra đó cũng là điều quá quyết của lão Nétsipo.

BỆNH SƯNG MÀNG PHỔI

? Gôrôditrê trời đến là hay dông bão. Những
Ơ cơn dông bắt đầu vào ngày lễ Thánh Giăng và kéo dài suốt tháng bảy, ùn ùn kéo từng từng lớp lớp mây trời màu sắc sặc sỡ đến vây kín, quanh đảo như một bức tường thành, âm âm sấm chớp rung chuyển cả ngôi nhà đến nỗi làm cô Đôdia nhiều phen khiếp vía.

Kỷ niệm về niềm đam mê ngây thơ đầu tiên của tôi gắn liền với hồi ức về những cơn dông ấy. Tôi chưa đầy mười tuổi.

Đúng ngày lễ Thánh Giăng, các cô gái làng Philiptra, xúng xính trong những bộ áo quần ngày hội, từng tốp từng tốp kéo sang hòn đảo của chúng tôi để thả những vòng hoa, trên mặt sông. Những vòng hoa đồng nội các cô tự tay kết lấy. Trên mỗi vòng hoa, các cô đặt thanh gỗ nhỏ chèo chữ thập và ở chính giữa là một mẫu nến. Đến chập tối, các cô đốt đèn lên và thả xuống dòng sông Rôxơ.

Đó là cái lỗi các cô thẩm vấn tương lai: cô nào có ngọn đèn đi được xa nhất mà không bị tắt sẽ là người hạnh phúc nhất. Nhưng cô nào mà vòng hoa sa vào chỗ nước xoáy và cứ quanh quẩn, chậm rãi quay vòng ở đấy thì số phận còn may mắn hơn nhiều.

Vùng nước xoáy ấy ở ngay dưới chân một cái vực thẳm. Chỗ này chẳng bao giờ có gió, những ngọn đèn cháy với một ngọn lửa sáng chói. Ở trên bờ, người ta vẫn nghe thấy tiếng bắc đèn nổ tí tách.

Trẻ con cũng như người lớn, ai cũng thích những vòng hoa Thánh Giăng. Chỉ riêng lão Netsipô là khinh khỉnh cười gằn và quả quyết:

- Toàn những trò ngớ ngẩn! Những chiếc vòng hoa ấy phỏng có nghĩa lý quái gì!

Ganna, người chị họ của tôi, đến cùng với các chị con gái nhà quê. Chị ấy mười sáu tuổi. Trong những chiếc đuôi sam mềm mại lấp lánh một thứ ánh sáng hung đỏ, chị tết những chiếc giải màu da cam và màu đen. Chị mang ở cổ một chuỗi hạt san hô đã phai màu. Chị có đôi mắt xanh rất sáng. Mỗi khi chị cười, chị cúi xuống rất lâu không ngược lên, cứ như sức nặng của mí mắt cản trở chị. Hai đốm nhỏ hồng tươi không bao giờ rời đôi gò má của chị.

Chẳng hiểu nguồn cơn ra sao, đôi khi tôi thấy má và cô Đôdia tỏ vẻ ái ngại khi nói về chị. Tôi rất muốn biết hai người bàn tán những gì nhưng cứ mỗi lần tôi đến gần, má và cô không nói nữa.

Năm ấy, vào ngày lễ Thánh Giăng, người lớn cho phép tôi cùng chị Ganna đi đến cuối đảo gặp các chị con gái nhà quê ở ven sông. Trên đường đi, chị hỏi tôi:

- Em định lớn lên sẽ làm gì Còxtích?

- Thủy thủ chị à, - Tôi trả lời.

- Eo ơi! - Chị Ganna thốt lên - Làm thủy thủ sẽ chết chìm dưới đáy biển đấy. Nhất định mai rồi sẽ có nhiều cặp mắt kiêu diễm rơi lệ vì em đấy.

Tôi không để ý đến lời bàn của chị Ganna. Tôi cầm bàn tay ngăm ngăm và nóng hổi của chị và kể cho chị nghe chuyến đi biển đầu tiên của tôi.

Đầu mùa xuân, ba tôi được cử đi Nôvôrôsiích công tác ba ngày. Ba đem tôi đi cùng. Từ xa tôi có cảm giác biển giống như một bức tường màu xanh lơ. Hồi lâu tôi không đoán ra đó là cái gì. Lát sau, tôi thấy một cái vịnh màu lục, một ngọn đèn biển, tôi nghe thấy tiếng âm âm gập gập như một con đập chấn sóng và biển cả đi vào tâm hồn tôi như một giấc mơ kỳ diệu, rất đẹp nhưng huyền ảo.

Hai chiếc thuyền giáp hạm với những ống khói màu vàng thả neo trên bến cảng: hai con tàu mang tên "Mười hai vị thánh tông đồ" và "Ba vị thánh". Hai cha con tôi lên tận boong tàu. Như bị thôi miên, tôi ngắm nhìn những viên sĩ quan có nước da rám nắng, những bộ đồng phục màu trắng, những

con dao găm vỏ mạ óng ánh, phóng máy tẩm trong hơi nóng dầu mỡ. Nhưng điều làm tôi ngạc nhiên nhất chính là thái độ của ba tôi. Tôi chưa bao giờ thấy ba như vậy. Ba cười nói oang oang, pha trò và tán gẫu với những viên sĩ quan. Một người thợ máy mời cha con tôi vào buồng lái. Ba uống cônhắc với ông ta và hút những điếu thuốc Thổ Nhĩ Kỳ cuốn bằng giấy màu hồng, có in những chữ Ả Rập bằng vàng.

Chị Ganna nghe tôi nói, đôi mắt mơ màng xa vắng. Không hiểu tại sao, bỗng nhiên tôi cảm thấy thương chị quá chừng và hứa bao giờ trở thành thủy thủ tôi sẽ đưa chị đi cùng trên một con tàu.

- Em đem chị đi làm gì? - Chị Ganna hỏi. - Làm bếp hay thợ giặt?

- Không đâu chị ơi! - Tôi bốc đồng thốt lên với một sự hăng hái sôi nổi rất trẻ con. - Chị sẽ làm vợ em chứ.

Chị Ganna đứng sững lại với vẻ nghiêm trang, chị nhìn thẳng vào mắt tôi:

- Thế đi! - Chị thì thầm qua hơi thở - Lấy danh dự của má thế với chị đi!

- Em xin thế! - Tôi thốt lên không cần suy nghĩ.

Chị Ganna mỉm cười, đôi tròng mắt ngả sang màu xanh biếc của nước biển và chị say đắm đặt những cái hôn lên mắt tôi. Tôi cảm nhận được sự

nồng nàn của đôi môi nóng rực của chị. Quãng đường còn lại, chúng tôi bước đi trong im lặng.

Nến của chị Ganna là ngọn đèn đầu tiên vụt tắt. Từ sau cánh rừng của công tước phu nhân Brannixki cuộn cuộn dựng lên một đám mây lớn như khói đám cháy. Một cơn gió giạt ập xuống người chúng tôi, những cây miên liễu rít lên cúi rạp sát đất và những tia chớp đầu tiên lóe lên lằng nhằng trong tiếng sấm nổ chói tai.

Các cô gái kêu thê lên và ù té chạy đến nấp dưới các vòm cây. Chị Ganna giạt tấm khăn choàng khỏi vai quần lên người tôi, chị nắm tay tôi và hai chị em cầm đầu cầm cổ chạy.

Chị cứ thế xênh xệch lôi tôi đi trong khi trận mưa như trút nước vẫn bám riết. Tôi biết thế nào chị em cũng không đủ thì giờ chạy về nhà.

Cơn mưa đuổi kịp chúng tôi cách chiếc lều của ông nội không xa. Chúng tôi đến nơi, ướt như chuột lột. Ông nội không có mặt trong lều.

Trong căn lều, hai chị em ngồi dựa sát vào nhau. Chị Ganna sát mạnh hai bàn tay tôi. Mùi thơm của vải bông thoát ra từ người chị. Chị luôn miệng hỏi tôi với giọng lơ lửng:

- Em có lạnh không? Ôi, em sẽ ốm mất, chị biết tính sao đây?

Tôi run cầm cập. Đúng, tôi lạnh lắm. Lần lượt,

trong đôi mắt chị Ganna có cả sự hãi hùng, niềm thất vọng và tình yêu.

Bỗng nhiên một cơn ho dữ dội, chị đưa tay lên ôm ngực. Tôi thấy một mạch máu nhỏ giãn giật trên cái cổ thanh tú, dưới làn da mịn màng của chị. Tôi ôm choàng lấy người chị Ganna và áp má lên bờ vai ướt át của chị. Bất giác, tôi thêm khát có được một bà mẹ giống chị, trẻ trung và âu yếm.

- Em sao vậy, Côxtích? - Chị hoảng hốt hỏi tôi nhưng vẫn còn ho và chị vuốt ve mái tóc của tôi. - Làm sao mới được chứ? Có gì đáng sợ đâu... Sấm chớp chẳng làm gì được chị em mình đâu... Chị vẫn ở đây, ngay cạnh em đây. Đừng sợ.

Rồi chị nhẹ nhàng đẩy tôi ra một chút, đặt đôi môi lên ống tay tẩm áo choàng trắng có thêu những chiếc lá sồi màu đỏ của chị. Một vết máu nhỏ hiện lên nên vải. Và người ta có cảm giác đó là một chiếc lá sồi mới được thêu trên áo.

- Chị chả cần em thế đâu! - Chị cúi xuống nhìn tôi và thì thầm như người có lỗi, đôi môi nở một nụ cười chẳng vui chút nào. - Chị đùa cho vui thôi!

Những tiếng sấm đã ì ầm ở phía bên kia trái đất. Mưa đã tạnh. Chỉ còn những giọt nước tí tách hồi hả rơi trong lá cành.

Đêm đến, tôi lên cơn sốt. Hai ngày sau, một người thầy thuốc trẻ tên là Napenbom đạp xe từ

Bêlaia Séccóp đến khám bệnh cho tôi. Ông ta đoán tôi bị sưng phổi.

Từ nhà tôi, Napenbom đi bộ sang Pilíptra thăm bệnh cho chị Ganna và khi trở lại, trong phòng bên, người thầy thuốc nói thăm với má tôi:

- Thưa bà, cô Ganna bị lao phổi. Tôi không tin là cô ấy có thể chịu được đến mùa xuân sang năm.

Tôi bật lên khóc nức nở, gọi má và ôm chầm lấy má. Chính lúc ấy tôi thấy trên cổ má tôi thoi thóp một mạch máu nhỏ, yếu ớt giống như mạch máu trên cổ chị Ganna. Và tôi càng nức nở hơn, lâu lắm, tôi không thể nào làm dịu bớt được sự thốn thức trong khi má vẫn vuốt ve mái tóc và hỏi tôi.

- Con sao thế, làm sao mới được chứ? Má vẫn ở đây, ngay cạnh con đây. Đừng sợ.

Cuối cùng tôi khỏi bệnh. Còn chị Ganna thì qua đời vào tháng hai mùa đông năm ấy.

Mùa hè tiếp đó, tôi theo má đi thăm phần mộ và đem tặng chị một khóm xanh rờn những bông thùy cúc buộc bằng một dải băng đen. Đó là loài hoa mà chị Ganna thích cài lên đuôi sam. Và cũng chả rõ tại sao, tôi cảm thấy có phần lúng túng. Có thể vì có má ở bên cạnh với một chiếc dù màu đỏ, cũng có thể vì tôi đã không đi một mình đến thăm chị Ganna.

HÀNH HƯƠNG VỀ TRENXTÔKHÓP

Bà ngoại Vikenchia Ivanópna, một bà già Ba Lan đường bệ, sống ở Séccaxi bên bờ sông Đơnhéppơ.

Bà có rất nhiều con, nhất là con gái, vì vậy tôi có khá nhiều dì. Một trong số các dì tôi, dì Êphroxinia, là hiệu trưởng trường nữ học Séccaxi. Bà ngoại ở với dì trong một ngôi nhà lớn bằng gỗ.

Bà ngoại Vikenchixa suốt đời vận tang phục với chiếc khăn trùm đầu màu đen. Lần đầu tiên cụ mặc những bộ quần áo đó là vào năm 1863, ngay sau vụ đàn áp cuộc nổi dậy của người Ba Lan và từ đó không bao giờ cụ rời chúng nữa.

Chúng tôi ngờ ngờ rằng, trong cuộc nổi dậy đó, cụ đã mất một người yêu, có thể là một chiến sĩ phản kháng có tâm hồn cao thượng, chắc chắn là khác hẳn ông chồng cau có của bà, ông ngoại của chúng tôi, viên cựu công chức của thị trấn Séccaxi.

Tôi chỉ nhớ lơ mơ về người ông này. Cụ sống trong một căn phòng nhỏ trên gác xép và rất ít khi

xuống nhà. Bà ngoại đã tách ông ra khỏi mọi người chỉ vì cái thói đam mê hút sách vô độ của ông.

Đôi khi chúng tôi cũng lĩnh vào căn phòng âm khí của ông, nơi ngự trị một thứ mùi đăng đắng. Hàng đồng thuốc lá, vét từ đủ các thứ hộp lớn nhỏ chất đầy trên bàn, ngồi trong chiếc ghế bành với những ngón tay run rẩy, ông cuộn hết điếu này đến điếu khác.

Ông chẳng nói gì với chúng tôi, chỉ đưa bàn tay nặng nề lên vò rối những lọn tóc trên gáy chúng tôi và cho các cháu những mẩu giấy bóng tim tím bóc ở những chiếc hộp thuốc lá.

Chúng tôi thường đến thăm và lưu lại vài ngày tại nhà bà ở Séccaxi.

Bà ngoại Vikenchia Ivanópna tuân thủ những truyền thống lâu đời. Mùa xuân nào cũng vậy, vào tuần ăn chay, bà lại đi hành hương về đến một vùng đất thành Gia tô nào đó ở Vácsava, ở Vinnô hoặc ở Trenxtôkhóp.

Nhưng đôi khi bà cũng nảy ra ý định đi thăm các thánh địa chính giáo; thế là cụ đến tu viện Thánh Xécgior tam vị nhất thể hoặc đi Pótsaép.

Cả bọn con trai lẫn con gái cụ thế là bung miệng khúc khích cười.

- Cứ cái đà này - họ nói - rồi sẽ đến lúc má đi thăm cả những thánh đường Do Thái có tên tuổi và

đến cuối đời sẽ hành hương đến phần mộ của Môhamét ở Méccha.

Giữa bà ngoại và ba tôi đã xảy ra một chuyện bất hòa khá gay gắt. Một lần, nhân lúc ba tôi đi Viên dự hội nghị cán bộ kế toán không có mặt ở nhà, bà ngoại đã cho tôi cùng đi hành hương. Tôi rất thích chuyến đi chơi xa ấy và không hiểu nổi tại sao ba tôi lại có thể bực mình vì chuyện này được. Năm ấy tôi vừa tròn tám tuổi.

Tôi còn nhớ bầu trời thu trong veo ở Vinnô và giáo đường Ôxtraia Brama, nơi bà ngoại đến chịu lễ ban thánh thể.

Cả thành phố lấp lánh ánh vàng và xanh nhạt của những đợt lá đầu mùa. Giữa trưa, trên đồi Lâu đài, vang lên tiếng âm âm như sấm của một cỗ đại bác thời Napôlêông.

Bà ngoại đọc rất nhiều. Cụ say sưa giảng giải cho tôi về mọi thứ.

Trong quan niệm của bà, lòng mộ đạo thích ứng một cách kì cục với những tư tưởng tiên phong. Bà đồng thời say sưa với học thuyết của Hécden và Hăngri Xienkiêvích. Trong căn phòng của cụ, chân dung của Puskin và Míchkiêvích đứng ngay bên cạnh tượng thánh mẫu Đồng trinh của giáo đường Trenxtôkhốp. Trong cuộc cách mạng 1905, bà đã che giấu những sinh viên cách

mạng và trong cuộc truy nã người Do Thái, bà đã cứu mang nhiều người thuộc cộng đồng này.

Từ trấn Vinnô, chúng tôi lên đường đi Vácsava. Đối với thành phố này, tôi chỉ còn giữ được kỷ niệm về tượng đài Còpécnic và những phong trà của nhà thiên văn vĩ đại này. Ở đây, bà ngoại đãi tôi cà-phê. Bà còn cho tôi ăn bánh ngọt hảo hạng. Những miếng bánh trứng đường tan trong miệng thơm dịu, tươi mát, thấm thía, trôi đến đâu biết đến đó. Tiếp chúng tôi là những người hầu bàn trẻ trung, hoạt bát, vận tạp dề gấp nếp.

Rồi Vácsava, chúng tôi tiếp tục đi Trenxtôkhốp, nơi có tu viện Iaxna Gura uy nghi, lừng lẫy. Pho tượng Thánh mẫu diệu kì được bảo tồn ở tu viện này.

Và cũng chính ở đây, lần đầu tiên, tôi được tận mắt chứng kiến hình ảnh cụ thể của sự cuồng tín tôn giáo. Tôi vô cùng thảng thốt và khiếp đảm trước cảnh tượng này. Sự ghê tởm đối với mọi biểu hiện của lòng cuồng tín và sự khiếp đảm nó đã phát sinh trong tôi ngay từ đó. Cuối cùng, rồi tôi cũng tự giải thoát được khỏi sự hãi hùng ấy, song thứ thực là phải mất một thời gian khá lâu.

Chuyến xe lửa về đến Trenxtôkhốp vào lúc sáng sớm. Tu viện đứng sừng sững trên một ngọn đồi cao, cây cỏ xanh tươi, cách nhà ga hai cây số.

Một đám đông khách hành hương ra khỏi toa

tàu: họ là những nam nữ nông dân Ba Lan. Cũng có cả những thị dân đội mũ trái dưa dĩnh đầy bụi. Một mục sư già, béo và một chú lễ sinh, cả hai đều mặc lễ phục tư tế thêu đấng ten, chờ họ ở ga.

Đám rước hình thành ngay từ lối ra, trên con đường bụi bặm. Người mục sư lầm rầm chúc phúc các tín đồ bằng một giọng mũi. Lập tức cả đám đông phủ phục xuống và cứ thế lê lét trên hai đầu gối tiến dần về phía tu viện, miệng hát những đoạn thánh thi.

Đám rước kiên nhẫn nhích dần đến tận lễ đường của tu viện. Ở đầu đám rước là một bà già tóc bạc phơ, nét mặt xanh xao và hớt hải. Bà cụ giữ khư khư trong tay một cây thánh giá bằng gỗ đen.

Lão mục sư vẻ khoan thai và hờ hững, dẫn đầu đám đông. Trời nóng, bụi đất bông bênh trong không khí khét lẹt, những giọt mồ hôi chảy ròng ròng trên những khuôn mặt. Người ta nghe thấy tiếng thở khò khè của đám người hành hương. Họ ngoái cổ lại và ném những cái nhìn giận dữ về phía những kẻ tụt hậu.

Tôi nắm lấy tay bà ngoại.

- Tại sao họ làm vậy hả bà? - Tôi thì thầm hỏi.

- Đừng sợ - bà trả lời tôi bằng tiếng Ba Lan - Họ đã phạm tội. Họ cầu nguyện xin với Chúa Trời được thứ lỗi.

- Thôi ta về đi bà - Tôi thì thăm cầu khẩn.
Nhưng bà ngoại làm như không nghe thấy.

Tu viện Trenxtôkhốp giống như một toà thành quách. Những quả đạn thần công hen rỉ gậm mòn lỗ chỗ từ thời quân Thụy Điển xâm lược còn nhét đầy trên các kẽ tường. Nước xanh lè tù hãm trong các hào rãnh. Những cây cổ thụ xào xạc trên các bức thành.

Những cây cầu rút, với những chuỗi xích khổng lồ, đã được hạ xuống. Xe của chúng tôi vượt qua một trong những chiếc cầu và đi sâu vào một mê cung những sân, những lối đi, những góc kín và những cửa tò vò tu viện.

Một thầy dịch đệ lưng buộc dây, dẫn chúng tôi vào nhà trọ của tu viện. Người ta dành cho chúng tôi một căn phòng giá lạnh có vòm trần. Một cây thánh giá nhất thiết phải có được treo trên tường. Dưới chân tượng Chúa bị đóng đinh câu rút bằng thau, ai đó đã treo một vòng hoa giấy.

Thầy dịch đệ ân cần hỏi bà ngoại:

- Cụ có bệnh gì cần điều trị không ạ?

Suốt đời lo lắng về bệnh tật, bà ngoại phàn nàn ngay về chứng đau tim của bà. Lập tức thầy dịch đệ lấy ra từ trong túi chiếc áo dài màu nâu một nắm những vật nho nhỏ bằng bạc và đổ thành một đống trên mặt bàn. Trong đó có hình mẫu trái tim,

những bàn tay, những cái đầu và thậm chí cả hình hài những đứa bé.

- Có những quả tim giá năm, mười và hai mươi rúp - Thầy dịch đệ nói - Tất cả đã được giáng phúc rồi. Cụ chỉ việc cầu nguyện và treo lên bức tượng Đức Thánh Mẫu.

Bà ngoại mua một trái tim nhỏ nhưng mập mạp giá mười rúp.

Người tu sĩ đi rồi, bà bảo tôi đem đến bà cháu sẽ đi đến nhà thờ dự một buổi lễ trọng thể. Bà cho tôi uống nước chè và bánh vụn đem từ Vácava tới sau đó cụ hạ lưng nghỉ. Chỉ một lát sau, cụ đã thiu thiu ngủ. Tôi ngồi đó nhìn qua một khung cửa sổ thấp hẹp.

Thoạt tiên, có một tu sĩ vận áo cà sa lẳng đã bạc mầu đi qua. Sau đó là hai nông dân Ba Lan đến nghỉ dưới bóng một bức tường. Họ lấy bánh quê và tỏi từ trong tay nải ra ngồi nhai. Họ có những con mắt rất xanh và hàm răng rất chắc. Lát sau cảm thấy buồn, tôi rón rén lỉnh ra ngoài. Bà ngoại nghiêm cấm tôi không được nói tiếng Nga trong tu viện. Bởi vậy tôi hơi hoảng. Tôi chỉ vờ vờ vài từ Ba Lan.

Tôi bị lạc lối và bỗng rơi vào một lối đi hẹp giữa hai bức tường. Nên đường lát bằng những tảng đá lớn nứt nẻ. Những bông bồ công anh bật ra từ các

kê đá. Những chiếc đèn lồng bằng gang gắn trên những bức tường. Có lẽ từ lâu người ta không đốt đèn: trong một cây đèn, tôi thoáng thấy một tổ chim.

Một cánh cửa hẹp hé mở giữa một bức tường. Tôi liếc nhìn vào bên trong. Một vườn táo dạt đầy những vệt nắng như vân thạch phủ kín sườn một quả đồi. Tôi lấm lét lén vào vườn. Trong vườn, hoa táo bắt đầu tàn. Chốc chốc những cánh hoa tàn úa lại bứt khỏi cành và bay chấp chới. Từ phía gác chuông nhà thờ, tôi nghe thấy một tiếng chuông rè nhưng du dương.

Dưới gốc một cây táo già, một thiếu phụ nhà quê người Ba Lan ngồi trên cỏ cho con bú. Mặt đứa bé nhăn nhó trông rất khổ sở, còn hơi thở thì khô khè. Một anh nông dân trẻ, mặt sưng phù và xanh xao, đội một cái mũ phớt rộng vành mới toanh, đứng bên cạnh người đàn bà. Mũ của anh ta có một dải vải láng xanh quấn xung quanh và một chiếc lông công cắm ở phía sau. Anh ta đứng đó bất động mắt nhìn chằm chằm xuống đôi bàn chân mình.

Một thầy tăng thân hình nhỏ bé trán hói, chiếc kéo làm vườn trong tay, đang lúi húi bên gốc cây, đối diện với người đàn bà. Thầy chăm chú nhìn tôi và nói bằng tiếng Ba Lan:

- Lạy Giêsu, Chúa tôi!

- Lạy Chúa, - tôi trả lời đúng như bà đã dạy tôi.

Tôi có cảm giác như tim tôi ngừng đập vì quá hãi hùng.

Thầy tăng quay mặt đi và chăm chú nghe người thiếu phụ than thở. Những lọn tóc vàng xòa xuống mặt cô. Với những bàn tay thanh tú, cô không ngừng hát những lọn tóc về phía sau và bằng một giọng sâu nã, cô phân bua:

- Lúc thằng bé được bốn tháng, Mica đã bắn chết một con thiên nga. Anh ấy đem con chim vào bếp. Còn tôi thì lăn ra gào khóc. Tôi bảo anh ấy: “Anh làm cái trò gì thế, đồ súc sinh? Anh cũng biết cứ mỗi con thiên nga bị giết, Đức Chúa linh thiêng sẽ đem đi một đứa trẻ đấy chứ? Có sao anh còn giết nó, Mica?”

Chàng trai mũ phớt vẫn thản nhiên nhìn xuống đất.

- Và từ bữa ấy, thằng nhỏ cứ xanh bủng ra và bệnh tật thì xiết lấy cổ họng đứa trẻ tội nghiệp. Đức Mẹ linh thiêng có cứu nổi nó không?

- Nhà tu hành lánh nhìn sang một bên, không trả lời.

- Quý thân ơi! Tôi không chịu nổi nữa! - Người đàn bà rên rỉ, và cứ thế đưa tay lên cào cổ - Không, không chịu nổi nữa rồi! - Cô ta gào khóc và ghi mạnh đứa con vào lòng.

Đôi mắt đứa bé nhón nhác và nó thở khò khè một cách khó khăn.

Tôi chợt nhớ tới những thân hình nhỏ bé mà lúc nãy thấy lễ sinh khoe với bà ngoại. Người đàn bà này làm tôi mủn lòng. Tôi rất muốn bảo cô ta mua một hình nhân giá hai mươi rúp và treo trước bức tượng Thánh Mẫu kì diệu. Nhưng tôi không đủ từ ngữ Ba Lan để diễn đạt một lời khuyên tế nhị như vậy. Hơn nữa tôi cũng sợ người thầy tăng làm vườn và thế là tôi rời khỏi nơi này.

Khi tôi về đến nhà trọ, bà ngoại vẫn còn đang ngủ. Tôi cứ để cả quần áo nằm ườn lên tấm phản cứng và ngủ thiếp ngay.

Bà ngoại dựng tôi dậy lúc nửa đêm. Tôi chỉ có nước lạnh để rửa mặt qua quýt trong một chiếc chậu sứ lớn. Tôi phấn chấn phát run lên. Sau các cửa sổ, những chiếc đèn lồng cầm tay lướt qua, tiếng những bước chân kéo lê nghe rậm rịch, tiếng những gác chuông vang lên ròn tan.

- Đêm nay, - Bà ngoại nói - Đức hồng y, đại diện giáo hoàng sẽ hành lễ.

Trong bóng đêm, chúng tôi phải vất vả lắm mới đến được giáo đường.

- Bám lấy tay bà! - bà ra lệnh khi chúng tôi vượt qua tiền đình.

Chúng tôi sờ soạng đi vào nhà thờ. Tôi chẳng phân biệt được gì cả. Không một cây nến, không một chút le lói trong bóng tối ngọt ngào, bị vây

hăm giữa những bức tường cao của giáo đường và pháp phông hơi thở của hàng trăm con người. Bóng tối như hũ nút ấy thấm đượm một mùi hoa diu diu.

Dưới chân, tôi cảm nhận được những phiến gang đã bị mòn lát trên nền giáo đường.

- Không cựa quậy nữa - Bà ngoại thì thầm - Người ta đang phủ phục hết dưới đất: khéo khéo dẫm phải người ta.

Bà ngoại bắt đầu cầu nguyện còn tôi thì bám chặt lấy khuỷu tay bà và chờ đợi. Tôi sợ. Mọi người nằm bò trên đất như những hình thể bị đóng đinh câu rút, buột ra những tiếng thở dài yếu ớt. Một tiếng rì rầm sâu nã lướt qua giáo đường.

Bất thành linh, trong bóng tối nặng nề ấy vang lên tiếng nước nở đỉnh tai của mấy cây đàn phong cầm làm rung chuyển cả những bức tường. Đứng lúc ấy hàng trăm ngọn nến bật sáng. Bị quáng và khiếp đảm, tôi bật ra một tiếng kêu.

Tám màn lớn vàng rực phủ bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh nổi tiếng của giáo đường Tren-xtô-khốp từ từ mở ra. Sáu mục sư già vận lễ phục thêu ren quỳ trước tượng thánh mẫu, lưng quay về đám đông, hai tay dương cao. Chỉ có đức hồng y gầy gò trong tấm pháp y màu đỏ chót với một dải thắt lưng màu tím bó quanh người, lưng cũng quay về phía cử tọa, đứng cao sừng sững có vẻ đang căng

tai lắng nghe cơn phong ba của những cây đại phong cầm đang dần dần lắng dịu và tiếng nức nở nghẹn ngào của đám đông.

Chưa bao giờ tôi được chứng kiến một cảnh tượng kì lạ và khó hiểu như vậy.

Buổi lễ kết thúc, tôi theo bà ngoại ra một hành lang sâu hun hút có trần vòm. Ánh ngày đã lên. Ở hai bên lối đi, các tín đồ quỳ dọc theo các bức tường. Bà ngoại cũng quỳ xuống và bắt tôi làm theo. Tôi không dám hỏi bà những con người với những cặp mắt thác loạn kia chờ đợi cái gì.

Phía cuối hành lang, đức hồng y xuất hiện. Ngài tiến ra, bước đi uyển chuyển và giảo hoạt. Tám pháp y của Ngài nhảy nhót phía sau và lướt nhẹ trên khuôn mặt của các tín đồ. Họ chộp vội lấy áo và hôn lấy hôn để một cách vô cùng kính cẩn.

- Hôn pháp y đi cháu - Bà ngoại hồi hã thì thầm.

Nhưng tôi không nghe lời bà. Tôi cảm phần tím người và nhìn thẳng vào mặt đức hồng y. Có lẽ lúc ấy mắt tôi đã mịt mù. Ngài dừng lại, đặt bàn tay run rẩy lên đầu tôi và nói bằng tiếng Ba Lan:

- Nước mắt của con trẻ là những lời cầu nguyện đẹp nhất.

Tôi vẫn chăm chăm nhìn đức hồng y. Ngài có khuôn mặt bé choắt, da mặt căng khô và nâu sẫm. Một thứ ánh sáng lơ mơ của đám cháy toát ra từ

khuôn mặt ấy. Cặp mắt đen nheo nheo nhìn tôi có vẻ chờ đợi.

Tôi vẫn cảm lạnh, vẻ buồn bã.

Đức hồng y quay ngoắt đi và tiếp tục những bước đi gấp gáp. Tấm pháp y của ngài lại chấp chới theo sau.

Bà ngoại chộp lấy cánh tay tôi bất thành linh đến nỗi suýt nữa tôi kêu lên vì đau đớn và xềnh xệch lùi ra cửa.

- Hết thành cha nó! - bà nổi tam bành khi chúng tôi ra đến sân - Hết thành cha nó! Lạy thánh mẫu Trenxtôkhốp! Không biết sau này đời mày sẽ ra sao?

NHỮNG CÂY TRÚC ĐÀO

Trong nhà bà ngoại, ở Séccaxi, có một hành lang dài nơi những bụi trúc đào xum xuê trong các chậu gỗ. Những nụ hoa bé tí xíu, phớt hồng phủ kín các khóm cây. Tôi rất mê những tán lá xanh xám và những bông hoa nhạt màu. Trong tâm hồn ngây thơ con trẻ của tôi, chẳng hiểu tại sao những tán lá và những bông hoa kia bao giờ cũng gắn liền với hình ảnh của biển cả. Một miền biển xa xăm và ám áp muôn thuở vỗ về mơn trớn những khóm trúc đào đơm đầy hoa ở xứ sở quê hương chúng.

Bà ngoại quả là một nhà trồng hoa cây cảnh thiện nghệ. Ngay giữa mùa đông, trong căn phòng của bà, những bụi vân anh vẫn xum xuê hoa lá. Còn đến khi “con cóc gọi vào hè”, thôi thì bạt ngàn hoa lá trong mảnh vườn của cụ; nơi dọc theo suốt chiều dài của bờ dậu trải ra những tán lá ngưu bàng rộng ơi là rộng, khiến cho cả khu vườn chỉ còn là một bó hoa khổng lồ duy nhất. Hương

thơm của những cánh hoa len lỏi vào tận căn phòng của ông ngoại trên gác xếp, và xua khỏi nơi đây cái mùi hôi tù hãm của khói thuốc. Cấu tiết, ông ngoại đóng sầm cửa sổ lại. Ông cụ ca cẩm rằng chính những cái mùi kia đã khơi dậy những cơn hen xuyên xa xưa của cụ.

Khi ấy, đối với tôi, dường như tất cả những bông hoa kia đều là hiện thân của những con người. Mọc té thảo là một cô gái nghèo vận một cánh áo dài màu xám, mạng vá khắp nơi. Chỉ riêng mùi hương ngát ngậy của nó đã mách bảo cho ta cái cội nguồn huyền ảo của loài hoa ấy. Còn những bông hồng chèn lại là những thiếu nữ đã trót làm mất đi nhan sắc của mình vì đã say sưa vô độ cái thứ thức uống kia.

Và kia nữa, cái luống tử la lan kia chẳng phải là một vũ hội hóa trang đó sao? Những cô gái Di gan tinh quái và yêu đời, cái trang thành những mồm sói đen ngòm; những vũ nữ áo xiêm sặc sỡ xanh đỏ tím vàng.

Tôi chẳng ưa gì những bông uyển minh cúc kia. Cánh áo dài vô duyên của chúng làm tôi nhớ tới những tà áo của mấy cô gái con giáo sư Dimme, một người láng giềng của bà ngoại, những cô gái tóc vàng hoe không có lông mày. Lần nào chúng tôi gặp họ, các cô nàng cũng yếu điệu nhún chào, chiếc váy sa nhẹ như mây kẹp giữa hai đầu ngón tay.

Nhưng, đối với tôi, loài hoa mê hồn nhất, đương nhiên, là mã xỉ hiên, một giống dây leo vỹ viên ngời lên những sắc màu thuần khiết. Thay cho lá cành, loài man thảo này phóng ra những chiếc nắm non nhọn hoắt, mập mập và mọng sữa. Chỉ cần ép nhẹ một chút, một tia nhựa màu lục đã có thể vọt ra lấm tẩm trên mặt bạn.

Với tất cả cỏ cây hoa lá của nó, mảnh vườn của bà ngoại đã cuốn hút toàn bộ trí tưởng tượng của tôi. Có lẽ chính là từ chôn này đã nảy sinh ra niềm đam mê du ngoạn đó, đây của tôi. Tôi mừng tượng một ngày nào đó tôi sẽ đến được một đất nước xa xăm: một bình nguyên lượn lờ những thung lũng hẹp cỏ hoa phủ kín đến tận chân trời. Tắm thảm thảo mộc kia nhấn chìm mọi thị thành và làng mạc vào cõi thâm nghiêm của nó. Mỗi khi những con tàu tốc hành băng qua cái bình nguyên ấy, thành gỗ của chúng hẳn là sẽ được phủ đầy một lớp phấn hoa.

Tôi kể với các anh tôi, với chị tôi và má tôi, nhưng có ai thêm để ý tới câu chuyện của tôi đâu. Và đây là lần đầu tiên anh cả tôi lắng ra một câu đầy vẻ khinh thị mà về sau tôi thường phải nghe đi nghe lại nhiều lần:

- Mà y toàn bịa ra những chuyện chán mớ đời!

Suy cho cùng chỉ có dì Nadia, con gái út của bà ngoại, là người duy nhất đã đồng cảm với tôi.

Đì mới chỉ hơn hai mươi tuổi. Đì học thanh nhạc ở Nhạc viện Mátxcova và đì có một giọng nữ trầm tuyệt diệu.

Vào dịp hè và lễ Phục sinh, đì Nadia vẫn thường về nghỉ ở nhà bà ngoại, ở Séccaxi. Những lúc ấy, ngôi nhà vốn rộng rãi mênh mông và tinh mịch bỗng trở thành huyên náo và chật chội. Đì nó đùa với chúng tôi, chạy nhảy và cười vang trên sàn nhà lát gỗ đánh xi bóng loáng: xinh xắn, mảnh mai, mái tóc vàng của đì rối tung, còn cái miệng tinh khôi của đì thì hé mở.

Trong cặp mắt xám của đì lấp lánh những ánh vàng. Cặp mắt ấy cười vui với tất cả: khi nghe một lời bông đùa nhẹ nhàng, một tiếng kêu sung sướng và thậm chí trước cả bộ mặt đáng ghét của chú mèo Antôn khi nó bất bình với những cơn đùa vui nhộn bật phát của chúng tôi.

- Con bé kỳ thật, cái gì cũng đùa được! - Má tôi nói với vẻ trách móc.

Trong gia đình, sự vô tư của đì Nadia đã trở thành một thứ điển hình. Đì có thể bị mất găng tay, hộp phấn trang điểm hoặc thậm chí mất hết tiền nong. Không hề gì, chẳng bao giờ đì tôi buồn cả.

Vào đúng cái ngày đì về đến gia đình, chúng tôi dựng nắp cây đàn dương cầm cánh lên và để nó nguyên như vậy cho đến khi đì lên đường trở lại

kinh thành Mát-xơ-va xinh đẹp, hiếu khách và ấm ì của dì.

Hàng chồng sách vở học nhạc chất đống trên những chiếc ghế bành. Những ngọn nến nghi ngút khói. Cây dương cầm làm rung lên những giai điệu khải hoàn.

Đôi khi đang đêm một giọng hát rất trầm và êm ái du dương một làn điệu đồ đưa làm tôi bừng giấc:

*Thuyền ơi, thuyền nhỏ cứ trôi,
Dưới ánh trăng ngời, tiếng hát ngân nga
Thoáng gần thoắt lại bay xa,
Trên đầm nước mặn thuyền ta vẫn chèo...*

Sáng ra, đó lại là một giọng ca trệu mền dễ dàng, gần giống như một lời thì thầm tâm sự ngay sát tai tôi trong khi làn tóc của dì Nadia mơn trớn trên má tôi. Lời ca của dì thủ thỉ:

*Màn buông cửa sập hời ai.
Xin bừng giấc điệp bạn ơi sáng rồi.
Ngoài kia oanh hót chào mời,
Hồng hoa đưa nở nụ cười cho ai?...*

Tôi mở mắt, dì hôn tôi, rồi thoáng một cái đã biến mất. Chưa đầy một phút sau tôi đã nghe thấy tiếng dì đang quay cuồng một điệu valse với anh trai, cậu Nicôla, học viện sĩ quan trường Đại học Quân sự. Cả cậu cũng vậy, thỉnh thoảng cậu cũng từ Pê-téc-bua về nhà bà ngoại nghỉ Phục sinh.

Tôi bật khỏi giường, háo hức trước một ngày đầy hứa hẹn những cảnh náo nhiệt, hân hoan và bất ngờ.

Mỗi khi đi Nadia cất giọng ca, ông ngoại thường bật tung cánh cửa căn phòng của ông mở ra cầu thang dẫn tới phòng khách và ít lâu sau đó cụ nói với bà:

- Tôi cứ phân vân chẳng hay con Nadia nó kế thừa cái máu Di gan của nó ở ai.

Bà ngoại thừa hiểu rằng tính khí của Nadia hoàn toàn không phải là tư chất của cô gái Di gan mà chính là thiên tính của một cô gái Ba Lan. Và thế là bà dẫn ra hàng loạt những ví dụ rút ra từ nền văn học và lịch sử của Ba Lan để chứng minh rằng trong giới nữ Ba Lan có rất nhiều cô nàng tính tình bộc trực, ngông cuồng và vô tư.

- Đúng vậy! - Ông ngoại đáp lại với giọng nhạo báng, rồi cẩn thận khép cửa lại - Đúng quá! Cụ nhắc lại rất to sau cánh cửa đã đóng chặt rồi trở lại ngồi vào chỗ cũ và tiếp tục cuộn những điếu thuốc của cụ.

Tôi còn nhớ một năm lễ Phục sinh đến muộn hơn thường lệ. Ở Séccaxi các vườn cây ăn quả đã ngào ngạt hương hoa. Bằng đã tan trên dòng sông Đơnhieprơ và chúng tôi đã từ Kiép đi tàu về quê. Sau đó đi Nadia cũng từ Mátxcova trở về. Năm ấy, có lẽ đi đã hai mươi ba tuổi.

Tôi rất mê những ngày lễ Phục sinh nhưng lại rất ghét những ngày trước tết. Người lớn bắt tôi phải ngồi già hạnh nhân và dùng thìa đánh lòng trắng trứng hàng giờ liền. Công việc khổ sai ấy làm tôi kiệt sức, đôi lúc khiến tôi phải trốn vào một xó nào đó thút thít một mình.

Hơn thế nữa, ngay trước ngày lễ, một cảnh huyền ảo khác thường làm đảo lộn cả ngôi nhà. Mấy bà nội trợ váy xắn quai cồng, hôi hã thì nhau lau lau chùi chùi, người thì dăm ba cái chậu cảnh, kẻ thì mấy khung cửa sổ trong khi những người khác cặm cùi cọ cọ rửa rửa mấy cái sàn nhà, đập bụi những tấm thảm và những chiếc ghế nôi rơm, đánh xi các sàn gỗ, đánh bóng các nắm đấm cửa sổ và cửa ra vào. Người ta xua chúng tôi hết phòng này sang phòng khác.

Cuộc tổng vệ sinh đâu vào đấy rồi, tiếp đó là một buổi lễ trọng thể: bà ngoại chuẩn bị bột bánh *kulit*ơ mà trong gia đình chúng tôi thường gọi là “bánh sữa xa-tanh”. Chiếc thùng gỗ nhỏ đựng một thứ bột dẻo màu vàng và sợi dây bột được bọc trong một cái mền nhung mao châm chích lỗ chỗ. Chừng nào bột chưa nở, người ta không được phép chạy nhảy trong nhà, không được sập mạnh cánh cửa hoặc nói to. Mỗi khi có một chiếc xe ngựa đi qua ngoài phố, bà ngoại lại cuống lên vì chỉ cần

một chấn động nhỏ cũng có nguy cơ làm cho bột “xẹp” và đến nông nổi ấy thì thôi đành... Vinh biệt những chiếc bánh *kulitơ* thượng hảo hạng, tan mềm, ngọt lịm và thơm phức mùi nghệ!

Ngoài *kulitơ*, bà ngoại còn chế biến khá nhiều *maduyêka*, một loại bánh gatô cứng có chứa nho khô Coranh và hạnh nhân. Khi người ta đưa những chiếc khay bánh *maduyêka* nóng bỏng ra khỏi lò, ngôi nhà ngào ngạt hương thơm đến nỗi trong căn phòng của cụ trên gác xép, ông ngoại bắt đầu tỏ ra bực bội. Ông mở cửa và ném một cái nhìn khó chịu xuống phòng khách nơi những tấm khăn nặng nề lại đã phủ kín chiếc bàn dài bằng đá cẩm thạch.

Vào ngày thứ bảy thánh, dáng vẻ thanh khiết và bầu không khí yên bình cuối cùng cũng đã trở lại ngự trị trên ngôi nhà mát mẻ tinh khôi. Sáng sớm chúng tôi được một chén trà và vài mẫu bánh khô, sau đó, suốt cả ngày cho đến tận lễ mixa nửa đêm, chúng tôi không ăn uống gì nữa. Và chính cái cảm giác “kiến bò” râm ran kia lại làm chúng tôi thích thú. Ngày dài bất tận, đầu óc cứ như có tiếng ong vo và vì bà ngoại yêu cầu chúng tôi càng bớt huyền thuyên càng tốt, lúc nào chúng tôi cũng có cảm giác tắm mình trong một bầu không khí trang nghiêm.

Nửa đêm, chúng tôi đi dự lễ mixa. Người lớn mặc cho tôi một bộ y phục hải quân, quần dài và áo vét có cúc mạ vàng và chải ngược mái tóc lên làm tôi khá đau. Tôi đến gần trước gương và bỗng nhận ra một cậu bé má ửng hồng vì xúc động mạnh. Tôi đứng đó ngất ngậy bất động.

Từ buổi riêng di Êphrôxinia bước ra. Di là người duy nhất không phải tham dự vào công việc chuẩn bị. Thường bị đau yếu, di rất ít nói và chỉ đáp lại những câu chuyện tầm phào của chúng tôi bằng một nụ cười âu yếm.

Di đến kia rồi, trong một chiếc áo dài xanh dương trông có vẻ khác khổ, một chiếc dây đồng hồ bằng vàng treo trên cổ và một cái nơ mỹ lệ đính trên bờ vai. Má cho tôi hay rằng chiếc nơ ấy là một phần thưởng cao quý dành cho kết quả học tập xuất sắc của di trong kỳ thi tốt nghiệp ở Học viện Sư phạm.

Má khoác chiếc áo dài ngày hội màu xám còn ba thì vận một bộ đồ đen với một chiếc gilê màu trắng.

Sau đó, bà ngoại hiện lên: đường bệ và rất đẹp lão, bà vận toàn đồ đen, với một nhánh hương nhật tinh nhân tạo đính trên ngực. Người ta thấy những lọn tóc bạc thấp thoáng dưới tấm khăn trùm đầu bằng đăng-ten của cụ. Cánh áo dài của bà sột soạt, bước đi của bà thật thoải mái, thanh thoát. Đêm hôm ấy, bà ngoại trẻ lại trông thấy.

Bà châm những cây đèn nhỏ chong đêm trước các bức tượng Thánh Mẫu rồi xỏ vào những chiếc găng tay bằng dăng ten đen. Sau đó, bà đưa cho bà chiếc áo choàng với những dải rộng để thắt.

- Tất nhiên, chúng tôi sẽ không được gặp anh tại buổi lễ mixa nửa đêm, đúng thế không? - Bà ngoại hỏi con rể bằng một giọng dịu dàng nhưng lạnh lùng.

- Không thưa má Vikenchia Ivanópna, - bà tươi cười trả lời - con sẽ đi hạ lưng, làm một giấc. Khi nào cả nhà đi lễ về, bọn gia nhân sẽ gọi con dậy.

Bà ngoại buột ra một tiếng ô! Và bà nhún vai trong khi vuốt lại cái áo choàng.

- Tôi chỉ có mỗi một hy vọng, rằng chán ngấy những chuyện bông đùa của anh, Đức Chúa sẽ không thêm để ý đến anh nữa.

- Con cũng vậy, con cũng rất hy vọng được như vậy - bà nói lịch thiệp trả lời bà ngoại.

Bà ghé lên gác xếp một lát để chào ông ngoại trước khi đi hành lễ. Đúng lúc bà từ trên gác xuống, dì Nadia bước vào phòng khách. Dì thì bao giờ mà chẳng muộn.

Dì không bước đi mà chấp chới như một cánh chim, mảnh mai, lấp lánh trong một bộ váy dài bằng lụa rất trắng, nhẹ như mây có khung lồng và kéo theo một dải quét tha thướt. Dì thở hỏn hển, bông hồng vàng trên ngực phấp phồng theo hơi thở.

Toàn bộ nguồn ánh sáng, tất cả niềm vui của cõi đời này dường như đang lung linh trong cặp mắt rộng mở của dì.

Bà mẹ chững lại ở giữa cầu thang và đưa chiếc khăn nhỏ xíu lên cặp mắt rớm lệ. Bà không tìm nổi nước mắt trước nhan sắc của đứa con gái út bé bỏng của bà. Hình như bà đang nghĩ về thân phận của dì Nadia, về số kiếp của dì trong cõi đời bể khổ này; và những ý nghĩ ấy bất thần khiến bà ứa nước mắt.

Năm ấy khi chúng tôi từ giáo đường về đến nhà, cha tôi đã không ngủ như thường lệ. Ba đã mở toang tất cả cửa sổ nhìn ra mảnh vườn. Trời đêm mới dịu mát làm sao!

Cả nhà ngồi vào bàn để chờ đón phút giao thừa.

Trời đêm ở ngay sát chúng tôi. Những vì sao nhấp nháy trong những cặp mắt. Từ khu vườn tiếng chiêm chiếp của một con chim bị thức giấc nào đó đã đến với chúng tôi. Câu chuyện quanh bàn mỗi lúc một tàn dần và tất cả ai cũng căng tai lắng nghe tiếng chuông lạnh canh khi trầm khi bổng trong bóng đêm chạng vạng.

Dì Nadia vẫn ngồi đó, nhợt nhạt rã rời. Trước đó, tôi đã để ý thấy rằng khi giúp dì giữ bỏ tấm áo choàng, ba tôi đã trao cho dì một bức điện màu xanh dương.

Bỗng nhiên dì đỏ mặt và vo tròn bức điện.

Cơm nước xong, người lớn cho tôi đi ngủ. Sáng hôm sau tôi dậy muộn. Cốc chén đã lạnh canh trong phòng ăn, nơi người lớn đang dùng bữa điểm tâm.

Tại bữa ăn trưa, dì Nadia tuyên bố rằng dì vừa nhận được điện của Lida, bạn gái của dì. Lida mời dì đến chơi một ngày trong điền trang của cha mẹ cô ấy. tại vùng ngoại ô Xmêla, một thành phố gần đó.

- Con định đi ngày mai, dì nói luôn.

Rồi, liếc nhìn bà ngoại, dì nói thêm:

- Con định đưa Côxtích đi cùng.

Tôi đỏ mặt vì sung sướng.

- Được, tùy con, - bà ngoại trả lời - Đi chơi đi, nhưng phải thật chú ý kéo bị cảm lạnh.

Dì Nadia nói để bà ngoại yên tâm:

- Họ sẽ gửi xe ngựa ra đón chúng con.

Từ Séccaxki đến tận Xmêla chỉ mất một giờ xe lửa. Lida Giavêxcaia, một cô gái phốp pháp, hơi tí là cười, đã chờ chúng tôi ở ga Xmêla. Chúng tôi lăn bánh qua thành phố nhỏ bé, sạch bong và xinh đẹp trong một cỗ xe song mã. Dưới kia, dưới bờ sông dựng đứng và xum xuê cành lá, dòng sông Tiaxmin trong cơn lũ đang cuộn lên những vòng xoáy lũng lờ. Chỉ ở giữa sông, kẹp giữa những dòng xoáy, một con nước êm ả đang lung linh như ánh

bạc. Trời nóng. Vài cánh chuồn chuồn chấp chới trên mặt sông.

Rời thành phố, chúng tôi lẩn vào một công viên với những lối đi dạo kín đáo. Lida kể với chúng tôi rằng xưa kia Puskin rất thích dạo chơi ở đây. Tôi không tài nào tin nổi rằng nhà thơ đầy ma lực ấy đã từng tản bộ trên những lối mòn kia; nơi mà đến lượt mình, tôi cũng đang lướt qua. Cuộc đời chói lọi của Người hẳn là đã phải trôi qua ở đâu đó tách biệt hẳn cái xó xỉnh sơn cùng thủy tận này của Ucraina.

- Ngay cạnh đây là “Kamanda”, cơ ngơi xưa của gia đình Racxki, - Lida tiếp tục. - Là chỗ thân hữu của gia đình, Puskin vẫn thường đến chơi và lưu lại đây nhiều ngày và chính ở nơi này, Người đã sáng tác những vần thơ huyền diệu.

- Ví dụ bài nào? - Ìi Nađia hỏi.

Ađen nàng hỡi cứ chơi

Xá chi bao nỗi đầy với muộn phiền

Sarít cùng với chàng Len

Vãn cảnh nguyệt quế dâng lên tặng nàng

Vãn trong giấc điệp mơ màng

Cánh nôi nâng giấc mộng vàng thắm năm...

Sarít là ai còn Len là ai? Tôi đâu có biết, nhưng giai điệu của những vần thơ kia, những tán lá non cao vút của khu vườn, những cây bồ đề cổ thụ và bầu trời nơi những áng mây đang lướt nhẹ qua kia,

tất cả đã đem lại cho tôi cái cảm giác đang được sống ở một xứ sở thần tiên. Và trong ký ức của tôi, toàn bộ cái ngày hôm ấy sẽ mãi mãi giống như một lễ hội mùa xuân cô liêu và tịch mịch.

Lida cho xe dừng lại giữa một lối đi rộng. Chúng tôi xuống xe và, theo một con đường ngoằn ngoèo, len lỏi giữa những bụi dã tường vi um tùm, chúng tôi tiến về phía ngôi nhà.

Bỗng nhiên, một người đàn ông râu xồm với nước da đồng hun, đầu trần, xuất hiện ở chỗ ngoặt của con đường. Một khẩu súng săn hai nòng móc trên vai. Một bên tay anh ta xách hai chú vịt trời vừa bắn được. Tấm áo cánh của anh ta đã để bật cúc và ở chỗ khoét người ta thấy thắp thoáng một cái cổ chắc khỏe và rám nắng.

Di Nadia đứng sững lại và tôi thấy khuôn mặt di tái đi.

Mặc cho bàn tay bị cào rướm máu, anh chàng đồng hun bẻ một cành dã tường vi lớn đầy nụ hoa và tặng cho di Nadia. Di thận trọng nhận quà và đưa một bàn tay cho người thợ săn đặt lên một nụ hôn.

- Tóc anh sực mùi thuốc súng, - di nói, - mà bàn tay anh bị xước hết rồi kìa. Phải lấy gai đi.

- Không sao! Người đàn ông trả lời.

Và anh ta mỉm cười với di.

Anh ta có hàm răng rất đẹp và giờ đây, khi đã

đến gần, tôi mới phát hiện ra rằng còn lâu anh ta mới được xem là già.

Chúng tôi lại tiếp tục con đường đưa chúng tôi về nhà. Chàng râu xồm nói năng rất kì cục, huyền thuyên mọi thứ cùng một lúc: anh ta đã từ Mátxcova về nhà hai hôm nay; xứ sở này quả là huyền diệu; hai ngày nữa anh ta phải lên đường đi Vơniđơ, đưa tranh của anh ta đến dự một cuộc triển lãm; anh ta đã từng bị một cô nàng Di gan, người làm mẫu cho Vruben, lấy mất hồn. Nói tóm lại anh ta đã là một con người đi đời nhà ma và chỉ có giọng hát của Nadia mới có thể cứu nổi anh ta.

Di Nadia mỉm cười. Tôi ngắm nhìn người đàn ông. Tôi rất khoái anh ta. Tôi đã đoán rằng anh ta là một họa sĩ. Quả là mùi thuốc súng đang tỏa ra từ con người của anh ta. Bàn tay anh ta dính đầy nhựa thông. Những giọt máu đỏ tươi từ mỏ hai chú vịt trời chốc chốc lại rỏ ra rơi xuống con đường cát mịn.

Trong mái tóc dày của anh chàng có lẫn những sợi mạng nhện, những chiếc lá thông và thậm chí cả một nhánh cây khô. Di Nadia tóm lấy khuỷu tay, kim anh ta lại và vứt bỏ cái nhánh cây.

- Đồ bất trị! - Di nói, và di nói thêm với một nụ cười đượm buồn: - Vẫn còn trẻ con!

- Nhưng hãy thông cảm cho anh, - chàng trai lằm bằm với một giọng van xin, - tất cả quả là

huyền diệu biết bao! Anh đã phải rẽ một lối băng qua chi chít những bụi thông non, anh đã bị cào cấu từ mọi phía. Nhưng ngào ngạt hương hoa! Có cả một vạt hoa cẩm chướng trắng phơi mình dưới nắng, một tấm thảm đỏ hoe những lá thông và cả những chiếc mạng nhện tuyệt mỹ! Quả là huy hoàng lộng lẫy!

- Chính vì vậy mà em yêu anh, - dì Nadia thì thầm bằng một giọng hầu như không phân biệt được.

Bất thành linh chàng họa sĩ giật khẩu súng khỏi vai và bắn chỉ thiên hai phát liền. Từ họng súng thoát ra một sợi khói xanh lơ. Máy con chó sủa vang và rôi rít lao về phía chúng tôi. Đâu đó một mẹ gà hoảng hốt te tái gọi con và hót hải tặc tặc om sòm.

- Cuộc đời muôn năm! - Chàng râu xồm kêu lên. - Cuộc đời mới kỳ diệu làm sao!

Chúng tôi đã đến trước ngôi nhà, xung quanh là một bãi chó rối rít vì mừng rỡ.

Ngôi nhà hiện lên trắng tinh với hàng cột và những tấm rèm vải sọc trên các cửa sổ. Một bà dáng nhỏ bé và đã luống tuổi, vận áo màu hoa cà, với mái tóc bạc xoắn như búp ốc và một cặp kính cầm tay treo bằng một cái dải băng đen ra đón chúng tôi. Mắt chớp chớp, còn đôi bàn tay thì ép chặt vào nhau, bà trầm trồ hồi lâu trước nhan sắc của dì Nadia.

Gió đuổi nhau trong những căn phòng được dọn dẹp mát mẻ, làm căng phồng những bức màn, và quét khỏi mặt bàn mấy tờ nhật trình.

Chỗ nào cũng có chó, lớn vồn và hít hít ngửi ngửi khắp nơi. Chỉ cần một tiếng động nhỏ đáng ngờ trong vườn, chúng đã nhảy chồm lên xô đẩy nhau và lao ra ngoài với những tiếng sủa đình tai nhức óc.

Lách qua những khe kẽ lá cành lay động trong gió, ánh nắng lọt vào và nhảy nhót chấp chới trong các căn phòng, vuốt ve môn trốn mọi thứ: những chiếc bình, những chiếc khung ảnh, thiếp vàng chiếc mũ rơm của dì Nadia lẳng trên mặt bàn và những nòng súng xanh dương anh chàng râu xồm dựng trên bệ cửa sổ.

Sau đó, chúng tôi được mời uống cà phê kem trong phòng ăn. Người họa sĩ đã kể với tôi rằng anh đã từng buông cần câu ở giữa kinh thành Pari, trên kè sông ngay trước nhà thờ Đức Bà. Dì Nadia đưa mắt về phía anh ta với một nụ cười khoan dung và triu mến. Nhưng bà mẹ Lida thì không ngừng lấp đi lấp lại:

- Ô, Xasa! Đến bao giờ con mới trở thành người lớn? Đã đến lúc rồi, đến lúc rồi đó!

Khi chúng tôi ra khỏi phòng ăn, Xasa nắm lấy tay chúng tôi, dì Nadia và tôi, và kéo chúng tôi vào phòng riêng của anh ta. Một sự bừa bộn hết chỗ

nói ngự trị trong gian phòng; những chiếc bút vẽ, những ống bột màu bẹp dí la liệt khắp nơi. Người chủ căn phòng hốt ha hốt hải vợ quàng vợ xiên những chiếc áo sơ mi tảo mác khắp nơi, những khung họa ngổn ngang mọi xó và nhét vội xuống gầm ghế đi vắng. Sau đó anh ta nhồi tẩu bằng một thứ thuốc lá dính dính moi ra từ một cái hộp kim loại xanh dương, châm lửa và yêu cầu dì cháu tôi ngồi lên bệ cửa sổ.

Chúng tôi ngoan ngoãn làm theo. Sau lưng, ánh mặt trời chói chang khiến chúng tôi cảm thấy nóng ran. Họa sĩ đến sát một khung tranh treo trên tường được phủ bằng một mảnh vải thô. Anh ta cất bỏ mảnh vải.

- Xem đây, các bạn - anh ta thì thầm bằng một giọng để lộ sự bối rối. - Tôi đã làm hỏng bức tranh.

Đó là chân dung dì Nadia. Vào tuổi tôi lúc bấy giờ, tôi chẳng hiểu tí gì về hội họa cả. Tôi đã từng nghe ba tôi và cậu Nicôla tranh luận về Vêrentraghin và về Vubrel. Nhưng tôi không biết một tác phẩm hội họa có giá trị nào cả. Máy khung tranh tô điểm cho những bức tường trong nhà bà ngoại thường miêu tả những phong cảnh ảm đạm với những rặng cây ủ rũ, vài con hươu cái tha thẩn bên một dòng suối nhỏ hoặc vài con vịt trời màu nâu sẫm treo lộn ngược. Khoảnh khắc khi Xasa để lộ tác phẩm của chú, tôi đã không thể nén nổi một tiếng reo sung

sương. Ở bức chân dung này có cả nhan sắc rực rỡ và thanh xuân của dì Nadia, ánh nắng như những dòng thác vàng đang dội xuống cái công viên cổ kính kia, làn gió nhẹ lướt qua các căn phòng và cũng có cả ánh sáng lung linh trên những tán lá.

Dì Nadia ngắm bức tranh hồi lâu, rồi, bằng một cử chỉ sè sàng vò rối bù mái tóc của con người trẻ tuổi kia và rời khỏi căn phòng không nói một lời.

Anh chàng buột ra một tiếng thở dài nhẹ nhõm:

- Ôi! Ta cũng có thể đưa nàng đi dự cuộc triển lãm ở Vonido.

Ngày hôm ấy chúng tôi đã dạo chơi bằng ca-nô trên dòng sông Tiaxmin. Bóng râm của khu vườn trải xuống mặt nước như một bức trường thành màu lục lổ chỗ những cửa châu mai. Dưới đáy sâu của dòng sông người ta thấy rõ những chiếc lá tròn của mấy cây hoa súng chưa kịp vươn đến mặt nước.

Buổi chiều, trước khi chúng tôi ra về, dì Nadia đã hát trong phòng khách có trần thấp. Xasa đệm dương cầm cho dì: chú ấy chơi lạc nhịp hẳn vì nhựa thông đã làm những ngón tay của chú dính vào phím đàn.

Hợp tan lần cuối, lần đầu

Vấn sâu ân ái, vấn giầu lời ca...

Lát sau chúng tôi đã lại cùng nhau trên cỗ xe song mã trên đường đi Xmêla. Chàng họa sĩ và

Lida tiển chân chúng tôi. Hai con ngựa vang vang nện gót xuống mặt đường khô cứng. Làn gió nhẹ từ dòng sông đưa đến cho chúng tôi những làn hơi ẩm ướt. Ếch nhái kêu râm ran. Trên kia một vì sao cháy lên trong bầu trời.

Ở nhà ga, Lida đưa tôi đi quán giải khát mua kem. Những người kia ngồi lại trên một chiếc ghế dài trong mảnh vườn nhỏ. Đương nhiên ai cũng thừa hiểu rằng làm gì có bóng dáng một que kem nào ở quây giải khát và khi chúng tôi trở lại, hai con người trẻ tuổi vẫn ngồi đó, trên chiếc ghế dài, vẻ trầm ngâm.

Chẳng bao lâu sau chuyến đi chơi ấy, dì Nadia đã trở lại Mátxcova và từ đó tôi chẳng bao giờ được gặp lại dì tôi nữa. Năm sau, vào ngày thứ ba trước lễ Tro, trong khi dạo chơi bằng xe tam mã nơi vùng quê ngập tuyết ở ngoại ô Mátxcova, dì đã hát ở ngoài trời và bị cảm lạnh. Một cơn sung huyết phổi đã cướp mất dì tôi, ngay trước lễ Phục Sinh. Bà ngoại, mẹ tôi và cả ba tôi nữa đã cùng đi mai táng dì.

Buổi ấy, tôi vô cùng đau đớn. Và, cả bây giờ cũng vậy, tôi không thể nào quên được dì Nadia. Đối với tôi, dì là hiện thân của dáng yêu kiều và sự tươi mát trẻ trung, đức nhân từ ngẫu sinh và tình yêu cuộc sống.

ĐƯỜNG PHỐ XVIATÔXLÁP

Những chuyến đi Gôrôditrê và Séccaxi là những ngày hội trong thời niên thiếu của chúng tôi. Còn cuộc đời thường thì trôi qua ở Kiép, trên đường phố Xviatôxláp, nơi mùa đông kéo dài lê thê trong những căn phòng chật chội và tối tăm của chúng tôi.

Đường phố Xviatôxláp, nơi có những dãy nhà cho thuê ảm đạm, xây bằng thứ gạch vàng, kiểu kiến trúc rất đặc trưng của Kiép, và những vỉa hè cũng lát bằng một thứ vật liệu ấy, đổ ra một bãi đất trống chằng chịt những khe rãnh. Trong thành phố không thiếu những nơi hoang vắng như vậy. Người ta gọi chúng là những i-a.

Suối ngày dài, hàng dãy xe bò chất đầy đất đỏ đi qua ngõ nhà tôi và xuôi về phía các i-a. Những người thợ thổ công lấp các khe rãnh và san nền để xây dựng một khu nhà mới.

Đất sét chuỗi khỏi xe bò và mặt đường lúc nào

cũng nhậy nhựa bùn đất: đó là lý do tại sao tôi không thích khu phố của chúng tôi.

Người lớn cấm ngắt mấy đóa em và cả tôi nữa không được bén mảng đến bãi đất trống. Đó là nơi chẳng đẹp đẽ gì, nơi ẩn náu của tụi trộm cắp và bọn hành khất. Thế mà đôi khi cùng lũ con nít của khu phố, tôi vẫn phiêu liêu lần mò tới đó. Để phòng mọi bất chắc, tụi tôi đem theo một chiếc còi cảnh sát bằng bạc, với cảm giác có trong tay một vũ khí sắc bén, không kém gì một khẩu súng ngắn. Lúc đầu, chưa thật vững dạ, chúng tôi đành đứng trên cao nhìn xuống lòng khu rãnh. Ở đó lờm chờm những mảnh sành sứ sáng loáng và những xoong chậu han rỉ. Những con chó hoang lang thang lục lọi các đồng rác không hề để ý đến chúng tôi.

Dần dần, chúng tôi trở nên mạnh dạn hơn đến mức đánh liều đi xuống mấy cái chòi bằng đất, những túp lều dựng qua quýt, tạm bợ bằng những mảnh ván ép, mấy miếng tôn cũ, vài mẩu gỗ thủng, mặt những chiếc ghé mây, những chiếc nệm giường còn chỏng trơ mấy cái lò xo. Những chiếc bao bì cáu bẩn được treo lên làm cửa ra vào.

Quanh đó, bất cứ lúc nào cũng có vài mụ đầu tóc rối bù, áo quần rách như tổ đĩa. Ngồi cạnh một đồng lúa leo lét, họ gọi chúng tôi là những “ông nhỏ” hoặc xin chúng tôi một chút đỉnh để làm một

tợp rượu trắng. Chỉ có một mẹ, một bà già có mái tóc xám bù xù như bươm sư tử, là nhe một cái răng duy nhất còn sót lại toe toét cười với chúng tôi.

Đó là một người đàn bà Ý, một kẻ khốn cùng mà ở Kiép ai người ta cũng biết. Mẹ lại văng và chơi đàn gió trong sân các khu nhà ở. Thêm cho mẹ vài xu lẻ, mẹ sẽ vui lòng chơi bản Mácxâyê. Nhưng lúc ấy, người ta phái một thằng bé ra gác cổng với nhiệm vụ báo động nếu chẳng may xuất hiện một viên sĩ quan cảnh sát nào đó.

Bà ta không chỉ cử hành điệp khúc cách mạng bằng phong cầm mà với cái giọng khàn khàn và mãnh liệt, mẹ ta còn rống lên lời của bài ca. Với diễn xuất của mẹ, Mácxâyê vang lên như một tiếng kêu giận giữ, một lời nguyện rửa của các cư dân trên cái bãi hoang này.

Trong đội quân chiếm đóng những túp lều ở đây, chúng tôi gặp lại một số người quen cũ. Chẳng hạn, Iatroka - Tên Động Kinh, một người hành khất với cặp mắt của kẻ be bét rượu chè. Lãnh địa quen thuộc của lão là tiền đình của giáo đường Thánh Vladimira, nơi lão ngồi lì hàng ngày liền, miệng lắp đi lắp lại một câu: "Thưa quý ông, quý bà, xin làm phúc rủ lòng thương kẻ phế nhân tàn tật này!".

Ở ngoài bãi, Iatroka - Tên Động Kinh còn lâu mới

ủ ê hiên lành như khi ngồi trên tiền đình của giáo đường. Lão làm một hơi hết nhẵn cốc rượu trắng, dấm ngực thỉnh thoảng và gào lên bằng một giọng đầy nước mắt: “Lại đây các bạn, hồi những kẻ bị đầy đọa và cô cút, ta sẽ ban cho các bạn hòa bình!”.

Ngoài ra còn có lão hói bán tằm ở phố Phunducleép, gần quán cà phê “Phrăngxoá”. Và lão già chơi phong cầm vịn tay cùng con vẹt của lão thì sống trong một cái ổ chuột gần đó.

Mấy cái lò tạm bợ với một mẩu ống nước có đục lỗ nghi ngút khói trước những túp lều.

Chiếc lều tôi thích nhất là của lão nhạc công phong cầm tay vịn. Chủ nhân của nó đi vắng cả ngày. Lão đi rảo một vòng các sân nhà trên phố. Một đứa bé gái nước da nhợt nhạt với cặp mắt đẹp nhưng buồn ngồi bên cạnh cửa ra vào. Nó đang gọt khoai, một bên chân quán giẻ rách.

Đó là con gái lão nhạc công, “cô bé rút xương”, một nghệ sĩ nhào lộn. Trước đây nó cùng đi với bố đến các sân bãi, trải ra một tấm thảm nhỏ và trên đó, trong bộ quần áo bó sát, màu xanh nhạt, nó biểu diễn các tiết mục nhào lộn khá phong phú. Nhưng bây giờ nó bị gãy mất một chân và không “làm ăn” gì được nữa.

Đôi khi tôi bắt gặp con bé ngồi đọc một quyển sách, lúc nào cũng chỉ thấy mỗi quyển ấy. Bìa

quyển sách bị bóc mất rồi. Tuy nhiên, nhìn mình họa tôi cũng đoán được đó là “Ba chàng ngự lâm pháo thủ”.

Con bé quát chúng tôi bằng một giọng khó chịu:

- Chúng mày làm gì mà lang thang ở đây? Chưa bao giờ chúng mày thấy người ta sống thế nào ư?

Rồi thì con bé cũng quen dần sự có mặt của tụi tôi và cuối cùng không quát tháo xua đuổi chúng tôi nữa. Cha nó là một lão già gầy gò tóc bạc. Một hôm bắt gặp chúng tôi ở ngoài bãi, lão nói với con gái:

- Không sao, có ngó qua cuộc sống chó má của hạng người như chúng ta một chút đối với họ cũng chẳng tai hại gì. Có thể còn có ích cho họ sau này khi trở thành sinh viên.

Lúc đầu tôi lần ra ngoài bãi cùng với bọn bạn. Sau quen dần với đám cư dân ở đây, tôi đi một mình.

Khá lâu, tôi không dám hé răng nói với má một lời về những chuyến đi khai phá ấy. Sau này, chính cô bé con gái lão nhạc công đã phản tôi. Tôi cho nó mượn “*Túp lều của bác Tôm*”. Sau đó, tôi bị ốm và phải ở nhà khá lâu không ra bãi được. Sốt ruột, cô bé đã thân chinh đem quyển sách đến nhà. Má tôi gặp nó và thế là lộ tẩy hết cả. Nhìn cặp môi mím chặt và thái độ lạnh như tiền của má tôi cũng đủ hiểu hết nguồn cơn.

Tôi hôm ấy, trong phòng ăn, hạnh kiểm của tôi trở thành đề tài của cuộc tranh luận gay gắt giữa ba má tôi. Nấp sau cánh cửa, tôi nghe lỏm được cuộc tranh cãi. Má hoang mang và bực mình lắm, còn ba thì quả quyết rằng chuyện ấy chẳng có gì đáng sợ và không hề ảnh hưởng xấu đến tôi, và thật ra có thể nên lai vãng những người cùng khổ ấy hơn là giao du với bọn con cái lái buôn và các gia đình viên chức trên phố. Má phản đối và nói rằng, ở tuổi tôi cần phải tránh xa một số cảnh đê tiện của cuộc đời.

- Nhưng má nó có thấy không - ba tôi cãi - Khi người ta có một thái độ nhân đạo đối với họ, những kẻ khốn cùng ấy sẽ đáp lại bằng một sự trung thành tận tụy không thấy có trong tầng lớp chúng ta. Còn những khía cạnh xấu xa phông có gì quan trọng?

Sau giây lát im lặng, má nói:

- Có thể ba nó có lý sau khi tôi lành bệnh, má đưa cho tôi "*Ông già và lão hành khất*" của Máctuyên và bảo:

- Đây... con đem quyển sách này đến cho con gái lão nhạc công. Má chẳng biết tên nó là gì.

- Lida, - tôi bẽn lẽn trả lời.

- Tốt lắm, con đem cho Lida quyển này làm quà.

Từ hôm ấy, trong gia đình không có ai bực mình về chuyện tôi ra chơi với các i-a phố

Xviatôxláp nữa. Tôi không cần đánh xoáy trong chạn vài mẩu đường cho người bạn gái mới của tôi hoặc một nắm lạc rang cho Mítca, chú vẹt có cặp mắt hấp háy. Tôi đang hoảng xin má và chẳng bao giờ má từ chối cả.

Tôi thầm cảm ơn má và thấy lòng nhẹ nhõm như một cậu bé có tâm hồn thanh thản.

Một hôm vào đầu mùa thu, người nhạc công phong cầm đến sân nhà chúng tôi không đem theo con vẹt. Lão uể oải quay chiếc tay quay của nhạc cụ. Cây dương cầm huýt gió một điệu “pôn ca”:

Lại đây, đừng ngại, lại đây,

Thiên thân yêu quý, ta quay một vòng...

Ông già đảo mắt nhìn các ban công và những cửa sổ mở rộng, hy vọng vài đồng xu nhỏ cuộn trong những mẩu giấy rồi cuối cùng vẫn rơi xuống dưới sân.

Tôi bước ra và chạy đến với lão. Không ngừng quay chiếc cần, lão nói:

- Mítca không được khỏe. Nó cuộn tròn thu lu như một con nhím. Thậm chí nó hờ hững với cả những hạt lạc của cậu. Lão e rằng nó sẽ toi mất thôi.

Lão lột chiếc mũ đen dính đầy bụi ra lau mặt.

- Bây giờ tất cả thế là đi đứt! - Ông già buột miệng - Váng nó chỉ có nhạc công không thôi, ngay chuyện kiếm chút đỉnh đủ để làm một tộp cũng

đừng tính tới, hướng hồ là kiếm sống. Bây giờ ai còn thèm bói toán gì nữa?

Trước đây con vẹt vẫn đoán số giá năm cốpécх một quẻ. Con vẹt chọn những cái vé màu xanh thẫm, xanh lơ hoặc màu đỏ có in những lời tiên đoán và đưa cho mấy người khác cầu may. Những cái phiếu ấy được cuộn chặt và xếp vào một cái hộp giấy bồi như những điều thuốc lá. Trước khi bắt phiếu, Mítca giầy giụa hồi lâu trên chiếc cầu của nó và cái kính bật ra những tiếng kêu.

Những cái bùa được viết bằng một thứ ngôn ngữ khá mơ hồ.

“Bạn được Thủy tinh chiếu mệnh và bảo thạch của bạn là một viên ngọc bích, còn gọi là Xmaragđođx, có nghĩa là số phận hẩm hiu và cuối cùng chỉ tìm được hạnh phúc vào những năm tháng nhuộm màu tóc bạc. Bạn hãy xem chừng các cô cậu tóc vàng. Tốt hơn hết các bạn đừng ra đường vào các ngày Thánh Giăng Báp-ti-xơ bị hạ thủ”.

Trước đây, những chiếc phiếu ấy chỉ ghi mỗi một câu, ngắn gọn, lời lẽ nạt nộ: “Ngày mai, lúc chiều tối” hoặc: “Muốn sống thì đừng quay lại”.

Hai ngày sau, con vẹt Mítca qua đời. Tôi tự tay chôn nó dưới thung lũng, trong một chiếc hộp đựng giấy. Lão nhạc công đàn phong cầm nốc một rượu say mềm rồi biến luôn.

Tôi nói với má về cái chết của con Mítca. Môi tôi run lên nhưng không sao cầm lòng được.

- Vào thay quần áo đi con - má nghiêm trang nói với tôi. - Má con ta sẽ đến nhà lão Buốcmixtróp.

Buốcmixtróp là một ông già nhỏ bé với bộ râu đã ngả sang màu lục vì tuổi tác. Lão có một cái quán tối tăm và chật chội ở phố Bétxarápca. Ông già có cái dáng của một quỷ thần giũ của. Lão hơi nặng tai và bán vô số những đồ vật kì lạ: bể nuôi cá vàng, cần câu, phao đủ các màu sắc, cá vàng chim cảnh, trứng kiến và thậm chí cả những bức chuyển họa.

Ở đây, má mua một con vẹt xanh oai vệ mang một cái vòng thiếc ở một bên chân. Chúng tôi mượn lão Buốcmixtróp một cái lồng. Chính tôi xách cái lồng có nhốt con vẹt ở trong đem về nhà. Dọc đường, con vẹt đã lừa miếng dớp tôi một phát vào ngón tay, thấu tận xương. Chúng tôi ghé vào một hiệu thuốc và người chủ hiệu thuốc băng vết thương cho tôi. Tôi phẩn chấn đến mức hầu như không cảm thấy đau.

Tôi sốt sắng muốn đem ngay con chim đến nhà lão nhạc công đàn phong cầm, nhưng má bảo tôi:

- Để má cùng đi với con. Má cũng muốn tận mắt trông thấy tất cả.

Má vào buồng thay áo quần. Tôi cảm thấy

ngờng ngợng nghĩ đến chuyện má cũng sửa sang ăn vận để đến thăm bọn hành khất, những người rách rưới như tổ đũa, nhưng tôi không dám thổ lộ ý nghĩ của tôi với má.

Vài phút sau, má xuất hiện. Má mặc chiếc áo dài đã dầm dấp có những miếng vá ở cùi tay. Trên đầu, má đội một chiếc khăn mỏ quạ. Đây là lần đầu tiên má không lồng đôi găng tay bằng da xinh xắn của má. Má đi một đôi giày đã vẹt gót.

Tôi nhìn má thâm cảm ơn và hai má con lên đường.

Má hiện ngang đi xuống thung lũng, vượt qua trước mặt bụi đầu tóc bù xù, cảm lạnh vì sương sốt và suốt dọc đường, qua những đồng rác rưởi và tro bụi, má không cần nâng cao gấu váy.

Thấy chúng tôi đem con vẹt đến, Lida rất xúc động, khuôn mặt nhợt nhạt của nó rạng rỡ hẳn lên. Lão nhạc công đi vắng: lão đi giải sầu với các bạn của lão trên phố Đêmiépca.

Lida nhận con vẹt và mặt mỗi lúc một chín thêm, nó luôn miệng hỏi:

- Nhưng tại sao, thưa bà, tại sao? Để làm gì mới được chứ?

- Cố thấy có thể dạy nó đoán số được không? -
Má hỏi cô bé.

- Tất nhiên, thưa bà! Chỉ sau hai ngày! - Lida

sung sướng reo lên. - Nhưng để làm gì, thưa bà? Trời ơi! Tại sao? Con này chắc phải dốt ghê lắm đây!

Khi chúng tôi về đến nhà, ba tôi cười hóm hỉnh khi hay chuyện này và buông một câu:

- Chủ nghĩa nhân văn của bà chủ! Chủ nghĩa tình cảm của một nền giáo dục lương thiện!

- Ô! Lạy chúa! - Má nổi xung và kêu lên - Tôi không hiểu sao mình luôn luôn cố tình tự mâu thuẫn như vậy. Mình thật kỳ quá! Vào vị trí của tôi, hẳn mình cũng phải làm như vậy.

- Không! - Ba tôi trả lời. - Còn phải làm hơn thế nữa.

- Sao, làm hơn thế nữa ư? - Má day lại và giọng nói của má để lộ một sự thách thức - Lại còn thế nữa!... Để rồi xem!

- Để rồi xem.

Tôi không hề ngờ rằng ba cố tình nói vậy để khiêu khích má.

Ngày hôm sau, tiếp theo lần đấu khẩu ấy, má sai người nhà đem đến cho Lida một đôi giày mâu mận chín và một chiếc áo dài đen, định dành cho em gái tôi.

Nhưng ba đâu có chịu thua. Ba chờ lão nhạc công phong cầm cùng con vệt của lão trở lại sân nhà chúng tôi.

Ông già quán một chiếc băng đỏ quanh cổ. Cái

mũ của lão sáng lên với vẻ đắc thắng sau nhiều bữa rượu thỏa thuê. Lão chơi tất cả những gì mà nhạc cụ của lão có khả năng thể hiện để tỏ lòng biết ơn má tôi: một hành khúc, bản “*Nhớ quê hương*”, một điệu vaxơ, bản “*Sông Danuýp xanh*”, một điệu pônca, bản “*Giã từ*” và kết thúc là một khúc dân ca nổi tiếng, bài “*Người bán rong*”.

Một lần nữa lão lại có một con vệt biết đoán số. Những đồng xu nhỏ, những mảnh vải lẻ lại từ các cửa sổ rơi xuống như mưa. Ông già đưa mũ ra đón quà tặng với một động tác rất điêu luyện.

Sau đó, lão xúc nhạc cụ lên lưng và vắn cúi khom khom như thường lệ, đi vào cầu thang chính và bấm chuông nhà tôi mà không hề tiến về phía lối ra như mọi ngày.

Lão tháo chiếc mũ ra, cầm ở đầu ngón tay, cánh tay thẳng đơ đến nỗi vành mũ chạm xuống sàn nhà. Lão cảm ơn và hôn tay má tôi. Bất thần, ba tôi xuất hiện và mời lão vào phòng làm việc của ba. Lão già dựa cây phong cầm có tay quay vào bức tường tiền sảnh và rón rén bước theo ba tôi.

Ba mời lão uống cô nhắc, nói với lão rằng ba biết rõ lão sống cực nhọc, vất vưởng ra sao. Và ba hứa sẽ tìm cho lão một chân gác đường trên tuyến Đông - Nam. Như vậy, lão sẽ có một ngôi nhà nhỏ và một mảnh vườn trồng rau.

- Thưa Ghêócghi Mắcximôvích kính mến, xin thứ lỗi cho lão, - Người nhạc công đở mặt và sẽ sàng trả lời - Nhưng nếu đi gác đường, lão sẽ ưu phiền đến chết. Thú thực, lão sinh ra là để lê lét trong cảnh bần hàn với cây phong cầm của lão, cho đến cuối đời.

Lão già đi rồi, má không giấu nổi vẻ đắc thắng tuy má chẳng nói gì.

Mấy hôm sau, bất thần cảnh sát xua tất cả các cư dân khỏi i-a Xviatôxláp. Lida và cha cô bé thế là mất hút; có lẽ họ đã lên đường đến một thành phố khác.

Nhưng trước đột biến ấy, tôi vẫn còn kịp đến bãi hoang lần cuối cùng. Lão nhạc công đàn gió mời tôi đến “dùng bữa chiều”.

Trên một cái hòm úp sấp có một đĩa cà chua nướng và bánh mì đen, một chai rượu anh đào và một nắm kẹo lem luốc, mấy mẫu đại mạch có sọc hồng và trắng.

Lida vận chiếc áo dài mới, những chiếc đuôi sam được tết khá cầu kì. Cô bé kín đáo và hết sức ân cần theo dõi tôi, muốn thấy tôi ăn như “ở nhà với má”. Còn con vẹt thì ngủ, mi mắt như phủ một lớp vảy. Chốc chốc, cây phong cầm lại thổ lộ mấy lời than thở du dương. Ông già giảng giải cho tôi rằng đó là hơi gió tích trong mấy đoạn ống nước thoát ra.

Bây giờ đã là tháng chín. Đâu đó bóng tối đã đến gần. Ai chưa qua mùa thu ở Kiếp thì có lẽ chẳng sao hình dung nổi bầu không khí dịu dàng mê li vào những giờ này.

Ngôi sao đầu tiên đã thấp sáng trên cao. Trong im lặng, những khu vườn mùa thu trắng lè đang ngóng chờ bóng đêm, vững tin rằng những ngôi sao lạc sẽ rơi xuống địa cầu và những khu vườn ấy sẽ đón nhận những ngôi sao ấy vào thảm dày của lá cành, êm ái như vào một chiếc võng, trước khi nhẹ nhàng đặt chúng xuống nền đất. Và điều đó xảy ra với biết bao ân cần và chu đáo đến nỗi không một ai trong thành phố bị thức giấc và hay biết gì.

Lida tiên chân tôi về đến tận cửa. Để chia tay, cô bé giúi vào tay tôi một chiếc kẹo màu hồng, dinh dính và chạy vội xuống cầu thang. Còn tôi, tôi đứng đó khá lâu trước khi dám bấm chuông. Tôi sợ bị má mắng vì đi chơi về muộn.

CẢNH SẮC NGÀY HÈ

Một năm, vào dịp Nôen, ba tôi làm quà cho tôi một đôi giày trượt băng “Haliphắc”. Ngày nay, có thể các em nhỏ sẽ cười ngặt nghẽo mỗi khi trông thấy những đôi giày ấy. Nhưng thời ấy, trên thế giới không có loại nào tốt hơn.

Tôi hỏi mọi người xung quanh: “Haliphắc là một thành phố? Nó ở phương nào vậy? Một thành phố bị vùi trong tuyết? Có phải ở đó tất cả trẻ con đều được trượt băng bằng những đôi giày giống như đôi giày của tôi? Thủy thủ về hưu và những đứa học trò ranh mãnh sống ở cái xứ sở băng giá ấy, đúng không?”.

Chẳng ai giải đáp được những câu hỏi của tôi.

Bôria, anh cả tôi, cho rằng Haliphắc hoàn toàn không phải là một thành phố, mà là tên của người đã sáng chế ra loại giày trượt băng ấy. Nhưng ba thì một mực quả quyết rằng đó là một thành phố nhỏ, hình như ở trên đảo Đất Mới, gần bờ biển Bắc Mỹ và ngoài những đôi giày trượt băng, thành phố

ấy còn nổi tiếng là nơi có những con chó săn. Dẫu sao, giờ đây những chiếc giầy vẫn đang ngự trị trên bàn học của tôi. Tôi ngồi chiêm ngưỡng báu vật ấy và đắm chìm trong mơ mộng. Trong trí tưởng tượng của tôi, hình ảnh của thành phố xa xăm ấy rõ nét đến nỗi tôi đã có thể vạch ra một sơ đồ khá chi tiết, có cả những đường phố và quảng trường.

Ngồi vào bàn, trước mặt tôi là quyển sách giáo khoa Malinin và Burênin¹ (mùa hè ấy, tôi đang chuẩn bị thi vào trường trung học), tôi có thể trầm ngâm suy tư hàng giờ về thành phố tưởng tượng của tôi. Cái năng khiếu ấy khiến má tôi đâm hoảng. Linh quan của tôi làm má sợ và má khẳng định rằng sự bần cùng và cái chết bên bờ dậu là số phận của những đứa trẻ như tôi.

“Mày sẽ chết dấp bên bờ dậu”, thời bấy giờ, lời tiên đoán tương lai ấy rất phổ biến. Tôi không hiểu tại sao, nhưng thiên hạ cho rằng chết kiểu này là một cái chết nhục nhã nhất.

Và người nhà rất hay gán cho tôi cái kết cục thảm hại ấy. Nhất là má, má thường rủa tôi rằng “Còn có một mớ bã dậu ba góc trong sọ và chẳng có cái gì giống người ta cả”. Tóm lại, má rất sợ thấy tôi thành một kẻ “đi đời nhà ma”.

1. Sách giáo khoa toán học

Nghe nói vậy, ba giận tím người và quát tháo inh ỏi:

- Được cả, một kẻ bất tài, một tên hành khát, quân du đãng, gì cũng được, miễn là nó không trở thành một cậu ấm tư sản Kiếp khốn nạn.

Lâu dần, chính tôi cũng đâm ra hoảng cái trí tưởng tượng của mình và thấy ngượng với xung quanh. Tôi có cảm giác mất hết cả thì giờ vào những chuyện lăng nhăng, chẳng đâu vào đâu trong khi quanh tôi mọi người ai cũng đang say sưa với những công việc trọng đại: các anh chị em tôi đến trường và làm bài tập đầy đủ, ba vẫn cần mẫn làm việc trong ngành đường sắt, còn má thì may vá và nội trợ. Riêng tôi, tôi đang sống trong một thế giới tách biệt khỏi cái chung và phung phí thời gian.

- Con nên ra sân băng mà chơi còn hơn là ngồi đó mường tượng vắn vơ như một kẻ mất hồn - má bảo tôi - Thế mà cũng gọi là con trai. Má chẳng hiểu con giống ai?

Tôi nghe lời khuyên của má và đi trượt băng.

Mùa hè, ngày ngắn và bóng tối chập choạng ập xuống khi tôi vẫn còn trên sân băng. Một dàn quân nhạc bất thần xuất hiện. Những tốp bóng đèn ngũ sắc bật sáng. Máy tốp nữ sinh trung học mặc áo ngắn lót bông, bàn tay giấu trong những chiếc bao

xinh xắn, uyển chuyển đung đưa, nhẹ nhàng lướt ra đường băng. Bọn học sinh con trai thì trượt giạt lùi hoặc tiến theo “kiểu súng ngắn”, ngồi sỏ trên một bên chân còn chân kia thì duỗi thẳng về phía trước. Tư thế ấy được xem như “điệu” hết chỗ nói. Tôi khao khát làm được như họ.

Về đến nhà, tôi mệt nhoài, mặt mũi nóng bừng. Nhưng nỗi khắc khoải trong lòng nào có nguôi cho đâu vì ngay cả sau khi trượt băng, cái thiên hướng mơ mộng nguy hiểm của tôi vẫn chứng nào tật nấy.

Ở ngoài kia, tôi thường bắt gặp người bạn gái của chị Galia, cô Maruxia Vexnítdơki, học sinh năm cuối cùng trường trung học Phunduclêép. Cô ấy cũng có đôi giày trượt băng “Haliphác” nhưng màu đen và bằng thép không gỉ.

Anh Bôria, học giỏi toán năm cuối cùng, đang theo đuổi Maruxia. Anh là bạn cặp đôi cùng nhảy vaxơ với cô ấy.

Những người trượt băng đẹp một vòng trên sân rất rộng. Họ cho mấy thằng nhãi đang làm vướng chân người lớn vài cái bợp tai, bắt chúng đứng yên một chỗ và thế là điệu vaxơ, khoan thai và êm ái, bắt đầu.

Thậm chí nhạc trưởng Côvácghích (chúng tôi gọi ông là “*quản sáo*”), một người Tiệp tóc hoe, cũng chôn chân trước đường băng để xem người ta

nhảy vaxơ. Một nụ cười hớn hở phảng phất trên khuôn mặt đỏ gay.

Những chiếc đuôi sam dài của Maruxia tung bay theo nhịp nhảy; bị vướng, vũ nữ luôn tay đưa chúng trở về phía trước ngực trong khi vẫn tiếp tục quay lượn. Cặp mắt lim dim, cô gái đưa một cái nhìn kiêu hãnh lướt qua đám người đang đứng xem.

Tôi chăm chú quan sát Bôria với một niềm vui tinh nghịch. Anh ấy nhảy không đẹp bằng Maruxia. Đôi khi anh còn bị trượt trên đôi giày “Cây lạc bộ Thuyền buồm” đắt tiền của anh.

Trên sân băng lúc ấy, làm sao tôi có thể đoán được rằng cuộc đời của Maruxia Vexnítđoki sẽ còn kì dị hơn nhiều, vượt xa mọi tưởng tượng của tôi.

Vào thời gian ấy một người con của vua Xiêm đang theo học ở Anh, ở Cambriơ hoặc Oxford gì đó.

Ông hoàng trẻ tuổi không chịu nổi những chuyến vượt đại dương mệnh mông từ nước Anh trên đường về quê. Hoàng tử đã thực hiện một chuyến đi dài ngày xuyên châu Âu rồi qua nước Nga và ấn Độ.

Khi đi qua một nơi gần Kiép, hoàng tử mắc bệnh sùng phổi. Người ta phải lập tức tạm ngừng cuộc hành trình và người bệnh được đưa vào điều trị tại một lâu đài trong nội thành với sự ân cần chăm sóc của các danh y của kinh đô.

Nhưng trước khi tiếp tục chuyến đi, hoàng tử cần được nghỉ ngơi và lấy lại sức khỏe. Lưu lại Kiếp hai tháng, hoàng tử có cảm giác ngày dài lê thê. Người ta tìm cách giải sầu cho chàng bằng cách đưa chàng đến dự những buổi khiêu vũ của Thương nhân đoàn, các dạ hội bán xổ số của vài tổ chức từ thiện, đi nhà hát hoặc đi xem xiếc.

Tại một trong những vũ hội ấy, vị hoàng tử da vàng ấy đã thoáng trông thấy Marixia. Cô đang uyển chuyển trong một điệu valse. Cũng như trên sân băng, cô luôn tay đưa những chiếc đuôi sam trở về trước ngực và dưới cặp mi lim dim, đôi mắt xanh lấp lánh một cái nhìn kiêu hãnh. Hoàng tử thấy cô duyên dáng khác thường. Mạnh mẽ, cặp mắt nheo cười, mái tóc mượt mà như đánh bóng, hoàng tử nhảy với cô gái cho đến khi trên khuôn mặt tròn trĩnh lấm tấm những giọt mồ hôi.

Cuối cùng, hoàng tử đã phải lòng cô gái. Sau đó hoàng tử trở về Xiêm, nhưng để rồi lập tức vi hành trở lại Kiếp và cầu hôn với cô gái Nga. Nàng nhận lời.

Một làn sóng xôn xao tràn qua đám nữ sinh trung học. Tất cả đồng thanh khẳng định rằng, vào vị trí của họ, họ sẽ không bao giờ chịu nhận một anh chàng Á Đông làm chồng dù hắn có là con vua.

Thế rồi Maruxia lên đường đi Xiêm. Ít lâu sau ông vua già qua đời vì một chứng bệnh nhiệt đới nào đó. Rồi đến lượt con trai đầu lòng của quốc vương.

Chông Maruxia chỉ là người con thứ. Như vậy hoàng tử ít có cơ may nối ngôi. Nhưng sau khi ông anh qua đời, người con út đương nhiên là người kế vị duy nhất và thế là, không hẹn mà nên, hoàng tử trở thành quốc vương. Cô nữ sinh trung học Kiếp vui tươi, Maruxia Vexnidoki, trở thành hoàng hậu vương quốc Xiêm.

Bọn quần thần căm ghét bà hoàng hậu người ngoại quốc. Sự có mặt của bà đi ngược lại truyền thống lâu đời của hoàng tộc.

Thể theo nguyện vọng thiết tha của bà hoàng trẻ tuổi, điện đã được đưa về Băng Cốc. Đó chính là giọt cuối cùng làm tràn li nước hận thù. Chúc sắc trong triều quyết định đầu độc mẹ hoàng hậu ngoại lai, người đã chà đạp lên thuần phong mỹ tục ngàn đời của đất nước này. Người ta ám muội trộn vào thức ăn của bà hoàng một thứ bột thủy tinh nhỏ, mịn, nghiền từ những chiếc bóng đèn điện. Sáu tháng sau, Maruxia chết vì bị chảy máu ngầm đường ruột.

Nhà vua cho dựng một tượng đài trên phần mộ hoàng hậu. Một con voi khổng lồ bằng đá cẩm thạch đen đứng trên thảm cỏ dày và cao đến đầu gối, đầu con vật đội một vành hoa bằng vàng còn cái vòi thì u sầu rũ rượi. Cô gái Kiếp bé bỏng, người đã trở thành hoàng hậu vương quốc Xiêm, yên nghỉ dưới cái thảm cỏ ấy.

Về sau, cứ mỗi lần đến sân băng, trong trí tôi lại hiện lên hình ảnh Maruxia, người nhạc trưởng điều khiển dàn nhạc chơi điệu vaxơ “Mùa hè không trở lại”, động tác dùng bao tay rữ bụi tuyết khỏi khuôn mặt và đôi hàng mi của cô cùng với những chiếc giấy bằng thép đen không rỉ của thành phố Haliphắc, cái thành phố đã khiến tôi mơ mộng khá nhiều. Ôi! Giá như người ta có thể kể câu chuyện về Maruxia Vexnítđơki cho những chàng thủy thủ Haliphắc hào hiệp kia nghe! Thoạt tiên, có lẽ họ sẽ sững sờ câm lặng, rồi tím người vì căm giận, họ sẽ sôi lên nguyên rửa bọn quân thân và cuối cùng, rã rời mệt mỏi, họ ngậm ngùi xót thương cho số phận của con người.

Mùa hè đến, người lớn cũng thường đem tôi đến nhà hát.

Vở diễn đầu tiên tôi được xem là *Cuộc tấn công pháo đài Ixmain*. Tôi không thích vở diễn ấy chỉ vì tôi thấy một người đàn ông đeo kính, mặc chiếc quần nhung xơ xác cứ thập thò ở cánh gà. Lão ta đứng đó, bên cạnh tướng Xuvôrốp và bất thành linh đưa tay xô tướng quân. Và thế là vị danh tướng lò cò nhảy ra sân khấu, miệng áp úng bật ra những tiếng kêu của con gà sống non.

Ngược lại, ở vở diễn thứ hai, vở *Nàng công chúa phương xa* của Étmông Rôxtăng đã làm tôi ngây

ngát. Nó chứa đựng tất cả những gì cần có để làm náo động một trí tưởng tượng như trong tâm hồn tôi: một cầu tàu, những cánh buồm mênh mông, vài người hát rong, mấy chàng hiệp sĩ và một nàng công chúa.

Tôi bắt đầu thấy yêu nhà hát Xôlôptxốp, những bức tường bằng nhung xanh và những khán đài xinh xinh của nó. Vở diễn kết thúc nhưng không sức mạnh nào trên đời này có thể khiến tôi rời khỏi rạp hát trước khi tất cả ánh đèn đều đã tắt. Và thậm chí cả lúc ấy, bóng tối chạng vạng của căn phòng, bầu không khí ngọt ngào nước hoa, mùi vỏ cam, tất cả những cái ấy hình như có sức quyến rũ mạnh đến nỗi tôi tưởng phải nấu mình dưới một ghé ngòi để ở lại suốt đêm trong cái nhà hát vắng vẻ.

Còn quá ngây thơ, tôi không phân biệt được những hư cấu của kịch trường với cuộc đời thực, vì vậy tôi thực sự bị dẫn vật, thậm chí phát ốm sau mỗi buổi diễn.

Niềm đam mê sách vở vốn có của tôi được nhân lên nhiều lần sau sự phát kiến nhà hát ấy. Thậm chí chỉ cần xem xong "*Một bà trơ trẽn*" là tôi đã có thể lặn vào ngấu nghiên mọi loại sách vở viết về Napôlêông. Những thời đại, những con người tôi quan sát được trên sân khấu lấp lánh, cứ như

được phù phép với một sức quyến rũ và thích thú lạ thường.

Đối với tôi, bản thân vở diễn không phải là điều hấp dẫn duy nhất. Tôi yêu hành lang nhà hát với những tấm gương khung vàng nhạt màu, những phòng gửi áo khăn tối mờ bồng bênh mùi hương lụa của áo khoác, những cặp ống nhòm bằng xà cừ, tiếng ngựa hí trước cầu thang lớn.

Cứ mỗi lần tạm nghỉ giữa hai hồi kịch, tôi lại chạy tới cuối hành lang để nhìn qua cửa sổ xuống đường phố. Ngoài kia bóng đèn dày đặc ngự trị. Chỉ có tuyết trắng vương trên lá cành còn phác được vài vệt sáng mờ hồ. Tôi quay ngoắt lại và thỏa thuê uống nguồn ánh sáng tràn trề của căn phòng trang trí lộng lẫy với những ngọn đèn chùm, tấm màn nhung, ánh sáng lấp lánh của những mái tóc phụ nữ, những chuỗi dây chuyền, những nụ hoa tai. Trong lúc tạm nghỉ, một hơi gió ấm áp làm lay động bức màn. Nhiều lần tôi lấp lại cũng chính cái động tác ấy: nhìn ra ngoài cửa sổ rồi lại quay mặt vào căn phòng, và điều đó làm tôi rất phấn chấn.

Tôi không thích nhạc kịch. Có lẽ vì vở diễn đầu tiên mà tôi xem là vở *Con quý* của Ruybinxtên. Đáng phỉ nộ, vẻ ngạo mạn của đôi môi dày trề ra, người diễn viên sắm vai con quý hát bằng một giọng ớn lạnh và lười nhác. Bộ mặt lão ta chỉ được

hóa trang qua quýt. Cái lối phủ lên thân hình phì nộn, nặng nề với cái bụng phệ một chiếc áo dài bằng lụa đen có mép rơm tua tủa, rồi móc lên lưng một đôi cánh khiến người ta không thể nhịn cười. Người ca sĩ uốn lười một cách quá đáng và khi hẳn ta cất giọng:

Vũ tr-ụ... tr-áo tr-âng

Vũ tr-ụ ch-án ch-ường...

thì tôi không thể nào nhịn được và cười phá lên. Má bực mình lắm và không bao giờ dẫn tôi đi xem nhạc kịch nữa.

Hàng năm, cứ đến mùa đông, cô Đôdia lại từ Gôrôditrê về Kiép chơi với chúng tôi vài ngày. Má rất thích dẫn cô đi nhà hát.

Đêm hôm trước buổi biểu diễn, cô Đôdia mát ngủ. Hàng giờ trước khi đi nhà hát, cô đã vận một chiếc áo dài bằng xatanh màu mận chín, có dệt nổi hình hoa và lá vàng, khoác trên vai một chiếc khăn quàng hợp màu và cầm trong tay một chiếc khăn mùi xoa bằng dăng ten. Trên mái tóc, cô quấn một chiếc khăn mỏ quạ đen có thêu những bông hoa hồng nhỏ nhỏ, theo kiểu các cô nông dân Ucraina. Trong rạp, mọi người đều quay lại nhìn, nhưng cô bị vở diễn hấp dẫn đến nỗi không còn để ý đến ai.

Má thích dẫn cô đi xem các vở kịch Ucraina như *Natalidơ Pôntava* hoặc *Người nghĩa quân Dapôrôgơ trên sông Đanuyép*.

Một lần, giữa buổi diễn, cô Đôdia đứng phất dậy và bằng tiếng Ucraina thét vào mặt tên phản bội trong vở kịch:

- Mày giở trò gì vậy, đồ súc sinh? Rõ không biết nhục!

Cả rạp phá lên cười sặc sụa. Người ta phải vội vàng hạ màn. Cả ngày hôm sau, cô nằm khóc vì xấu hổ; cô xin lỗi ba, còn chúng tôi không biết làm gì để an ủi cô.

Cũng chính là cùng với cô Đôdia, lần đầu tiên chúng tôi đã đi xem một buổi chiếu bóng. Vào buổi sơ khai, ở nước Nga điện ảnh được gọi là “ảo ảnh” hoặc “ánh sáng xinê”.

Buổi chiếu phim ra mắt được tổ chức ở Nhà hát ca kịch. Ba tôi rất ngưỡng mộ “ảo ảnh” và đón chào sự xuất hiện của loại hình nghệ thuật này như một trong những phát minh nổi bật nhất của thế kỷ XX.

Người ta căng trên sân khấu một tấm vải xám ẩm ướt và tắt hết đèn. Một mảng ánh sáng xanh đục như tín hiệu báo trước một điềm gở bắt đầu nhấp nháy và những vệt đen bất thần nổi lên và chạy toán loạn trên màn ảnh. Một luồng ánh sáng mờ khói tuôn ra ngay trên đầu chúng tôi. Sau lưng chúng tôi những tiếng máy chạy xèo xèo cứ như người ta đang quay cả một con lợn rừng. Cô Đôdia ngã người về phía má tôi:

- Sao “ảo ảnh” nó réo dữ thế chị? Chúng mình sẽ không chết ngọt cả nút giống như trong chuông gà đấy chứ?

Sau một hồi nhấp nháy liên tục, một dòng chữ xuất hiện trên tấm vải: “Hỏa sơn phun lửa ở Máctiních - phim phong cảnh”.

Màn ảnh bắt đầu rung lên và giống như sau một làn mưa bụi, nham thạch từ lục phủ ngũ tạng của quả núi dào dạt tuôn ra. Người xem nhốn nhác cả lên vì bàng hoàng.

Sau những thước phim phong cảnh, người ta giới thiệu một chuyện hài hước ngắn về đời sống doanh trại ở Pháp. Một thượng sỹ, đội trưởng quân nhạc khua trống cái, lính tráng vùng dậy, nhảy khỏi giường và hồi hả mặc quần áo. Một con chuột cống từ trong ống quần rơi xuống đất và cuống quýt chạy trong phòng. Những chú lính khiếp đảm, mắt tròn xoe trông phát gớm, ba chân bốn cẳng nhảy tót lên giường, lên bệ cửa sổ và cửa lớn. Thế là hết phim.

- Cứ như vỡ chợ - Má bình phẩm - Chỉ có điều Hội chợ khế ước còn thú vị hơn nhiều.

Ba thì bảo, những người suy nghĩ thiếu cận bao giờ cũng phì phì những lời nhạo báng như đầu máy xe lửa Xtêphensân. Thế là phải tìm cách hòa giải ba má tôi, cô Đôdia vội vàng gạt đi:

- Thôi mà, để “áo ảnh” nó được yên thân. Nó rắc rối lắm, chị em đàn bà chúng mình không hiểu được đâu.

Tại Hội chợ Kế ước, những dãy lều hàng quả là có hấp dẫn hơn thật. Chúng tôi rất thích và suốt mùa đông chúng tôi nóng lòng chờ đợi ngày hội hàng năm ấy.

Hội chợ được tổ chức vào tháng ba tại Cung Khế ước, trên quảng trường Pôđin, trong những dãy lều vây quanh toà kiến trúc ấy.

Thường thì, vào ngày khai mạc, băng tan làm những lối đi lầy lội. Mùi hăng hắc của hàng hoá đem trưng bày tỏa ra xung quanh, khá xa. Không khí sục mùi những chiếc thùng chứa mới toanh, mùi da thuộc, mùi bánh ngọt, mùi vải vóc bầu.

Nhưng trong tất cả các kì quan của ngày hội, tôi mê nhất những con ngựa gỗ, các đồ chơi và sưu tập những vật trang trí bằng sáp.

Những khối mút hanva¹ mỡ màng trắng hoặc màu sôcôla sẽ rít lên kin kít dưới lưỡi dao của người bán hàng. Còn kẹo lucun² trong suốt có ướp

1. hanva (halvâ): mút Thổ Nhĩ Kỳ làm bằng bột, dầu vừng, mật ong, hoa quả và hạnh nhân.

2. lucun (loukouns): một loại kẹo miền Trung Á làm bằng bột thơm bọc đường.

hoa hồng hay chanh quả thì dẻo quẹo trong miệng. Trong những cái đĩa to tướng, người ta xếp từng đống hình kim tự tháp những mơ mận, anh đào ướp đường, đặc sản của nhà Balabukha, một cửa hàng kẹo bánh nổi tiếng ở Kiép.

Trên những chiếc chiếu trải ngay trên đất bùn, xếp hàng dầy dài những chú lính gỗ gọt vụng và tô màu nham nhở: những chàng cô gái đội mũ nỉ mặc quần thụng phồng có nẹp đỏ chót, những gã mất lời nom dễ sợ, mấy chú lính kèn với những quả tua mĩ miều đứng đưa dưới cây kèn đồng của các chú. Những chiếc còi bằng đất thó quẳng hàng mở, lỏng chổng trên quầy hàng.

Mấy lão già nhỏ con, tính tình vui nhộn xô đẩy chen lấn trong đám đông, luôn miệng tuôn ra hàng tràng những đa ngôn kiểu “mẹ chồng” hay “giọng lười của khách giang hồ tứ hải”. Ở đằng kia có một trò chơi hấp dẫn: một thằng quý con da đen, lông lá đang nhẩy lộn nhào trong một vại nước nhỏ.

Đủ các thứ âm thanh hỗn độn đến làm ù cả tai con người ta: tiếng rao ới ới của người bán hàng, tiếng lạo xạo của những vành bánh xe bọc sắt, tiếng chuông tuần chay của tu viện Bratocxơ, tiếng kêu the thé của những con búp bê cao su, tiếng còi, tiếng reo hò của những đứa bé phi ngựa gỗ.

Chỉ cần dần thêm một chút là cái vòng trượt

bắt đầu quay tí tồ lờ đến nổi người xem chỉ còn thấy một vệt loang loáng những đầu ngựa giấy bồi nhe răng nhả nhỏ, những cavát, giấy ủng, những cái váy lộng gió, những chiếc nịt tất đủ màu sắc, những đấng ten, khăn quàng. Đôi khi một vài viên thủy tinh vỡ từ một chuỗi hạt văng ra bắn vào mặt người xem như những viên đạn.

Những nhân vật trong bộ sưu tập đồ trang trí bằng sáp làm tôi sợ mất hồn.

Ông Các nô, Tổng thống nước Cộng hòa Pháp bị ám sát nằm sõng xoài trên đất, quần áo chỉnh tề, một tấm huân chương to tướng trên ngực và ông ta cười. Một vệt máu đặc quánh, chẳng thật chút nào mà chỉ giống như vadolin đỏ, từ tấm áo giáp của ông ta rỉ ra. Các nô có vẻ thích thú được chết một cách ngoạn mục như vậy. Còn hoàng hậu Clêôpát thì ghì chặt một con rắn đen trên bộ ngực cứng như quả lựu và xanh nhợt của bà.

Một nàng tiên cá mất phơn phớt tím nằm trong chiếc bồn tắm bằng thiếc. Lớp vảy bản thủ của nàng phản chiếu ánh đèn mờ. Nước trong bồn thì đục ngầu.

Trong một cái hòm không có nắp nhưng được giăng một tấm lưới thép, một con trăn co rút rúc vào đống mền phủ chân thùng lỗ chỗ nằm ngủ. Thỉnh thoảng nó lại co gân bắp và bất giác người

xem lại giật lùi né sang một bên.

Một con đười ươi nhồi rơm, trong đám lá cành giã bằng phơi bào nhuộm màu sắc sỡ, đang tha một cô gái trẻ bất tỉnh nhân sự, mớ tóc vàng xõa rối, vào bụi rậm.

Bỏ ra ba còpéch, bất cứ ai tình nguyện cũng có thể tương cho con đười ươi một phát để cứu cô gái. Nếu xạ thủ bắn trúng một điểm tròn nhỏ trên ngực nó, con quái vật sẽ buông cô hàng nga làm bằng giẻ rách sòng xoài trên mặt đất. Từ tám thân của cô gái bốc ra một đám bụi mù.

Lúc đó, người ta tạm kéo màn và một lát sau con đười ươi lại xuất hiện, vẫn tha cô thiếu nữ một cách màn rợ như trước vào chính cái bụi rậm ban nãy.

Chúng tôi thích Hội chợ Khế ước cũng vì nó là tín hiệu cho biết lễ Phục sinh và cả cuộc hành hương về nhà bà ngoại ở Séccaxi đã đến gần. Và sau đó là mùa xuân kì diệu và trắng lệt của Kiép.

TRUNG ÚY HẢI QUÂN

? Kiếp, những con lữ của dòng sông
O Đơnhiéppơ thật sự là những sứ giả của mùa
xuân. Chỉ cần ra khỏi thành phố vài bước
chân và trèo lên gò Voladimia vài bậc, người ta đã
có thể được chiêm ngưỡng cả một biển trời sông
nước mênh mông phơn phớt xanh trải dài cho đến
vô tận.

*Ngoài những cơn sóng dồi của dòng sông xanh,
thành phố giờ đây còn tràn ngập một làn sóng
khác, làn sóng dạt dào của ánh sáng mặt trời chói
lọi, của bầu không khí trong lành tươi mát, của làn
gió ấm áp và ngát hương. Những cây bạch dương
khổng lồ trên Đại lộ Bibicốp đã rì rào những tán lá
dinh dính như có nhựa. Đó đây đường phố tràn
ngập một mùi thơm bạch dương. Những cây dẻ bắt
đầu trở ra những chiếc lá non trong suốt, nhẵn
nheo và mơn mớn lông tơ phớt hồng.*

Khoảnh khắc khi những ngọn nến vàng và
hồng của rặng bạch dương bắt đầu bật sáng cũng

chính là lúc nàng xuân bước vào tuổi dậy thì. Những khu vườn cổ kính nhấn chìm những góc phố trong những làn sóng dạt dào của khí trời tươi mát, trong hơi thở âm ỉ của những thảm cỏ non, trong tiếng thì thầm của lá cành vừa mới xoè hoa.

Những chú sâu róm còng lưng mãi miết đo từng li đếm từng tác của những vĩa hè đường như bất tận ngay dọc theo đại lộ Crêsáttrich. Những ngọn gió tươi vui xào xạc chạy dài thu gom những cánh hoa phớt hồng thành những cụm nhỏ. Máy chú bọ rầy cùng những cánh bướm sặc sỡ thi nhau ùa vào tận những toa tàu điện. Đêm đến, sơn ca thi nhau thánh thót trong những mảnh vườn dọc theo đường phố. Chẳng khác gì những đám bọt đục ngầu trên Biển Đen nơi trời Nam xa lắc, những bụi bông gòn trắng bứt khỏi những ngọn bạch dương cũng hồi hả đuổi nhau lăn long lóc như những đợt sóng dồn trên nền đường khô cứng.

Bên trên những khung cửa sổ rộng mở của các phòng trà và những quán kem nước đá, người ta căng lên những bức màn vải sọc. Trên mặt bàn của những quán ăn, loáng thoáng những cánh tử đinh hương lấm tấm những giọt thủy ngọc. Các thiếu nữ của kinh thành Kiép bói tìm trong những bó hoa những “vòng tay hạnh phúc” năm cánh. Dưới những chiếc mũ rơm rộng vành, khuôn mặt các em lấp lánh ánh ngà.

Sau đó là thời điểm khi tất cả những khu vườn mênh mông của Kiép đơm đầy hoa lá. Ngày nào cũng vậy, tôi mất hút vào những khu vườn ấy từ sáng đến chiều. Tôi dạo chơi, làm bài tập, đọc sách và chỉ từ đó trở về nhà để kịp ăn bữa tối rồi đi ngủ ngay.

Tôi thuộc lòng từng ngõ ngách của khu Vườn Bách Thảo mênh mông, những khe lạch, những ao hồ của nó và cả cái bóng tối sẫm của những cây bồ đề cổ thụ vĩnh viễn đổ xuống những lối đi dạo trong vườn.

Nhưng nơi tôi ưa thích nhất lại chính là công viên Marinxki, gần lâu đài Lýpki. Từ trên cao, công viên này nhìn xuống dòng sông Đơnhépơr. Những bụi tử đinh hương màu trắng và màu hoa cà cao gấp ba đầu người không ngừng đung đưa và reo vui ngay dưới những đám mây xao động của đàn ong mật. Những tia nước mát vọt lên từ giữa những thảm cỏ.

Cả một vành đai rộng những khu vườn xanh tươi đội vương miện cho những bờ vách đất sét đỏ ngầu và dựng đứng của dòng sông Đơnhépơr: các công viên Marinxki và Đơvortơxôvy, các khu vườn Tơxarơxki và Kupéttrơxki. Chính là từ khu vườn Kupéttrơxki, người ta có thể khắp khắp chiêm ngưỡng quang cảnh tuyệt vời của đại lộ Pôđôn.

Người dân Kiép rất lấy làm tự hào có được cảnh quan nổi tiếng ấy. Một dàn nhạc giao hưởng khoan nhặt suốt cả mùa hè trong vườn Kupéttrexki. Ngoài tiếng còi lạnh lạnh của những con tàu trên dòng sông Đơnhieppơ, thật vậy thường chẳng có gì đến đây quấy rầy những con người say mê âm nhạc.

Khu vườn cuối cùng nhìn xuống dòng sông nằm trên Gò Voladimia với pho tượng hoàng thân Voladimia mang trong tay một cây thánh giá lớn bằng đồng. Trên cây thánh giá có gắn những ngọn nến điện. Tối đến, những bóng điện nhỏ này bật sáng và thế là trên bầu trời một chữ thập lửa lượn lơ trên những ngọn đồi của kinh thành Kiép.

Vào mùa xuân, thành phố của chúng tôi đẹp đến nỗi tôi không tài nào hiểu nổi niềm đam mê của má tôi đối với những cuộc đi chơi dã ngoại không thể thiếu được vào những ngày chủ nhật ở những vùng lân cận, như Bôiacca, Putrotra Vôđixa hay Đaronítxa. Những lô nhà ở đơn điệu giống nhau như dúc ở Putrotra Vôđixa khiến tôi phát ngấy. Với con mắt thờ ơ lãnh đạm, tôi liếc nhìn cái lối đạo tàn úa kia của “nhà thơ Nátxon” trong rừng Bôiacca và tôi cũng chẳng ưa gì khu Đaronítxa ở bên kia sông với những góc thông đất xung quanh bị dây xéo nát nhừ và những bãi sông lãn đầy cuống thuốc lá.

Một ngày mùa xuân, tôi ngồi trong công viên Marinxki và đọc *Đảo giấu vàng* của Xtêvenxơn. Chị Galia ngồi ngay bên cạnh và cũng đọc như tôi. Chiếc mũ mùa hè của chị đặt trên chiếc ghế dài. Một hơi gió nhẹ làm lay động những dải lụa màu xanh của chiếc mũ.

Galia bị cận thị nặng nhưng bản chất rất tốt. Không có gì có thể làm mất đi, dù chỉ trong giây lát, phong thái điềm đạm của chị ấy.

Sáng sớm, lác đác có vài giọt mưa; nhưng bây giờ, bầu trời trong veo của mùa xuân đang lấp lánh trên đầu chúng tôi. Chỉ có những cây tử đinh hương là còn để rơi tí tách vài giọt muộn màng.

Một bé gái, cái nơ lụa to tướng trên mái tóc vàng, dừng lại trước mặt chúng tôi và bắt đầu nhảy dây. Nó làm tôi mất tập trung vào trang sách. Tôi rung rung cái gốc tử đinh hương. Một làn mưa bụi nhẹ nhẹ rũ xuống đầu con bé và cũng rắc cả lên người chị Galia. Cáu tiết, bé gái lè lưỡi, trợn mắt nhìn tôi rồi bỏ chạy trong khi bà chị tôi rũ nhẹ những giọt nước li ti khỏi trang sách rồi lại bình thản tiếp tục đọc.

Đúng lúc ấy tôi chợt trông thấy con người mà sau này, trong một thời gian khá lâu, đã đầu độc tâm hồn tôi bằng những giấc mơ hảo huyền không tài nào thực hiện được về tương lai.

Một người đàn ông cao lớn, khuôn mặt rám nắng và điềm đạm bước những bước đi khoan thai uyển chuyển trên lối dạo: đó là một viên trung úy hải quân. Một lưỡi dao găm trong một chiếc vỏ màu đen móc vào chiếc dây lưng đánh bóng. Những chiếc giải của chiếc mũ lính thủy của anh có dấu những chiếc mỏ neo bằng vàng bóng bệnh trong làn gió nhẹ.

Ở Kiép, một thành phố nằm sâu trong đất liền, thỉnh thoảng chúng tôi mới được trông thấy những thủy thủ, anh ta quả là một sinh linh đến từ một phương trời xa xăm của những huyền thoại, một thế giới của những con tàu có cánh và của con tàu hộ tống *Paladơ*, của những đại dương, những biển cả, của những thành phố hải cảng, của những ngọn gió dữ dội, của cả cái vũ trụ bạc la đầy quyến rũ kia mà hiện thân chính là cuộc đời của một nhà hàng hải. Lưỡi dao găm với cái chuôi đen nhánh kia cứ như đã từ những trang viết của Xtêvenxơn bất thần nhảy ra giữa công viên Marinxki.

Viên trung úy lướt qua trước mặt chúng tôi, cát mịn se se rít lên dưới đế giày. Tôi vụt đứng dậy và bám gót anh ta. Vì cận thị nặng, Galia thậm chí không nhận ra sự biến mất của tôi.

Toàn bộ nỗi buồn man mác hoài mong biển cả nung nấu từ lâu của tôi giờ đây vụt trở nên cụ thể hoá trong con người đang ung dung bước đi trước

mặt tôi kia. Không còn biết bao lần tôi đã từng mừng tượng về một mặt biển mờ sương, bỗng vàng rực lên trong khoảng khắc im ắng khi chiều tà buông xuống, về những chuyến băng qua những đại dương xa xăm trong khi toàn bộ thế gian này diễu qua trước mắt tôi ở phía bên kia của khoang kính cửa sổ con tàu giống như trong một ống kính vạn hoa. Chúa ơi! Giá như ai đó có thiện ý cho tôi một món quà, dù chỉ là một mảnh sắt rỉ nhỏ nhoi long ra từ một chiếc mỏ neo cũ, tôi sẽ trân trọng nâng niu nó suốt đời như một kho báu.

Viên trung úy ngoái cổ lại nhìn. Trong nháy mắt trên chiếc giải mũ thủy thủ của anh ta, tôi đã kịp đọc được một từ đầy bí hiểm: *Phương vị*. Sau này tôi được biết rằng đó là tên của một con tàu trường học cũ của Hạm đội Bantích.

Tôi bám sát anh ta không rời bước suốt dọc đường phố Êlidabét, rồi đường Học viện, phố Nicôla. Với một cử chỉ rất ung dung thư thái và có phần kiêu cách, người lính thủy giơ tay lên vành mũ chào những sỹ quan bộ binh. Bỗng tôi cảm thấy xấu hổ trước anh ta vì thành phố của tôi đã có những vị tướng quân vụng về thô kệch.

Anh ta ngoái cổ lại nhiều lần. Đến góc phố Mêrinh, anh ta dừng lại và ra hiệu bảo tôi đến với anh ta.

- Này, cậu bé, - người sỹ quan hỏi tôi với một giọng giễu cợt, - sao chú mày cứ lảng nhãng theo anh như cái rờ - moóc thế?

Tôi đỏ mặt và chẳng nói gì.

- Hẳn là cu cậu mơ đời thủy thủ chứ gì? - viên trung úy nhìn tôi đoán già đoán non, nhưng chẳng hiểu tại sao anh ta lại dùng ngôi thứ ba khi trực tiếp nói với tôi.

- Em bị cận thị, - tôi lúng búng.

Anh ta đặt lên vai tôi một bàn tay xương xẩu.

- Chúng mình qua đại lộ Crêsáttríc được chứ?

Chúng tôi lại bên nhau cất bước. Tôi không dám ngược mắt nhìn lên và chỉ trông thấy những chiếc giầy chắc khoẻ của người sỹ quan, mũi giầy đánh xi bóng lộn.

Đến đại lộ Crêsáttríc, viên trung úy đưa tôi vào phòng trà "Xêmadêni". Anh ta gọi hai xuất kem đào lạc và hai cốc nước. Người ta mời chúng tôi giải khát trên một chiếc bàn bằng đá ba chân. Mặt đá hoa cương mát lạnh nhưng chỉ chút nham nhở những con số. Phòng trà "Xêmadêni" vốn là nơi tụ tập của các thương gia Thị trường Chứng khoán. Họ gạch khía những tính toán lổ lãi lên mặt bàn.

Chúng tôi thưởng thức món kem trong im lặng. Rồi người thủy thủ lấy ra từ chiếc ví tám ảnh chụp một con tàu hộ tống đã rất lộng lẫy lại còn được

làm duyên bởi những cánh bướm và có một ống khói khổng lồ. Anh ta đưa tấm ảnh cho tôi.

- Cẩm lấy làm kỷ niệm. Đó là con tàu của bọn này. Anh đã từng vượt đại dương đến tận Livopun trên con tàu hộ tống này.

Anh xiết chặt tay tôi rồi bỏ đi. Tôi vẫn ngồi đó im lặng hồi lâu cho đến khi những người khách giải khát quanh những chiếc bàn gần đó, lăm lăm mồ hôi với chiếc mũ bình thiên bằng rơm trên đầu, xoay người lại về phía tôi. Thế là, tôi luống cuống ra khỏi cửa hàng và ba chân bốn cẳng chạy trở lại công viên Marinxki. Chiếc ghé dài không có người ngồi, chị Galia đã đi rồi. Tôi rơm rớm nước mắt. Tôi nhận ra rằng người trung úy hải quân đã thương hại tôi và lần đầu tiên trong đời, tôi cũng hiểu rằng lòng trắc ẩn thường để lại trong tâm hồn con người cái dư vị của nỗi xót xa cay đắng.

Sau cuộc gặp gỡ ấy, nỗi khát khao muốn trở thành thủy thủ đã dày vò tôi trong nhiều năm liền. Biển cả cuốn hút tôi như điện như dạn. Trước kia, khi ba tôi đưa tôi đi theo đến Nôvôrôxiixk, tôi mới thoáng thấy biển cả lần đầu tiên. Tất nhiên như vậy làm sao đủ được.

Tôi để ra hàng giờ liền, cúi sát xuống tấm bản đồ thế giới của tôi, để nghiên cứu bến bờ, dáng dấp của các đại dương, để xác định vị trí của các thành

phố hải cảng xa xăm chưa được biết tới, những mũi đất, những cù lao, những cửa sông.

Cuối cùng tôi đã nghĩ ra một trò chơi phức tạp. Tôi đã lập nên danh sách những con tàu với cái tên rất kêu: *Ngôi sao Bắc Cực, Oantơ Xcốt, Hingan, Siriuyx*. Bản danh sách mỗi ngày một dài thêm. Và thế là tôi trở thành chủ nhân của hạm đội lớn nhất thế giới.

Bỗng chốc tôi thấy mình dường bệ trong văn phòng của hãng hàng hải của tôi, giữa những cuộn khói xì-gà lơ lửng ngưng đọng trong không trung và xung quanh đầy những tấm biển quảng cáo sặc sỡ và các biểu lộ trình. Những khoang cửa lớn của văn phòng của tôi đương nhiên là nhìn ra kè biển. Cột buồm của những con tàu của tôi dựng lên ngay sát những khoang cửa, trong khi ở ngoài kia những cây du hiên hậu vẫn thì thào chẳng biết tự bao giờ. Từng cuộn từng cuộn xoáy tròn, khói của những con tàu im ắng lền vào qua những khung cửa sổ và trộn vào với cái mùi nặng nặng của nước mắm đã bắt đầu bị phân hủy và mùi của những chiếc bao tải gai, mới toanh, lóng lánh và trông vui mắt.

Tôi đã thảo ra một loạt các hành trình độc đáo của những con tàu của tôi. Không một xí xĩnh bí hiểm nào mà chúng không thể cập bến. Thậm chí chúng sẽ có thể ghé vào Cù lao Trixtăng Đa Kunha để đón khách.

Tôi đã đổi hành trình của một vài con tàu của tôi để đưa chúng đến một hải cảng khác. Tôi theo dõi sát đường đi lối lại của chúng, và biết chắc chắn chúng hiện đang ở đâu vào một ngày nào đó, *Đô đốc Ixtôminơ* hay *Con Tàu Ma*: *Đô đốc* đang lấy chuỗi ở Xingapo trong khi *Con Ma* đang dỡ những bao bột mì xuống đảo Phêrôê.

Nhưng để cai quản một xí nghiệp hàng hải tầm cỡ như vậy, tôi đã phải có được rất nhiều kiến thức. Tôi ngẫu nhiên hàng tập đầy những tài liệu hướng dẫn, những bản chỉ đường cho các hành trình và tất cả những gì chỉ cần có hơi hướng liên quan tới biển cả.

Đúng lúc ấy tôi nghe thấy tiếng má tôi thốt lên cái từ “viêm màng não”.

- Chỉ có trời mới biết được cái gì sẽ xảy ra với thằng bé vì quá mê mẩn với trò chơi khó hiểu của nó. - một hôm má nói - Mong sao tất cả những trò ngớ ngẩn kia cuối cùng không đưa tới bệnh viêm màng não!

Tôi đã từng nghe nói rằng bệnh viêm màng não là một chứng bệnh mà những đứa trẻ biết đọc quá sớm thường mắc phải. Vì vậy tôi chỉ mỉm một nụ cười mỉa mai trước sự lo sợ của má.

Trong thực tế, tất cả những điều đó đã khiến ba má tôi quyết định đưa cả gia đình đi nghỉ hè ở bờ biển.

Bây giờ tôi mang máng nhận ra rằng, má tôi hy vọng, thông qua cuộc hành trình ấy, sẽ chữa khỏi được cho tôi cái chứng đăm mê biến cả. Má tin rằng nhờ có sự tiếp xúc trực tiếp với cái đã mãnh liệt lôi cuốn mọi giấc mơ của tôi đến như vậy, tôi sẽ bị vỡ mộng như người ta thường thấy trong những trường hợp tương tự. Má đã có lý, tuy nhiên, chỉ có lý phần nào thôi, má ơi...

THIÊN ĐƯỜNG DÁNG DẬP RA SAO

Một hôm, với một vẻ rất trang trọng, má tuyên bố rằng chẳng bao lâu nữa chúng tôi sẽ lên đường đi Biển Đen, rằng chúng tôi sẽ nghỉ suốt cả mùa hè ở Ghêlêndơgích, trong vùng ngoại ô Novôrôxiixơ.

Có lẽ không thể tìm được nơi nào thích hợp hơn để chữa cho tôi khỏi cái chứng đam mê biển cả và các xứ sở của miền Nam.

Buổi ấy, Ghêlêndơgích chỉ là một thành phố nhỏ bụi bặm và nóng như thiêu như đốt, không một bóng cây. Trong vòng bán kính nhiều cây số, màu xanh cây cỏ đã bị những cơn gió nóng từ Novôxiixơ thổi tới hủy diệt hoàn toàn. Chỉ còn lại đó đây vài bụi táo na gai góc; dăm gốc keo còi cọc với những bông hoa vàng vọt và héo hon vất vưởng trong những mảnh vườn nhỏ dọc theo mặt tiền các ngôi nhà. Sườn dốc của những rặng núi ném trả lại thành phố những luồng hơi nóng hầm hập. Ở cuối vịnh một nhà máy xi măng ngày đêm nhà khói.

Nhưng, như để bù đắp cho vẻ khắc khổ của thành phố, vịnh Ghêlêndơgích quả là một thắng cảnh. Dưới làn nước trong suốt và âm ấm, những con sứa lớn giống như những bông hoa khổng lồ màu hồng hay phớt xanh im ắng lượn lờ qua lại. Trên nền cát mịn dưới đáy vịnh những con cá bơn sao lốm đốm và những con cá bóng biển mắt lồi mơ màng nằm nghỉ. Những cơn sóng dồi ném lên bãi cát trắng những mớ tảo đỏ, những chiếc phao bần bứt ra từ những tấm lưới và cả những mảnh chai vỡ màu xanh thẫm đã được những ngọn thủy triều mài nhẵn.

Dấu sao, sau kỳ nghỉ ở Ghêlêndơgích, đối với tôi biến cả vãn không hề mất đi sức hấp dẫn của nó.

Ở Ghêlêndơgích, tôi đã kết bạn với một thủy thủ lão luyện tên là Anaxtax, một người gốc Hy Lạp ở Vôlô. Ông ta có một chiếc thuyền buồm mới toanh, trắng tinh với chiếc chân chống đỏ chót còn đáy thuyền thì khum khum hình thúng và sạch bong.

Anaxtax thường đưa những người nghỉ hè đi dạo thuyền trên vịnh. Người ta đánh giá rất cao sự khéo léo và thái độ bình tĩnh của ông ta và đôi khi má để tôi một mình làm một vòng với ông ta.

Một buổi sáng, đem tôi đi theo, Anaxtax rời vịnh và phóng thẳng ra khơi. Tôi sẽ mãi mãi không bao giờ quên được nỗi hãi hùng cũng như cảm giác

mê li đã xâm chiếm tâm hồn tôi khi những cánh buồm được gió đã làm con tàu nghiêng đến mức xuýt nữa để nước tràn vào. Những ngọn sóng khổng lồ lăn ầm ầm về phía chúng tôi, màu xanh trong suốt và quất những làn mưa bụi mẫn mẫn vào mặt chúng tôi.

Tôi bám chặt vào những sợi dây néo; lúc này tôi chỉ có một ham muốn: quay trở lại ngay bờ cát trong khi Anaxtax, cái tàu kẹp giữa hai hàm răng, vẫn gào lên trên tiếng sóng một điệp khúc gì đó. Lát sau ông ta cất cao giọng hỏi tôi:

- Mẹ em mua bao nhiêu đôi giày da mộc kia? A! Đẹp thật, những chiếc giày da mộc của em.

Ông ta hát hàm về phía đôi giày Cócador da mềm của tôi. Đôi chân tôi run lên cầm cập. Tôi không nói gì. Anaxtax ngáp dài và nói với tôi:

- Đừng lo, không sao đâu! Chỉ như tắm vôi sen thôi mà, tắm vôi sen bằng nước ấm. Lát nữa, ngồi vào bàn ăn rồi em sẽ ăn rất ngon miệng cho mà xem. Chẳng cần cầu nguyện gì sất: con mời ba, con mời má. Thế là đủ.

Ông ta vũng tay điều khiển con thuyền rẽ phải, ngoặt trái, quay cuồng lông lộn một cách dễ dàng cứ như trở bàn tay. Con thuyền múc vào một xô nước mẫn và chúng tôi xông trở lại trong vịnh, khi thì nhào xuống, lúc thì vọt lên cười trên những

ngọn sóng. Những con sóng né tránh với những tiếng âm âm sôi rạo như doạ nạt dưới bụng con tàu. Tim tôi đập thình thình và hầu như lịm đi.

Bất thình lình, Anaxtax cất lên tiếng ca. Và thế là tôi không run rẩy nữa và, hơi bối rối tôi lắng nghe lời ca ứng khẩu:

Từ Batumi đến tận Xukhumi

Ai - ai - ơi!

Từ Xukhumi đến tận Batumi

Ai - ai - ơi!

Cậu bé chạy dài, chiếc hòm trên vai

Ai - ai - ơi

Cậu bé sông xoài, cái hòm vỡ đôi

Ôi - thôi - thôi.

Cánh buồm được hạ xuống theo nhịp điệu của lời ca trong khi, vẫn đang còn có đà, con thuyền lao thẳng vào cặp bến nơi má đang đứng chờ, mặt mũi tái mét. Anaxtax nhắc bổng tôi lên, đặt tôi xuống cạnh má và bình thản nói:

- Cậu bé đây rồi! Vừa đủ độ mặn, thưa bà. Cậu ấy đã bắt đầu làm quen với biển.

*

* *

Một buổi sáng, ba tôi thuê một chiếc xe ngựa và chúng tôi rời khỏi Ghêlendơgích đi chơi đèo Mikhailốp.

Lúc đầu, con đường sỏi đá men theo một sườn núi cằn cỗi và ngập bụi đất. Chúng tôi băng qua những cây cầu vắt ngang những khe núi hẹp nơi chẳng có giọt nước nào. Những đống bông mây khô và xám xịt, giống nhau như đúc, suốt ngày dài vương chặt vào đỉnh núi.

Tôi khát. Người xà ích, một người Côđắc tóc hung, chốc chốc lại xoay người lại và bảo tôi chịu khó chờ đến tận đỉnh đèo: trên kia, tôi sẽ được thưởng thức một loại nước rất ngon và mát lạnh. Nhưng tôi không tin ông ta. Cảnh tượng khô cằn của núi non vùng này cùng với tình trạng khan hiếm nước đã khiến tôi hoảng hồn. Tim tôi se lại mỗi khi tôi ngắm nhìn những dải biển hẹp, sẫm tối và mát mẻ. Dưới kia, dầu cho tôi vẫn không được thoả thuê giải khát, ít ra tôi cũng đã có thể vũng vầy bơi lội trong một làn nước mát mẻ tỉnh người.

Con đường tiếp tục bò lên mỗi lúc một cao hơn. Bất thình lình, một hơi gió mát phả vào mặt chúng tôi.

- Hẳn là đã đến đỉnh đèo! - Người xà ích reo lên.

Ông ta cho ngựa dừng lại, rời khỏi chỗ ngồi và xuống kiểm tra lại bộ phanh xe.

Đến được đỉnh đèo, chúng tôi bỗng phát hiện ra bạt ngàn những cánh rừng già. Những cánh rừng như những con sóng dập dào xa tít mù tấp đến tận

chân trời. Đó đây những khối đá hoa cương đỏ chót uy nghi dựng lên giữa bạt ngàn cành lá. Xa xa, một đỉnh núi lấp lánh băng tuyết.

- Đỉnh Nô-rê¹ chắc hẳn cũng không cao bằng, - Ông già Cô-dắc nói - Nơi đây là thiên đường.

Cỗ xe bắt đầu đi xuống. Lập tức, một bóng tối dày đặc ôm choàng lấy chúng tôi. Qua những khóm cây cành lá ken dày hầu như không thể lách qua được, chúng tôi nghe thấy tiếng nước chảy róc rách, tiếng chim hót líu lo và tiếng xào xạc của lá cành trong làn gió nhẹ lúc chính ngọ.

Chúng tôi càng đi xuống, rừng cây càng dày và đường đi càng rợp bóng. Một con suối nhỏ trong veo đã chảy theo sát ngay bên lề đường từ lúc nào chẳng biết. Dòng nước đùa giỡn với những hòn đá đủ màu sắc lướt qua những bông hoa tím, buộc chúng phải cúi đầu chào, phải run rẩy, nhưng không bao giờ dứt nổi chúng rời khỏi nền đất sỏi đá để lòi chúng theo dòng và ném xuống vực.

Má múc đầy một cốc nước suối và đưa cho tôi. Nước mát lạnh và trong nháy mắt cái cốc đã lấm tẩm đầy những hạt sương.

- Con thấy mùi ô-đôn đấy chứ? - Ba tôi hỏi.

1. Nô-rê (Pic de Nore) - Đỉnh cao Núi Đen (1210m) nằm trên địa giới hai tỉnh Ô-đơ (Aude) và Tan (Tarn) - nước Pháp.

Tôi hít căng lồng ngực. Tôi không biết nó có mùi gì, nhưng tôi có cảm giác bị vùi dưới hàng đống lá cành ướt đẫm nước mưa.

Đâu đâu những sợi dây leo cũng cố bám lấy mái tóc chúng tôi. Khi thì ở chỗ này, lúc thì ở nơi khác, bên vệ đường, một cọng hoa mơn mớn lông tơ bật dậy sau một tảng đá và đưa mắt tò mò dò xét cỗ xe của chúng tôi và những con ngựa xám đang đều chân tiến bước như trong một cuộc diễu hành, vó câu oai vệ, đầu hát về phía sau để không bị cuốn vào nước đại và bị cả sức nặng của cỗ xe lôi tuột đi.

- Kìa, con thần lẩn! - Má kêu lên.

- Đâu?

- Đằng kia! Con thấy bụi phi đằng kia không, bên trái trong cỏ có một viên đá đỏ. Thấy rồi, nhìn cao hơn một chút. Có thấy bông hoa nhỏ màu vàng không? Đó là cây đỗ quyên. Nhìn chéch về bên phải cây đỗ quyên, trên thân một cây giẻ gai bật gốc, ngay gần đám rế. Con thấy không, có một cái rế hung hung đỏ, lông lá, dính đầy đất khô và lấm chấm những cánh hoa xanh dương. Được rồi, chú thần lẩn ở ngay bên cạnh.

Tôi đã trông thấy con thần lẩn. Nhưng trước khi phát hiện ra con vật nhỏ bé tôi đã có một hành trình kỳ thú, lướt qua từ bụi phi, viên đá đỏ, đến cây đỗ quyên và cuối cùng là cây hạt dẻ sồi.

“À, ra thế! Đây chính là Côcadơ!...” tôi nghĩ thầm.

- Đây chính là thiên đường! Lão xà ích nhắc lại và cho xe rời con đường để tiến sâu vào khu rừng lần theo một lối trở hẹp cỏ mọc um tùm. - Chỉ một lát nữa thôi, chúng ta sẽ có thể tháo yên cương cho mấy con ngựa và đi tắm.

Chúng tôi dần sâu vào một xó rừng rậm, cây cối mọc san sát bên nhau và lá cành chốc chốc lại quất vào mặt mạnh đến nỗi cuối cùng chúng tôi phải dùng ngựa, xuống xe và tiếp tục đi bộ. Cỗ xe đi theo chúng tôi, bước đi chậm chậm.

Sau đó là một khoảnh rừng thưa, dưới đấy một lũng hẹp xanh tươi. Chẳng khác gì những ốc đảo trắng tinh, những khóm bồ công anh ngất nghểu trên những cái cuống dài mềm mại vượt lên trên những thảm cỏ dày. Nấp dưới bóng mấy cây giẻ gai cành lá um tùm là một cái nhà kho xiêu vẹo rỗng không, gần một dòng thác nhỏ. Làn nước trong vắt dội xuống những tảng đá, sỏi bọt, rồi tiếp tục hành trình của nó, cuốn theo hằng hà sa số những cái bong bóng nước phù du.

Trong khi người xà ích cùng với ba đi kiểm vài cành khô để nhóm một đống lửa, má cho phép chúng tôi ra thác nước rửa mặt mũi chân tay cho mát. Nước lạnh làm mặt mày chúng tôi rạng rỡ hẳn lên.

Chúng tôi đã định ngược ngay lên thượng nguồn của con sông, nhưng má đã trải lên thảm cỏ một chiếc khăn bàn, lấy thức ăn ra và tuyên bố chừng nào chúng tôi vẫn chưa ăn uống no nê, má sẽ không để chúng tôi đi đâu hết.

Tôi nhai ngấu nhai nghiền từng miếng lớn bánh mì kẹp giăm bông và những chiếc bánh bột gạo tẩm sữa lạnh cùng với những quả nho vùng Coranh. Sau đó tôi hiểu, nhưng quá muộn mất rồi, ra rằng tôi đã vội vã hấp tấp một cách vô ích: cái ấm đun nước bằng đồng, cứng đầu cứng cổ, dứt khoát không chịu sôi trên bếp lửa củi. Có lẽ vì nước quá lạnh.

Rồi bất thần, nước sôi từ trong ấm sùng sục trào ra làm ngọn lửa tắt ngấm. Sau khi đã thưởng thức chén trà khá đặc, chúng tôi giục ba khẩn trương lên để còn vào rừng. Lão già Côđắc cảnh cáo chúng tôi:

- Xem chừng đấy, quanh đây có lợn rừng. Rồi lão giải thích cho chúng tôi rằng nếu tình cờ chúng tôi thấy có những cái hố nhỏ đào bởi trong đất, điều đó có nghĩa là chúng tôi đã lọt vào một nơi mà mấy con vật kia vừa ngủ qua đêm hôm trước.

Má phát hoảng, má không thể cùng đi với chúng tôi vì má đang bị hen xuyên, nhưng ông già đã lựa lời trấn an má, khẳng định rằng lợn rừng

không bao giờ tấn công con người nếu người ta không khiêu khích chúng.

Chúng tôi lên đường, lần dọc theo bờ nước. Có lúc chúng tôi đã phải rạch ra một lối đi qua những vạt rừng cây ken dầy. Chốc chốc chúng tôi lại dừng chân và gọi nhau đến cùng chiêm ngưỡng những chiếc bồn đá hoa cương hình thành do nước sông sỏi mòn lâu ngày - (những con cá hồi vọt ngang qua những cái bồn ấy như những tia sáng xanh dương) - những con côn trùng màu xanh lục, khổng lồ, với những sợi râu mép rất dài; những cơn lốc xoáy cứ như sỏi bọt và đang cầu nhau giận dữ; những đám cỏ tháp bút cao hơn đầu người; những thảm thu mẫu đơn hoang; những khoảnh rừng thưa phủ đầy thực được.

Bôria tình cờ phát hiện ra một cái lõm đầy bụi giống như một chiếc chậu tắm cho trẻ em. Chúng tôi thận trọng đi vòng quanh để tránh cái hố. Chắc hẳn đây là cái ổ của một con lợn rừng. Ba đã tiến trước chúng tôi. Một lát sau ba cất tiếng gọi. Chúng tôi đã phải luồn lách qua những khóm hắc mai, đi vòng qua những tảng đá lăn khổng lồ rêu phong để đuổi kịp ba.

Ba đang đứng cạnh một kiến trúc rất kỳ dị, ngập trong những bụi cây mâm xôi. Bốn cột đá khổng lồ, nhẵn thín, đỡ một phiến đá bằng phẳng

như một cái mái. Một trong những tảng đá dựng đứng có một lỗ đục làm lối ra vào. Nhưng cái khe hở nhỏ quá đến nỗi chính tôi, thành viên nhỏ nhất của nhóm cũng không lách vào được. Xung quanh đó chúng tôi đã phát hiện ra nhiều kiến trúc tương tự.

- Đây là những mộ đá, - ba giảng giải cho chúng tôi - Những phần mộ cổ có từ thời đại các bộ tộc người Xixơ¹. Nhưng có thể những kiến trúc này chẳng có gì liên quan đến phần mộ cả. Các nhà bác học vẫn chưa phát hiện ra ai đã xây dựng những kiến trúc này, để làm gì và bằng cách nào.

Riêng tôi, tôi tin chắc rằng đây là chỗ ở của những cá nhân thuộc một sắc tộc người lùn đã bị tiêu vong từ lâu. Nhưng tôi không dám thổ lộ điều này với ba vì Bôria lúc ấy cũng có mặt ở đó nhất định sẽ chế giễu tôi ngay.

Chúng tôi trở lại Ghêlêndôgích, nóng bừng bừng vì phơi nắng, ngát ngậy vì mệt mỏi và nhất là không khí trong lành của núi rừng. Tôi hạ lưng và ngủ được ngay, và trong giấc mơ tôi cảm nhận được hơi thở nồng nàn của vùng bờ biển và tiếng rì rầm xa xa của biển cả.

1. Xixơ (Scithes) - Dân tộc nguồn gốc Iran sống trong các thảo nguyên bắc Biển Đen.

Sau cuộc du ngoạn ấy, trong trí tưởng tượng, tôi đã trở thành chủ sở hữu của một sứ sở kỳ vĩ khác: Côcado. Đó là lúc bắt đầu tôi đam mê Lécmonôtóp, đam mê những người vùng núi kiên cường và bất khuất của nhà thơ, mê chàng Lamin của ông. Một lần nữa má lại sợ cuống lên.

Giờ đây, khi tôi đã trưởng thành, quả thật với một niềm xúc động có đôi chút nhuốm màu ân huệ, tôi thường hồi tưởng lại những đam mê thuở thiếu thời của tôi. Những niềm đam mê ấy đã dạy tôi rất nhiều.

Tuy nhiên, tôi chẳng có gì giống những cậu bé cuồng nhiệt và ồn ã kia, những cu cậu, mỗi khi xúc động cứ rối rít lên và không còn để cho ai được yên thân. Ngược lại tôi vốn nhút nhát và không bao giờ để cho những niềm đam mê của tôi phiền nhiễu bất cứ một ai.

NHỮNG CẢNH RỪNG BRIANXCƠ

Mùa thu năm 1902, tôi chuẩn bị vào học lớp dự bị của trường Trung học số 1 của Kiép. Người anh thứ hai của tôi, anh Vadim, đã từng học ở đó. Sau khi nghe Vadim kể về những gì đã xảy ra ở trường, tôi bắt đầu hoảng: thậm chí tôi đã khóc và van má giữ tôi ở nhà.

- Hay con thích là một học sinh tự do? Má hỏi tôi, vẻ hoảng hốt.

Học sinh tự do là những trẻ em học tập tại nhà và chỉ đến trường trung học để tham dự các kỳ thi cuối năm.

Theo những gì mà các anh tôi kể lại, tôi hình dung rất rõ số phận ghê người của những đứa trẻ khốn khổ kia. Người ta cố tình đánh trượt chúng tại các kỳ thi, người ta đua nhau chế giễu chúng bằng mọi cách, người ta đòi ở chúng nhiều kiến thức, rất nhiều, hơn cả ở các học sinh khác. Học sinh tự do đừng bao giờ nên hy vọng gì ở sự giúp đỡ của bất cứ ai. Thậm chí người ta không thèm nhắc bài cho chúng.

Tôi hình dung các cậu bé kia gầy dộc đi, cơ thể hao mòn vì phải học gạo, mắt sưng húp vì khóc nhiều, tai thì dỏng lên và mặt mũi chín nhừ vì quá xúc động. Hình ảnh ấy quả là tội nghiệp, đáng thương. Vậy nên tôi chịu thua và chấp nhận đến trường.

- Thôi được! Con sẽ không làm học sinh tự do.

- Ông ọ vừa chứ! - Từ phòng của anh, Bôria, anh cả tôi, hét lên. - Hơi tí là sụt sùi!

- Má cấm anh không được làm khổ em! - Má tôi phát khùng và quát Bôria.

Má xem Bôria, con trai của má, như một kẻ nhẵn tâm và má không hết ngạc nhiên: chẳng hiểu nó giống ai mà bất nhân như vậy? Rõ ràng là anh ấy giống người bà nội Thổ Nhĩ Kỳ của chúng tôi. Tất cả các thành viên khác của gia đình chúng tôi đều có đặc điểm là cực kỳ nhạy cảm, rất gắn bó với mọi người và, hơn thế nữa, là hoàn toàn không có tinh thần thực tiễn.

Ba tôi thấu hiểu mọi nỗi hãi hùng lo sợ của tôi, mọi sự buồn tủi và dằn vặt của tôi và bao giờ cũng tìm ra phương thuốc bất ngờ cho những đau khổ của tôi. Sau khi điều qua tiếng lại nhẹ nhàng với má, ba quyết định giao tôi cho cậu Nicôla, em trai của má.

Đó chính là người học sinh sỹ quan Pêtécbua

vui tươi, người đã có lần đến Séccaxi thăm bà ngoại và rất thích nhẩy van với dì Nadia. Sau khi tốt nghiệp kỹ sư pháo binh, cậu đã cưới vợ và được bổ nhiệm về Brianxơ, một thành phố thuộc tỉnh Oren, công tác tại một nhà máy khá lâu đời sản xuất những chiếc xe kéo pháo, mà người ta gọi là “Bình Công Xưởng”.

Mùa hè năm ấy, cậu Nicôla đã thuê một *đatra*¹ làm nhà nghỉ ở giữa rừng trong vùng Brianxơ. Ngôi nhà ấy thuộc một cơ ngơi cổ, cơ ngơi Rêvơni bị bỏ hoang từ lâu. Cậu cũng gợi ý chúng tôi thuê một cái khác, cũng ở ngay trong viên trang ấy. Mặc dù có hơi xa, ba má tôi đã nghe theo gợi ý của cậu. Nhưng họ chỉ rời Kiép sau khi chị tôi và các anh tôi kết thúc kỳ thi cuối năm. Vì vậy tôi đã được gửi đi trước một mình.

- Phải để nó quen dần, - ba tuyên bố. - Như vậy sẽ rất có lợi cho những cậu bé rõ ràng là thiếu bản lĩnh như nó.

Ba gửi cho cậu Nicôla một lá thư. Ba đã nói gì với cậu? Tôi không rõ. Còn má thì lấm lét lau nước mắt và chuẩn bị cho tôi chẳng thiếu thứ gì trong một va li nhỏ kèm theo một bản liệt kê các lời dặn dò đủ loại.

1. Đatra: nhà gỗ ở nông thôn Nga, thường dùng làm nhà nghỉ.

Người ta mua cho tôi một vé xe lửa hạng hai đến tận Xinêdecxki: Nhà nghỉ của cậu Nicôla cách địa điểm ấy khoảng mười vécxto¹.

Mọi người đưa chân tôi ra ga, kể cả Bôria. Bà gặp riêng một lát với người soát vé có bộ râu xám và giúi cho ông ta một ít tiền.

- Xin bà chớ lo, thưa bà, - người kiểm soát vé hứa - tôi sẽ nâng niu cậu ấm như nâng trứng².

Má xin các bà hành khách cùng toa để mắt tới tôi và nhất là đừng để tôi xuống các sân ga. Các bà sốt sắng nhận lời. Tôi rất ngượng và kín đáo kéo tay áo của má.

Người ta loan báo tàu sắp khởi hành; mọi người ôm hôn tôi, thậm chí cả Bôria, mặc dù anh ấy không thể không giúi ngằm cho tôi một “quả lê”, như người ta vẫn gọi đùa như vậy: móng tay cái ấn xuống đỉnh đầu đau điếng người.

Rồi cả gia đình bước xuống sân ga. Riêng má, má lưỡng lự chưa muốn rời tôi. Má nắm tay tôi và nhắc:

- Ngoan con nhé. Con nghe mẹ nói không? Phải ngoan đấy. Và nhất là phải hết sức thận trọng.

Má ngắm tôi từ đầu đến chân với một cái nhìn

1. Vécxet: đơn vị đo chiều dài của Nga bằng 1067 mét

2. Nguyên bản: Tôi sẽ để ý tới cậu bé như một sợi lông tơ

dò xét. Còi tàu vang lên. Má ôm chầm lấy tôi lần cuối cùng rồi buông ra ngay và với bước đi thoăn thoắt má tiến về phía cửa toa tàu, váy áo má kêu sột soạt. Má nháy khỏi toa tàu lúc này đã bắt đầu lăn bánh. Ba đưa tay đón má và lắc đầu.

Đứng ngay bên cửa sổ đã sập xuống tôi trông thấy má gập gáp bước dọc theo con tàu, trước mắt mọi người, và chỉ đến lúc đó tôi mới khám phá ra rằng má tôi rất đẹp, nhỏ nhắn và chan chứa tình thương. Nước mắt tôi lăn chã rơi xuống cái bệ cửa sổ bụi bậm của toa tàu.

Tôi đứng nhìn ra ngoài hồi lâu rồi tôi không trông thấy má và cả nhà ga nữa. Phía sau khung kính cửa sổ, trước mắt tôi loang loáng vụt qua chằng chịt những đường ray, những đầu máy đang om sòm di chuyển, và sau hết là ngôi nhà thờ mới xây theo kiến trúc gô-tích trên đường phố Vaxiliépki đang từ từ trôi qua cứ như đang tự quay tròn tại chỗ.

Tôi không dám xoay người lại vì sợ các bà khách đồng hành có thể sẽ nhận ra đôi mắt ươn ướt của tôi. Rồi tôi sực nhớ lại ở nhà người ta đã đánh điện báo cho cậu Nicôla là tôi sắp đến với cậu. Biết rằng bản thân đã thực sự là đối tượng của một bức điện, tôi cảm thấy tự hào và vững tâm hơn.

Sàn tàu rải thảm nhung đỏ. Trong toa không

khí có vẻ ấm cúng và thoải mái. Cứ như tuân theo một mệnh lệnh nào đó, những tia nắng bụi bặm đồng loạt hồi hả chạy từ góc này đến góc kia của toa xe để rồi, cũng hăm hở như vậy, đuổi nhau theo hướng ngược lại: con tàu thoát khỏi sự huyền ảo, lộn xộn của vùng ngoại ô Kiếp rồi dần dần tăng tốc.

Người ta đã đưa tôi vào một toa dành riêng cho các bà. Đó là đôi hỏi của má. Tôi kín đáo quan sát và thăm dò các bạn nữ đồng hành lớn tuổi của tôi. Một người trong số họ, một phụ nữ người nước ngoài ngăm ngăm đen và khô gầy, gật đầu đầy vẻ khuyến khích rồi mỉm cười để lộ cả hàm răng và đưa cho tôi một hộp kẹo hoa quả. Tôi lúng túng không biết phải làm gì. Nhưng tôi vẫn cảm ơn bà ta và nhặt lấy một chiếc kẹo dính dính.

- Ăn đi! - Hành khách thứ hai ra lệnh. Đó là một cô gái khoảng mười sáu tuổi, mắt xéch lấp lánh vẻ tinh nghịch, vận đồng phục nữ sinh trung học màu hạt dẻ - Nuốt đi, ngại gì!

Quý bà người nước ngoài, hẳn là một gia sư, nói gì đó với cô gái bằng tiếng Pháp với một giọng nghiêm khắc. Cô gái nhăn mặt đáp lại. Cấu tiết, bà gia sư liền thoáng tuôn ra một tràng dài tiếng Pháp như một khẩu liên thanh nhả đạn. Cô nữ sinh trung học không thèm nghe bà ta nói hết, vùng vằng đứng dậy và đi ra hành lang.

- Ô la la! Bọn trẻ bây giờ! - Người bạn đồng hành thứ ba thở dài. Đó là một bà già nhỏ bé, tròn như một quả bóng còn cái miệng thì giống một tấm bánh quy tròn. Và quả thật, đúng là có một cái bị chứa đầy bánh quy có rắc những hạt anh túc treo lủng lẳng trên đầu bà ta. - Bọn trẻ ngày nay, thời thì khỏi phải bàn!

- Ô, ô... ô... ô! - Bà gia sư đứng đưa cái đầu tỏ vẻ tán thành.

Và bà ta cố gắng nói bằng tiếng Nga:

- Ngang bướng! Đổng đánh, tinh tướng!

Cái từ “tinh tướng” kia có nghĩa gì? Tôi không biết, nhưng tôi ngờ ngờ rằng đó là một điều xấu, vì bà già nhỏ con tròn trùng trục kia ngược mắt lên trời và buông một tiếng thở dài nào nuốt đến nỗi bà gia sư người Pháp ngược mắt nhìn bà ta với vẻ rất chăm chú.

Tôi muốn nhìn qua cửa sổ và vì vậy tôi cũng bỏ ra ngoài hành lang. Cô nữ sinh trung học đang đứng đó, bên cạnh khung cửa đã được hạ xuống.

- Kia! Víchto đấy à! - cô ấy reo lên. - Lại đây, chúng mình cùng ngắm cảnh.

- Tên tôi không phải là Víchto, - tôi đỏ mặt trả lời.

- Không quan trọng, tên gì chẳng được, cứ lại đây.

Tôi bước lên cái lò sưởi bên thành toa và nhòai người ra ngoài cửa sổ. Con tàu lăn bánh trên cây cầu vắt qua dòng sông Đơnhieppơ. Tôi thắp

thoáng trông thấy Tu Viện Nhữnġ Hang Động, thành phố Kiép xa xa và dòng sông Đonhiépơ lúc này khi lũ đã xuống đã để lộ ra nhữnġ bãi cát mịn xung quanh các mố cầu.

- Cái mụ già! - cô gái lắ m bắ m - Một Bà ái. Nhưng cậu đừng sợ. Một bà già nhân hậu đấy.

Đấy, hành trình của tôi bắt đầu vậy đấy. Nó khiến tôi mệ t nhò ai vì ngoài giờ nghỉ đêm, tôi đã phải đứ nġ suốt ngày bên cạnh một cửa sổ rộng mở. Nhưng tôi rất vui. Lần đầu tiên trong đời, tôi cảm nhận đượ c sự vô tư đặc trưng của nhữnġ chuyến ngao du khi người ta không phải suy nghĩ về bất cứ điều gì, khi người ta chỉ có một việc là chiêm ngưỡng cảnh vật trôi qua sau khung kính cửa sổ một con tàu: nhữnġ cánh đồng lúa mì, nhữnġ khóm cây, nhữnġ nhà ga xinh xắn, nơi nhữnġ chị gái quê chân đất bán sữa, nhữnġ thửa ruộng nhỏ như lòng bàn tay, nhữnġ người bẻ ghi, nhữnġ ông sếp ga đội nhữnġ chiếc mũ lưỡi trai đỏ bụi bặm, nhữnġ chú ngỗng, nhữnġ cậu bé làng quê đuổ i theo con tàu và thi nhau gào thét: “Ông ơi, ông, ném cho con vài xu!”

Thuở ấy, hành trình đến đượ c Brianxơ quả là khá ngoằn ngoèo; nó phải chạy vòng rất xa ở Lơgố p và Navolia. Phải mất ba ngày con tàu mới đến đượ c Xinêđécki.

Nó chạy rất khoan thai, dừng lại khá lâu ở các nhà ga, thở phì phì trước những tháp nước. Cứ mỗi khi tàu dừng bánh, hành khách lại chen lấn nhau đổ xô ra ngoài, ùa đến các quầy ăn, hoặc đi tìm nước nóng hoặc mua những mẹt dậu đất, những con gà giò quay của các chị nông dân. Sau đó, mọi người bình tâm trở lại. Đã đến giờ tiếp tục hành trình từ lâu, nhưng một sự im lặng mơ màng bỗng trùm xuống sân ga, nặng như thiêu như đốt, những đám mây lững lờ trôi lê theo những cái bóng xanh lơ của chúng trên nền đất, hành khách ngủ gà ngủ gật, nhưng con tàu vẫn không hề nhúc nhích. Chỉ riêng cái đầu máy thì vẫn phì phò một cách nặng nề và làm rơi xuống nền cát những giọt nước nóng bỏng và dầu mỡ.

Cuối cùng, lão sếp ga ộ ệ trong chiếc áo rodanhgốt vải bạt bước ra sân ga, lau mồ hôi bộ râu mép, đưa còi lên miệng và huýt một hơi dài. Chiếc đầu máy không trả lời và vẫn tiếp tục thở phì phò. Người sếp ga buộc phải uể oải bước đến tận cái đầu máy và lắp lại hồi còi. Chiếc đầu máy vẫn ương bướng câm lặng. Cho đến hồi còi thứ ba hay thứ tư gì đó, cuối cùng nó mới vặc lại bằng một tiếng còi gầm gấn và bất bình rồi từ từ chuyển động.

Tôi lại nhòai người ra, tôi biết rằng ngay sau cột tín hiệu đã là những bờ đường thoai thoải mọc

đầy cỏ ba lá và hoa chuông và sau nữa là một rừng thông. Ngay sau khi con tàu tiến vào rừng, tiếng gõ đều đều của bánh xe trở nên vang hơn, dội hẳn lên, cứ như trong cả khu rừng, những bác thợ rèn vui tính đang hăm hở thi nhau nện búa.

Đây là lần đầu tiên tôi được trông thấy Nước Nga Miền Trung. Tôi mê xứ sở này hơn cả Ucraina. Nó hoang vắng hơn, mênh mông hơn và hoang dã hơn. Tôi yêu thích mọi thứ ở đây: những cánh rừng, những con đường mọc đầy cỏ dại, những cuộc trò chuyện với nông dân.

Bà bạn đồng hành ngồi cạnh tôi, cái bà già nhỏ bé ấy, chẳng làm gì sất, chỉ có một việc là ngủ. Bà gia sư đã nguôi nguôi và ngồi móc những nút đăng ten. Còn cô nữ sinh trung học cũng nhòai người ra ngoài cửa sổ và vừa se se ngân nga một làn điệu gì đó vừa thoãn thoát bút những chiếc lá đang trôi theo dọc con tàu.

Hai giờ một lần, cô gái lấy lẵng thức ăn ra, nhấm nháp rất lâu và ép tôi cùng ăn. Chúng tôi ăn ngon lành những quả trứng cứng cứng, thịt gà giò lạnh, những tấm bánh và uống nước chè.

Sau bữa ăn, chúng tôi lại treo người trên cửa sổ, mùi kiêu mạch đang độ ra hoa làm chúng tôi ngất ngây. Bóng của con tàu bập bùng, bập bùng loang loáng trôi qua những cánh đồng và ánh sáng

mặt trời dào dạt tràn vào toa tàu của chúng tôi trong một làn ánh sáng màu da cam vàng óng đến nỗi khiến chúng tôi không còn phân biệt được gì trong khoang xe đường như bị nhấn chìm trong một màn sương mù khói lửa.

Con tàu đến được Xinêdécki lúc chạng vạng tối. Người kiểm soát vé đưa hộ va li của tôi xuống sân ga. Tôi hy vọng cậu Nicôla hoặc vợ Maruxia đã đợi tôi ở đó từ lâu, nhưng sân ga rất vắng vẻ. Các bà bạn mới quen của tôi tỏ ra rất bối rối.

Con tàu dừng lại Xinêdécki trong chốc lát rồi lại chuyển bánh trong khi tôi vẫn bất động bên cạnh chiếc va li. Tôi chắc rằng cậu tôi vì một lý do gì đó đã bị trễ và có thể đến đón tôi vào bất cứ lúc nào.

Đúng lúc ấy một nông dân râu ria lởm chởm, đội một chiếc mũ lưới trai đen, lôi thoi lếch thếch trong một chiếc vextông cũ, chuôi của một chiếc roi cắm vào một bên ủng, bước thấp bước cao dọc theo sân ga tiến dần về phía tôi. Lão có mùi cỏ khô và mùi mồ hôi ngứa.

- Cháu phải không, Côxtích? - Lão hỏi - Ta ra đón cháu đây. Cậu cháu, ông đại úy, bảo lão ra đón cháu và đưa cháu về bình an vô sự. Nào, đưa hành lý của cháu đây, để chúng ta ra về.

Đó là thử thách cuối cùng theo dụng ý của ba. Sau đó tôi được biết trong thư gửi cậu Nicôla, ba khẩn khoản yêu cầu để không ai ra ga đón tôi.

Người xà ích tên là Nikita thì thăm một cái gì đó về ông đại úy, cậu tôi, rồi đỡ tôi lên ngồi, trong chiếc xe ngựa chở hàng, trong mớ cỏ khô phủ một tấm vải bạt. Lão lấy những chiếc rọ ăn đầy đại mạch khỏi mồm những con ngựa, treo lên chỗ ngồi của lão và chúng tôi lên đường.

Chúng tôi lăn bánh hồi lâu qua những cánh đồng đêm đang xuống dần, rồi con đường bắt đầu leo lên những quả đồi giữa những cánh rừng. Thỉnh thoảng, trong những thung lũng, cỗ xe lăn bánh trên những cây cầu gỗ, bên dưới óng ánh một làn nước đầm lầy đen ngòm. Những hơi gió ẩm ướt, mùi cỏ tranh phập phồng trong không gian. Xa xa, phía bên kia những cánh rừng và những bưng biền bông bênh nổi lên một mảnh trăng đỏ ngầu, tàn úa. Chúng tôi nghe thấy tiếng kêu của một con diệp sao và Nikita đưa ra lời nhận xét:

- Vùng này của chúng tôi rất vắng vẻ, toàn rừng là rừng. Gỗ, nước, nhiều vô kể. Trong khắp cả tỉnh Oren, không nơi nào ngạt ngạt như vùng này.

Chúng tôi tiến sâu vào một khu rừng thông để rồi chẳng bao lâu sau trượt xuống một cái dốc dài đổ vọt vào một lòng sông. Những ngọn thông che khuất mảnh trăng và trời đêm khép lại xung quanh chúng tôi. Trên đường, phía trước chúng tôi, nghe có tiếng người. Bỗng nhiên tôi cảm thấy lo sợ.

- Bác phải không, Nikita? – giọng nói quen thuộc của cậu Nicôla reo lên.

- Hơ! Nikita hét lên và kìm cương ngựa. – Chớ còn ai nữa, chúng tôi đây! Hơ! hơ! Ma quỷ thánh thần ơi!

Ai đó tóm lấy tôi, nâng tôi lên và trong bóng tối lơ mơ tôi nhận ra cặp mắt nheo cười của cậu Nicôla và hai hàm răng trắng của cậu. Cậu hôn tôi rồi lập tức trao tôi cho vợ Maruxia.

Mợ đón tôi trong vòng tay âu yếm và mỉm cười nụ cười hiền hậu của mợ. Thoang thoang xung quanh mợ một mùi hương vani rất dễ chịu: hẳn là trước đó không lâu, mợ vẫn còn đang rối bận nhào bột làm bánh ga tô.

Mọi người thoải mái ngồi xuống đệm cỏ, trừ lão xà ích Nikita tiếp tục đi bộ bên cạnh những con ngựa.

Trước hết chúng tôi đi qua một cây cầu cũ, đen ngòm, vắt qua dòng sông. Dòng sông thì sâu, lấp lánh và khoác một màn sương dày. Dưới một cây cầu khác, một con cá nhảy khỏi mặt nước rồi nặng nề rơi trở lại dòng sông. Cuối cùng, sượt mạnh qua một bên cột của một cái cổng lớn, cỗ xe tiến sâu vào một công viên rợp bóng với những thân cây cao vút, cứ như tán lá của chúng lẫn vào bầu trời đầy sao.

Đến giữa công viên, nơi giới thảo mọc quần tụ đông đảo nhất, dưới những tán lá bồ đề ken dày

đường như những tia nắng từ trên cao khó lòng rẽ nổi một lối đi để in hoa lên mặt đất, những con ngựa dừng lại trước một ngôi nhà gỗ nhỏ, ánh sáng lung linh trên các cửa sổ. Hai con chó, một trắng một vàng - con Xung kích và con Mười Lăm Xu - ùa tới sửa inh ỏi và cuống quýt nháy quanh để liếm mặt tôi.

Chiều tối hôm ấy bắt đầu thời gian lưu lại của tôi ở Rêvoni, trang viên Pôchemkin cổ kính, nằm sâu trong những cánh rừng cổ thụ của Brainxcơ chằng chịt khe rạch sông ngòi, giữa những người nông dân hiền hậu của vùng Ôren, trong một công viên lâu đời và mệnh mông đến mức không ai biết chính xác nơi nó kết thúc và nó hòa vào những cánh rừng ở chỗ nào.

Đây thực sự là những ngày hè cuối cùng của thời thơ ấu của tôi. Ngay sau đó đã là trường trung học. Gia đình chúng tôi mỗi người một ngã. Tôi đã phải sống một mình khi còn quá trẻ. Tôi đã phải tự lập thân, xoay xở một mình ngay từ những năm tháng cuối cùng của trường trung học và tôi đã hoàn toàn tự cảm thấy là một người lớn.

Và cũng chính là từ mùa hè năm ấy, tôi đã thiết tha gắn bó với Nước Nga Miền Trung, mãi mãi gắn bó, với toàn bộ tâm hồn của tôi. Tôi thật sự không biết một xứ sở nào khác được con tạo phú

cho một sức mạnh trũ tình to lớn và đậm đà, một cảnh quan ngoạn mục đầm thắm làm xiêu lòng người với một vẻ buồn man mác, một bầu không khí thanh bình với những không gian mênh mông như miền Trung nước Nga. Tình yêu mà xứ sở này thổi vào tâm hồn ta không phải là một thứ mà người ta có thể cân đong đo đếm được. Từ đáy lòng mình ai cũng biết vậy. Nơi đây, chúng ta yêu thương từng ngọn cỏ trĩa nặng sương đêm rồi được mặt trời dần dần sưởi ấm, mỗi họng nước bắt nguồn từ trong rừng sâu rồi bất thần vọt ra giữa một vách đá, từng khóm cây bên bờ một cái hồ, cành lá sẽ run lên trong làn gió nhẹ, mỗi tiếng gà gáy sáng, mỗi đám mây đang êm đềm trôi ở tít tắp trên kia, trên nền trời xanh nhạt.

Và nếu có khi nào đó tôi đã từng mơ ước sống đến tuổi một trăm hai mươi, như lão Nétsipo đã bói quả cho tôi, điều đó chỉ vì, nếu chỉ sống một đời, làm sao người ta có thể khai thác được triệt để mọi mê li, và tất cả sức mạnh hồi xuân của thiên nhiên Nga của chúng ta.

Thời thơ ấu của tôi sắp qua rồi. Tiếc thay chúng ta chỉ bắt đầu nhận ra sức quyến rũ của tuổi thơ khi chúng ta đã bước vào tuổi trưởng thành. Khi chúng ta còn là những đứa trẻ, cái gì cũng khác lạ. Chúng ta luôn nhìn đời bằng cặp mắt

mới mẻ và trong trẻo, đối với chúng ta cái gì cũng huy hoàng rực rỡ.

Mặt trời nồng nhiệt hơn, những ngọn cỏ cao hơn, những thảo nguyên ngào ngạt hơn, sấm nổ vang rền hơn, mưa rơi vui tươi và hối hả hơn và đặc biệt là trái đất thì ngàn lần bí hiểm hơn. Đất mẹ quê ta cũng là tặng phẩm tuyệt vời nhất trong những món quà mà tạo hóa đã dành cho cuộc đời của chúng ta. Một tặng phẩm mà chúng ta phải nâng niu chăm chút, phải che chở với tất cả sức mạnh tinh thần và vật chất của chúng ta.